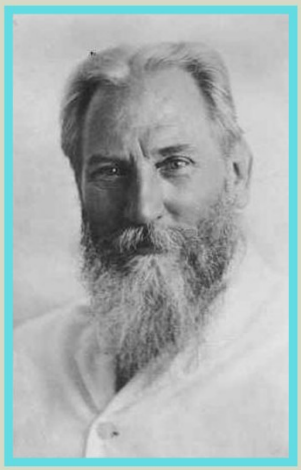
C.W. Leadbeater



NHỮNG NGƯỜI CỨU TRỢ VÔ HÌNH

Invisible Helpers

minhtrietmoi.com

Table of Contents

CHAPTER -1
The Universal Belief in Them
CHAPTER II
Some Modern Instances
CHAPTER III
A Personal Experience
CHAPTER IV
The Helpers
CHAPTER V
The Reality of Superphysical Life
CHAPTER VI
A Timely Intervention
CHAPTER VII
The “Angel Story.”
CHAPTER VIII
The Story of a Fire
CHAPTER IX
Materialization and Repercussion
CHAPTER X
The Two Brothers
CHAPTER XI
Wrecks and Catastrophes
CHAPTER XII
Work Among the Dead
CHAPTER XIII
Other Branches of the Work
CHAPTER XIV
The Qualifications Required
CHAPTER XV
The Probationary Path
CHAPTER XVI
The Path Proper

CHAPTER XVII
What Lies Beyond

Invisible Helpers

Những Người Trợ Giúp Vô Hình

by

C. W. Leadbeater

American Revised Edition

1915

CHAPTER -1

The Universal Belief in Tem—Niềm tin Phổ quát về các Người Trợ Giúp

It is one of the most beautiful characteristics of Theosophy that it gives back to people in a more rational form everything which was really useful and helpful to them in the religions which they have outgrown. Many who have broken through the chrysalis of blind faith, and mounted on the wings of reason and intuition to the freer, nobler mental life of more exalted levels, nevertheless feel that in the process of this glorious gain a something has been lost—that in giving up the beliefs of their childhood they have also cast aside much of the beauty and the poetry of life.

Một trong những đặc điểm đẹp đẽ nhất của Thông Thiên Học là nó trả lại cho con người dưới một hình thức hợp lý hơn tất cả những gì thực sự hữu ích và giúp ích cho họ trong các tôn giáo mà họ đã vượt qua. Nhiều người đã phá vỡ lớp kén của đức tin mù quáng để vươn lên bằng đôi cánh của lý trí và trực giác tới đời sống trí tuệ tự do hơn, cao quý hơn ở những cấp độ thanh cao hơn, tuy nhiên họ vẫn cảm thấy rằng trong tiến trình đạt được thành quả vinh quang này, một điều gì đó đã mất đi—rằng khi từ bỏ những niềm tin thời thơ ấu, họ cũng đã gạt sang một bên phần lớn vẻ đẹp và chất thơ của cuộc sống.

If, however, their lives in the past have been sufficiently good to earn for them the opportunity of coming under the benign influence of Theosophy, they very soon discover that even in this particular there has been no loss at all, but an exceeding great gain—that the glory and the beauty and the poetry are there in fuller measure than they had ever hoped before, and no longer as a mere pleasant dream from which the cold light of common-sense may at any time rudely awaken them, but as truths of nature which will bear investigation—which become only brighter, fuller and more perfect as they are more accurately understood.

Tuy nhiên, nếu cuộc sống của họ trong quá khứ đủ tốt để giúp họ có cơ hội tiếp cận ảnh hưởng lành mạnh của Thông Thiên Học, họ sẽ sớm nhận ra rằng ngay cả trong phương diện cụ thể này cũng không hề có sự mất mát nào cả, mà là một sự đắc lợi vô cùng lớn lao—rằng vinh quang, vẻ đẹp và chất thơ hiện hữu ở đó với mức độ trọn vẹn hơn những gì họ từng hy vọng trước đây, và không còn như một giấc mơ thuần túy dễ chịu mà ánh sáng lạnh lùng của lẽ thường có thể thô bạo đánh thức họ bất cứ lúc nào, mà là những sự thật của tự nhiên có thể chịu được sự khảo sát—những sự thật vốn chỉ trở nên sáng tỏ hơn, đầy đủ hơn và hoàn hảo hơn khi chúng được thấu hiểu một cách chính xác hơn.

A marked instance of this beneficent action of Theosophy is the way in which the invisible world (which, before the great wave of materialism engulfed us, used to be regarded as the source of all living help) has been restored by it to modern life. All the charming folk-lore of the elf, the brownie and the gnome, of the spirits of air and water, of the forest, the mountain and the mine, is shown by it to be no more meaningless superstition, but to have a basis

Một minh chứng rõ rệt cho tác động hữu ích này của Thông Thiên Học là cách mà thế giới vô hình (vốn dĩ, trước khi làn sóng vật chất chủ nghĩa nhấn chìm chúng ta, thường được coi là nguồn gốc của mọi sự trợ giúp sống động) đã được nó khôi phục lại cho đời sống hiện đại. Tất cả những câu chuyện dân gian quyến rũ về yêu tinh, tiểu tiên và quỷ lùn, về các tinh linh của khí và nước, của rừng rậm, núi non và hầm mỏ, đều được nó chỉ ra không còn là sự mê tín vô nghĩa, mà có một

of actual and scientific fact behind it. Its answer to the great fundamental question "If a man die, shall he live again?" is equally definite and scientific, and its teaching on the nature and conditions of the life after death throws a flood of light upon much that, for the Western world at least, was previously wrapped in impenetrable darkness.

nền tảng sự thật thực tế và khoa học đằng sau đó. Câu trả lời của nó cho câu hỏi cơ bản lớn lao "Nếu một người chết đi, liệu y có sống lại không?" cũng xác định và khoa học tương tự, và giáo lý của nó về bản chất và các điều kiện của đời sống sau khi chết đã soi sáng rất nhiều điều mà, ít nhất là đối với thế giới phương Tây, trước đây vốn bị bao phủ trong bóng tối dày đặc không thể xuyên thấu.

It cannot be too often repeated that in this teaching as to the immortality of the soul and the life after death, Theosophy stands in a position totally different from that of ordinary religion. It does not put forward these great truths merely on the authority of some sacred book of long ago; in speaking of these subjects it is not dealing with pious opinions, or metaphysical speculations, but with solid, definite facts, as real and as close to us as the air we breathe or the houses we live in—facts of which many among us have constant experience—facts among which lies the daily work of some of our students, as will presently be seen.

Cần lưu ý rằng trong giáo lý về sự bất tử của linh hồn và đời sống sau khi chết này, Thông Thiên Học đứng ở một vị trí hoàn toàn khác biệt so với tôn giáo thông thường. Nó không đưa ra những sự thật vĩ đại này chỉ dựa trên thẩm quyền của một cuốn sách thánh nào đó từ xa xưa; khi nói về những chủ đề này, nó không đề cập đến những ý kiến sùng đạo, hay những suy đoán siêu hình, mà là những sự thật vững chắc, xác thực, thực tế và gần gũi với chúng ta như không khí chúng ta hít thở hay những ngôi nhà chúng ta đang ở—những sự thật mà nhiều người trong chúng ta có kinh nghiệm thường xuyên—những sự thật mà trong đó có công việc hàng ngày của một số đạo sinh của chúng ta, như sẽ được thấy ngay sau đây.

Among the beautiful conceptions which Theosophy has restored to us stands pre-eminent that of the great helpful agencies of nature. The belief in these has been world-wide from the earliest dawn of history, and is universal even now outside the narrow domains of Protestantism, which has emptied and darkened the world for its votaries by its attempt to do away with the natural and perfectly true idea of intermediate agents, and reduce everything to two factors of man and deity—a device whereby the conception of deity has been infinitely degraded, and man has remained unhelped.

Trong số những quan niệm đẹp đẽ mà Thông Thiên Học đã khôi phục lại cho chúng ta, nổi bật nhất là quan niệm về các tác nhân trợ giúp vĩ đại của tự nhiên. Niềm tin vào những điều này đã lan rộng khắp thế giới từ buổi bình minh sớm nhất của lịch sử, và vẫn phổ quát ngay cả bây giờ bên ngoài các phạm vi hẹp hòi của Tin Lành giáo, vốn đã làm trống rỗng và đen tối thế giới đối với những tín đồ của mình bằng nỗ lực xóa bỏ ý tưởng tự nhiên và hoàn toàn đúng đắn về các tác nhân trung gian, và giản lược mọi thứ vào hai yếu tố là con người và Thượng đế—một phương cách khiến quan niệm về Thượng đế bị hạ thấp vô hạn, và con người vẫn không được trợ giúp.

A moment's thought will show that the ordinary view of providence—the conception of an erratic interference by the

Chỉ cần suy nghĩ một chút sẽ thấy rằng quan điểm thông thường về sự quan phòng—quan niệm về một sự can thiệp thất thường của

central power of the universe with the result of his own decrees—would imply the introduction of partiality into the scheme, and therefore of the whole train of evils which must necessarily follow upon its heels. The Theosophical teaching, that a man can be thus specially helped only when his past actions have been such as to deserve this assistance, and that even then the help will be given through those who are comparatively near his own level, is free from this serious objection; and it furthermore brings back to us the older and far grander conception of an unbroken ladder of living beings extending down from the Logos Himself to the very dust beneath our feet.

quyền năng trung tâm vũ trụ vào kết quả của chính những sắc lệnh của Ngài—sẽ hàm ý việc đưa tính thiên vị vào kế hoạch, và do đó dẫn đến toàn bộ chuỗi tai họa tất yếu phải theo sau. Giáo lý Thông Thiên Học cho rằng một người chỉ có thể được trợ giúp đặc biệt như vậy khi những hành động trong quá khứ của y đủ để xứng đáng với sự hỗ trợ này, và ngay cả khi đó, sự giúp đỡ sẽ được trao thông qua những người tương đối gần với cấp độ của chính y, giáo lý này không mắc phải sự phản đối nghiêm trọng đó; và hơn nữa, nó mang lại cho chúng ta quan niệm cổ xưa và vĩ đại hơn nhiều về một nấc thang không đứt đoạn của các sinh mệnh sống kéo dài từ chính Đức Logos xuống tận lớp bụi dưới chân chúng ta.

In the East the existence of the invisible helpers has always been recognized, though the names given and the characteristics attributed to them naturally vary in different countries; and even in Europe we have had the old Greek stories of the constant interference of the gods in human affairs, and the Roman legend that Castor and Pollux led the legions of the infant republic in the battle of Lake Regillus. Nor did such a conception die out when the classical period ended, for these stories have their legitimate successors in medieval tales of saints who appeared at critical moments and turned the fortune of war in favour of the Christian hosts, or of guardian angels who sometimes stepped in and saved a pious traveler from what would otherwise have been certain destruction.

Ở phương Đông, sự hiện hữu của các vị trợ giúp vô hình luôn được công nhận, mặc dù tên gọi và các đặc tính gán cho các Ngài tự nhiên thay đổi ở các quốc gia khác nhau; và ngay cả ở châu Âu, chúng ta đã có những câu chuyện Hy Lạp cổ đại về sự can thiệp liên tục của các vị thần vào công việc của con người, và truyền thuyết La Mã rằng Castor và Pollux đã dẫn dắt các quân đoàn của nền cộng hòa non trẻ trong trận chiến ở hồ Regillus. Quan niệm như vậy cũng không hề lụi tàn khi thời kỳ cổ điển kết thúc, vì những câu chuyện này có những sự kế thừa hợp pháp trong các câu chuyện thời trung cổ về các vị thánh xuất hiện vào những thời điểm quan trọng và xoay chuyển cục diện chiến tranh có lợi cho các đạo quân Kitô giáo, hoặc về các thiên thần hộ mệnh đôi khi can thiệp và cứu một người lữ hành sùng đạo khỏi những gì mà nếu không có sự can thiệp đó thì chắc chắn đã là sự hủy diệt.

CHAPTER II

Some Modern Instances—Một số Trường hợp Hiện đại

EVEN in this incredulous age, and amidst the full whirl of our nineteenth-century

Ngay cả trong thời đại hoài nghi này, và giữa vòng xoáy đầy rẫy của nền văn minh thế kỷ

civilization, in spite of the dogmatism of our science and the deadly dullness of our Protestantism, instances of intervention inexplicable from the materialistic standpoint may still be found by anyone who will take the trouble to look for them; and in order to demonstrate this to the reader I will briefly epitomize a few of the examples given in one or other of the recent collections of such stories, adding thereto one or two that have come within my own notice.

mười chín của chúng ta, bất chấp tính giáo điều của khoa học và sự tẻ nhạt chết người của Tin Lành giáo, những trường hợp can thiệp không thể giải thích được từ quan điểm vật chất vẫn có thể được tìm thấy bởi bất kỳ ai chịu khó tìm kiếm chúng; và để chứng minh điều này cho độc giả, tôi sẽ tóm tắt ngắn gọn một vài ví dụ được đưa ra trong một hoặc các bộ sưu tập những câu chuyện như vậy gần đây, đồng thời thêm vào đó một hoặc hai trường hợp đã lọt vào sự chú ý của chính tôi.

One very remarkable feature of these more recent examples is that the intervention seems nearly always to have been directed towards the helping or saving of children.

Một đặc điểm rất đáng chú ý của những ví dụ gần đây hơn này là sự can thiệp dường như hầu như luôn hướng tới việc giúp đỡ hoặc cứu mạng trẻ em.

An interesting case which occurred in London only a few years ago was connected with the preservation of a child's life in the midst of a terrible fire, which broke out in a street near Holborn, and entirely destroyed two of the houses there. The flames had obtained such hold before they were discovered that the firemen were unable to save the houses, but they succeeded in rescuing all the inmates except two—an old woman who was suffocated by the smoke before they could reach her, and a child about five years old, whose presence in the house had been forgotten in the hurry and excitement of the moment.

Một trường hợp thú vị xảy ra ở London chỉ vài năm trước có liên quan đến việc bảo vệ mạng sống của một đứa trẻ giữa một đám cháy khủng khiếp, bùng phát tại một con phố gần Holborn, và thiêu rụi hoàn toàn hai ngôi nhà ở đó. Ngọn lửa đã bùng phát dữ dội trước khi được phát hiện khiến lính cứu hỏa không thể cứu được những ngôi nhà, nhưng họ đã thành công trong việc giải cứu tất cả những người bên trong ngoại trừ hai người—một bà cụ bị ngạt khói trước khi họ có thể tiếp cận, và một đứa trẻ khoảng năm tuổi, người mà sự hiện diện trong nhà đã bị lãng quên trong sự vội vã và náo động của thời điểm đó.

The mother of the child, it seems, was a friend or relative of the landlady of the house, and had left the little creature in her charge for the night, because she was herself obliged to go down to Colchester on business. It was not until everyone else had been rescued, and the whole house was wrapped in flame, that the landlady remembered with a terrible pang the trust that had been confided to her. It seemed hopeless then to attempt to get at the garret where the child had been put to bed, but one of the firemen heroically resolved to make the desperate effort, and, after receiving

Mẹ của đứa trẻ, có vẻ như, là một người bạn hoặc người thân của bà chủ nhà, và đã để đứa nhỏ lại cho bà chăm sóc qua đêm, vì bản thân bà phải xuống Colchester để giải quyết công việc. Mãi cho đến khi mọi người khác đã được cứu thoát, và toàn bộ ngôi nhà bị bao trùm trong biển lửa, bà chủ nhà mới nhớ ra với một nỗi đau đớn khủng khiếp về sự tin tưởng đã được giao phó cho mình. Lúc đó dường như vô vọng để cố gắng tiếp cận căn phòng áp mái nơi đứa trẻ đã được đưa đi ngủ, nhưng một trong những người lính cứu hỏa đã anh dũng quyết định thực hiện nỗ lực tuyệt vọng đó, và sau khi nhận được chỉ dẫn chi tiết về

minute directions as to the exact situation of the room, plunged in among the smoke and flame.

vị trí chính xác của căn phòng, y đã lao mình vào giữa khói và lửa.

He found the child, and brought him forth entirely unharmed; but when he rejoined his comrades he had a very singular story to tell. He declared that when he reached the room he found it in flames, and most of the floor already fallen; but the fire had curved round the room towards the window in an unnatural and unaccountable manner, the like of which in all his experience he had never seen before, so that the corner in which the child lay was wholly untouched, although the very rafters of the fragment of floor on which his little crib stood were half burnt away. The child was naturally very much terrified, but the fireman distinctly and repeatedly declared that as at great risk he made his way towards him he saw a form like an angel—here his exact words are given—something "all gloriously white and silvery, bending over the bed and smoothing down the counterpane." He could not possibly have been mistaken about it, he said, for it was visible in a glare of light for some moments, and in fact disappeared only when he was within a few feet of it.

Y đã tìm thấy đứa trẻ và đưa nó ra ngoài hoàn toàn không hề hấn gì; nhưng khi y trở lại với các đồng đội, y đã kể một câu chuyện rất kỳ lạ. Y tuyên bố rằng khi y đến phòng, y thấy nó đang bốc cháy, và phần lớn sàn nhà đã sụp xuống; nhưng ngọn lửa đã uốn cong quanh căn phòng về phía cửa sổ một cách không tự nhiên và không thể giải thích được, điều mà trong suốt kinh nghiệm của mình y chưa từng thấy trước đây, sao cho góc nơi đứa trẻ nằm hoàn toàn không bị chạm tới, mặc dù chính những xà nhà của mảnh sàn nơi chiếc cũi nhỏ của nó đứng đã bị cháy rụi một nửa. Đứa trẻ tự nhiên rất khiếp sợ, nhưng người lính cứu hỏa đã tuyên bố rõ ràng và lặp đi lặp lại rằng khi y bất chấp nguy hiểm tiến về phía nó, y đã thấy một hình dáng giống như một thiên thần—ở đây những lời chính xác của y được đưa ra—một thứ gì đó "tất cả đều trắng sáng rực rỡ và bạc, đang cúi xuống giường và vuốt phẳng tấm khăn trải giường." Y nói rằng y không thể nhầm lẫn về điều đó, vì nó hiển hiện trong ánh sáng rực rỡ trong vài khoảnh khắc, và thực tế chỉ biến mất khi y chỉ còn cách đó vài bước chân.

Another curious feature of this story is that the child's mother found herself unable to sleep that night down in Colchester, but was constantly harassed by a strong feeling that something was wrong with her child, insomuch that at last she was compelled to rise and spend some time in earnest prayer that the little one might be protected from the danger which she instinctively felt to be hanging over him. The intervention was thus evidently what a Christian would call an answer to a prayer; a Theosophist, putting the same idea in more scientific phraseology, would say that her intense outpouring of love constituted a force which one of our visible helpers was able to use for the rescue of her child from a terrible death.

Một đặc điểm kỳ lạ khác của câu chuyện này là mẹ của đứa trẻ thấy mình không thể ngủ được đêm đó ở Colchester, mà liên tục bị quấy rầy bởi một cảm giác mạnh mẽ rằng có điều gì đó không ổn với con mình, đến mức cuối cùng bà buộc phải thức dậy và dành một thời gian cầu nguyện khẩn thiết để đứa nhỏ có thể được bảo vệ khỏi mối nguy hiểm mà bà cảm nhận theo bản năng đang treo lơ lửng trên đầu nó. Sự can thiệp như vậy rõ ràng là điều mà một người Kitô giáo sẽ gọi là lời đáp ứng cho một lời cầu nguyện; một nhà Thông Thiên Học, khi diễn đạt cùng một ý tưởng bằng thuật ngữ khoa học hơn, sẽ nói rằng sự tuôn đổ tình thương mãnh liệt của bà đã tạo thành một mãnh lực mà một trong những vị trợ giúp vô hình của chúng ta có thể sử dụng để giải cứu con bà khỏi một cái chết khủng

khiếp.

A remarkable case in which children were abnormally protected occurred on the banks of the Thames near Maidenhead a few years earlier than our last example. This time the danger from which they were saved arose not from fire but from water. Three little ones, who lived, if I recollect rightly, in or near the village of Shottesbrook, were taken out for a walk along the towing-path by their nurse. They rushed suddenly round a corner upon a horse which was drawing a barge, and in the confusion two of them got on the wrong side of the tow-rope and were thrown into the water.

Một trường hợp đáng chú ý trong đó trẻ em được bảo vệ một cách bất thường đã xảy ra trên bờ sông Thames gần Maidenhead vài năm trước ví dụ cuối cùng của chúng ta. Lần này mối nguy hiểm mà chúng được cứu thoát không phải từ lửa mà từ nước. Ba đứa nhỏ, sống ở hoặc gần làng Shottesbrook, được bảo mẫu đưa đi dạo dọc theo con đường kéo thuyền. Chúng bất ngờ lao quanh một góc cua vào một con ngựa đang kéo sà lan, và trong lúc hỗn loạn, hai đứa trẻ đã đi nhầm phía của dây kéo và bị rơi xuống nước.

The boatman, who saw the accident, sprang forward to try to save them, and he noticed that they were floating high in the water "in quite an unnatural way, like," as he said, and moving quietly towards the bank. This was all that he and the nurse saw, but the children each declared that "a beautiful person, all white and shining," stood beside them in the water, held them up and guided them to the shore. Nor was their story without corroboration, for the bargeman's little daughter, who ran up from the cabin when she heard the screams of the nurse, also affirmed that she saw a lovely lady in the water dragging the two children to the bank.

Người lái thuyền, khi nhìn thấy tai nạn, đã lao tới để cố gắng cứu chúng, và ông nhận thấy rằng chúng đang nổi cao trên mặt nước "theo một cách khá không tự nhiên," như ông nói, và di chuyển lặng lẽ về phía bờ. Đây là tất cả những gì ông và người bảo mẫu nhìn thấy, nhưng mỗi đứa trẻ đều tuyên bố rằng "một người đẹp đẽ, tất cả đều trắng và tỏa sáng," đã đứng cạnh chúng trong nước, nâng chúng lên và dẫn dắt chúng vào bờ. Câu chuyện của chúng không phải là không có sự xác nhận, vì con gái nhỏ của người lái sà lan, người đã chạy lên từ cabin khi nghe thấy tiếng hét của người bảo mẫu, cũng khẳng định rằng cô bé đã thấy một quý bà xinh đẹp ở dưới nước đang kéo hai đứa trẻ vào bờ.

Without fuller particulars than the story gives us, it is impossible to say with certainty from what class of helpers this "angel" was drawn; but the probabilities are in favour of its having been a developed human being functioning in the astral body, as will be seen when later on we deal with this subject from the other side, as it were—from the point of view of the helpers rather than the helped.

Nếu không có các chi tiết đầy đủ hơn những gì câu chuyện cung cấp cho chúng ta, thì không thể nói chắc chắn "thiên thần" này thuộc về lớp trợ giúp nào; nhưng có nhiều khả năng đó là một con người đã phát triển đang hoạt động trong thể cảm dục, như sẽ thấy khi sau này chúng ta đề cập đến chủ đề này từ phía bên kia—từ quan điểm của những người trợ giúp hơn là những người được giúp đỡ.

A case in which the agency is somewhat more definitely distinguishable is related by the well-known clergyman, Dr John Mason

Một trường hợp mà tác nhân có thể được phân biệt rõ ràng hơn một chút được kể lại bởi giáo sĩ nổi tiếng, Tiến sĩ John Mason

Neale. He states that a man who had recently lost his wife was on a visit with his little children at the country house of a friend. It was an old, rambling mansion, and in the lower part of it there were long, dark passages, in which the children played about with great delight. But presently they came upstairs very gravely, and two of them related that as they were running down one of these passages they were met by their mother, who told them to go back again, and then disappeared. Investigation revealed the fact that if the children had run but a few steps farther they would have fallen down a deep uncovered well which yawned full in their path, so that the apparition of their mother had saved them from almost certain death.

Neale. Ông cho biết rằng một người đàn ông vừa mất vợ đang đi thăm cùng các con nhỏ tại ngôi nhà ở nông thôn của một người bạn. Đó là một dinh thự cũ kỹ, rộng lớn, và ở phần dưới của nó có những hành lang dài, tối tăm, nơi lũ trẻ chơi đùa với sự thích thú lớn lao. Nhưng ngay sau đó chúng đi lên lầu với vẻ mặt rất nghiêm trọng, và hai đứa trẻ kể lại rằng khi chúng đang chạy xuống một trong những hành lang đó, chúng đã gặp mẹ mình, người đã bảo chúng quay lại, rồi biến mất. Cuộc điều tra đã tiết lộ sự thật rằng nếu lũ trẻ chạy thêm vài bước nữa, chúng sẽ rơi xuống một cái giếng sâu không nắp đang há miệng ngay trên đường đi của chúng, vì vậy sự hiện hình của người mẹ đã cứu chúng khỏi cái chết gần như chắc chắn.

In this instance there seems no reason to doubt that the mother herself was still keeping a loving watch over her children from the astral plane, and that (as has happened in some other cases) her intense desire to warn them of the danger into which they were so heedlessly rushing gave her the power to make herself visible and audible to them for the moment—or perhaps merely to impress their minds with the idea that they saw and heard her. It is possible, of course, that the helper may have been someone else, who took the familiar form of the mother in order not to alarm the children; but the simplest hypothesis is to attribute the intervention to the action of the ever-wakeful mother-love itself, undimmed by the passage through the gates of death.

Trong trường hợp này, dường như không có lý do gì để nghi ngờ rằng chính người mẹ vẫn đang giữ sự canh chừng yêu thương đối với các con mình từ cõi cảm dục, và rằng (như đã xảy ra trong một số trường hợp khác) mong muốn mãnh liệt của bà nhằm cảnh báo chúng về mối nguy hiểm mà chúng đang lao vào một cách thiếu suy nghĩ đã mang lại cho bà quyền năng để làm cho mình trở nên hữu hình và có thể nghe thấy đối với chúng trong khoảnh khắc đó—hoặc có lẽ chỉ đơn thuần là gây ấn tượng vào tâm trí chúng với ý tưởng rằng chúng đã thấy và nghe thấy bà. Tất nhiên, có khả năng vị trợ giúp có thể là một người nào đó khác, người đã lấy hình dáng quen thuộc của người mẹ để không làm lũ trẻ hoảng sợ; nhưng giả thuyết đơn giản nhất là quy sự can thiệp này cho hành động của chính tình mẫu tử luôn tỉnh thức, không bị lu mờ bởi việc đi qua những cánh cổng của cái chết.

This mother-love, being one of the holiest and most unselfish of human feelings, is also one of the most persistent on higher planes. Not only does the mother who finds herself upon the lower levels of the astral plane, and consequently still within touch of the earth, maintain her interest in and her care for her

Tình mẫu tử này, vốn là một trong những cảm xúc thiêng liêng và vị tha nhất của con người, cũng là một trong những cảm xúc bền bỉ nhất trên các cõi cao hơn. Người mẹ thấy mình ở các cấp độ thấp của cõi cảm dục, và do đó vẫn còn liên lạc với trần gian, không chỉ duy trì sự quan tâm và chăm sóc đối với

children as long as she is able to see them; even after her entry into the heaven-world these little ones are still the most prominent objects in her thought, and the wealth of love that she lavishes upon the images which she there makes of them is a great outpouring of spiritual force which flows down upon her offspring who are still struggling in this lower world, and surrounds them with living centres of beneficent energy which may not inaptly be described as veritable guardian angels. An illustration of this will be found in the sixth of our Theosophical manuals, page 38.

các con mình chừng nào bà còn có thể nhìn thấy chúng; ngay cả sau khi bà bước vào cõi thiên thượng, những đứa nhỏ này vẫn là những đối tượng nổi bật nhất trong tư tưởng của bà, và sự phong phú của tình thương mà bà dành cho những hình ảnh mà bà tạo ra về chúng ở đó là một sự tuôn đổ mãnh liệt của lực tinh thần chảy xuống con cái bà vốn vẫn đang vật lộn trong thế giới thấp này, và bao quanh chúng bằng những trung tâm sống động của năng lượng hữu ích mà có thể được mô tả không quá lời là những thiên thần hộ mệnh thực sự. Một minh họa cho điều này sẽ được tìm thấy trong cuốn cẩm nang Thông Thiên Học thứ sáu của chúng ta, trang 38.

Not long ago the little daughter of one of our English bishops was out walking with her mother in the town where they lived, and in running heedlessly across a street the child was knocked down by the horses of a carriage which came quickly upon her round a corner. Seeing her among the horses' feet, the mother rushed forward, expecting to find her very badly injured, but she sprang up quite merrily, saying, "Oh, mamma, I am not at all hurt, for something all in white kept the horses from treading upon me, and told me not to be afraid."

Cách đây không lâu, cô con gái nhỏ của một trong những giám mục người Anh của chúng ta đang đi dạo cùng mẹ trong thị trấn nơi họ sinh sống, và khi chạy thiếu suy nghĩ băng qua một con phố, đứa trẻ đã bị ngựa của một cỗ xe lao nhanh tới từ một góc cua húc ngã. Thấy con mình dưới chân ngựa, người mẹ lao tới, mong đợi sẽ thấy nó bị thương rất nặng, nhưng cô bé bật dậy khá vui vẻ và nói: "Ôi, mẹ ơi, con không bị thương chút nào đâu, vì có một thứ gì đó toàn màu trắng đã ngăn lũ ngựa không giẫm lên con, và bảo con đừng sợ."

A case which occurred in Buckinghamshire, somewhere in the neighborhood of Burnham Beeches, is remarkable on account of the length of time through which the physical manifestation of the succouring agency seems to have maintained itself. It will have been seen that in the instances hitherto given the intervention was a matter of but a few moments, whereas in this a phenomenon was produced which appears to have persisted for more than half an hour.

Một trường hợp xảy ra ở Buckinghamshire, đâu đó trong vùng lân cận Burnham Beeches, rất đáng chú ý vì khoảng thời gian mà sự biểu hiện hồng trần của tác nhân cứu giúp dường như đã duy trì được. Cần lưu ý rằng trong các trường hợp được đưa ra cho đến nay, sự can thiệp chỉ là vấn đề trong vài khoảnh khắc, trong khi ở trường hợp này, một hiện tượng đã được tạo ra và dường như đã tồn tại trong hơn nửa giờ.

Two of the little children of a small farmer were left to amuse themselves while their parents and their entire household were engaged in the work of harvesting. The little ones started for a walk in the woods, wandered far from home, and then managed

Hai đứa con nhỏ của một nông dân nghèo được để lại tự chơi đùa trong khi cha mẹ và toàn bộ gia đình bận rộn với công việc thu hoạch. Những đứa nhỏ bắt đầu đi dạo trong rừng, đi xa khỏi nhà, và sau đó bị lạc đường. Khi cha mẹ mệt mỏi trở về lúc chập tối, họ

to lose their way. When the weary parents returned at dusk it was discovered that the children were missing, and after enquiring at some of the neighbours' houses the father sent servants and labourers in various directions to seek for them.

phát hiện ra lũ trẻ đã mất tích, và sau khi hỏi thăm tại một số nhà hàng xóm, người cha đã cử người làm và lao động đi theo nhiều hướng khác nhau để tìm kiếm chúng.

Their efforts were, however, unsuccessful, and their shouts unanswered; and they had reassembled at the farm in a somewhat despondent frame of mind, when they all saw a curious light some distance away moving slowly across some fields towards the road. It was described as a large globular mass of rich golden glow, quite unlike ordinary lamplight; and as it drew nearer it was seen that the two missing children were walking steadily along in the midst of it. The father and some others immediately set off running towards it; the appearance persisted until they were close to it, but just as they grasped the children it vanished, leaving them in the darkness.

Tuy nhiên, những nỗ lực của họ không thành công, và những tiếng gọi của họ không được đáp lại; và họ đã tập hợp lại tại trang trại trong một tâm trạng khá nản lòng, khi tất cả họ đều nhìn thấy một luồng sáng kỳ lạ ở cách đó một khoảng đang di chuyển chậm rãi băng qua một số cánh đồng về phía con đường. Nó được mô tả như một khối cầu lớn tỏa ánh sáng vàng rực rỡ, hoàn toàn không giống ánh đèn thông thường; và khi nó đến gần hơn, người ta thấy rằng hai đứa trẻ mất tích đang đi bộ vững vàng ở giữa luồng sáng đó. Người cha và một số người khác ngay lập tức chạy về phía đó; sự hiện diện đó vẫn duy trì cho đến khi họ đến gần, nhưng ngay khi họ ôm lấy lũ trẻ, nó biến mất, để lại họ trong bóng tối.

The children's story was that after night came on they had wandered about crying in the woods for some time, and had at last lain down under a tree to sleep. They had been roused, they said, by a beautiful lady with a lamp, who took them by the hand and led them home; when they questioned her she smiled at them, but never spoke a word. To this strange tale they both steadily adhered, nor was it possible in any way to shake their faith in what they had seen. It is noteworthy, however, that though all present saw the light, and noticed that it lit up the trees and hedges which came within its sphere precisely as an ordinary light would, yet the form of the lady was visible to none but the children.

Câu chuyện của lũ trẻ là sau khi màn đêm buông xuống, chúng đã đi lang thang khóc lóc trong rừng một thời gian, và cuối cùng đã nằm xuống dưới một gốc cây để ngủ. Chúng nói rằng chúng đã được đánh thức bởi một quý bà xinh đẹp với một chiếc đèn, người đã nắm tay chúng và dẫn chúng về nhà; khi chúng hỏi bà, bà mỉm cười với chúng nhưng không bao giờ nói một lời. Cả hai đứa trẻ đều kiên định giữ vững câu chuyện kỳ lạ này, và không thể nào làm lung lay niềm tin của chúng vào những gì chúng đã thấy. Tuy nhiên, điều đáng chú ý là mặc dù tất cả những người có mặt đều thấy ánh sáng, và nhận thấy rằng nó soi sáng cây cối và hàng rào nằm trong phạm vi của nó chính xác như một ánh sáng thông thường, nhưng hình dáng của quý bà thì không ai nhìn thấy ngoại trừ lũ trẻ.

CHAPTER III

A Personal Experience—Một Kinh nghiệm Cá nhân

ALL the above stories are comparatively well known, and may be found in some of the books which contain collections of such accounts—most of them in Dr Lee's *More Glimpses of the World Unseen*; but the two instances which I am now about to give have never been in print before, and both occurred within the last ten years—one to myself, and the other to a very dear friend of mine, a prominent member of the Theosophical Society, whose accuracy of observation is beyond all shadow of doubt.

Tất cả những câu chuyện trên đều tương đối nổi tiếng, và có thể được tìm thấy trong một số cuốn sách chứa các bộ sưu tập những lời kể như vậy—hầu hết trong cuốn *More Glimpses of the World Unseen* của Tiến sĩ Lee; nhưng hai trường hợp mà tôi sắp đưa ra sau đây chưa từng được in trước đây, và cả hai đều xảy ra trong vòng mười năm qua—một trường hợp của chính tôi, và trường hợp kia của một người bạn rất thân của tôi, một thành viên nổi bật của Hội Thông Thiên Học, người mà sự chính xác trong quan sát là không còn nghi ngờ gì nữa.

My own story is a simple one enough, though not unimportant to me, since the interposition undoubtedly saved my life. I was walking one exceedingly wet and stormy night down a quiet back street near Westbourne Grove, struggling with scant success to hold up an umbrella against the savage gusts of wind that threatened every moment to tear it from my grasp, and trying as I laboured along to think out the details of some work upon which I was just then engaged.

Câu chuyện của chính tôi đủ đơn giản, mặc dù không kém phần quan trọng đối với tôi, vì sự can thiệp đó chắc chắn đã cứu mạng tôi. Tôi đang đi bộ vào một đêm cực kỳ ẩm ướt và giông bão xuống một con phố nhỏ yên tĩnh gần Westbourne Grove, đang vật lộn với chút thành công ít ỏi để giữ một chiếc ô chống lại những cơn gió giật dữ dội đe dọa giật nó khỏi tay tôi bất cứ lúc nào, và cố gắng khi đang bước đi để suy nghĩ về các chi tiết của một số công việc mà tôi đang tham gia lúc đó.

With startling suddenness a voice which I know well—the voice of an Indian teacher—cried in my ear "Spring back!" and in mechanical obedience I started violently backwards almost before I had time to think. As I did so my umbrella, which had swung forward with the sudden movement, was struck from my hand and a huge metal chimney pot crashed upon the pavement less than a yard in front of my face. The great weight of this article, and the tremendous force with which it fell, make it absolutely certain that but for the warning voice I should have been killed on the spot; yet the street was empty, and the voice was that of one whom I knew to be seven thousand miles away from me, as far as the physical body was concerned.

Với sự đột ngột đáng kinh sợ, một giọng nói mà tôi biết rất rõ—giọng nói của một huấn sư Ấn Độ—vang lên bên tai tôi: "Nhảy lùi lại!" và trong sự vâng lời máy móc, tôi đã giật mình lùi lại phía sau một cách dữ dội gần như trước khi tôi kịp suy nghĩ. Khi tôi làm vậy, chiếc ô của tôi, vốn đã vung về phía trước theo chuyển động đột ngột, bị đánh văng khỏi tay tôi và một ống khói bằng kim loại khổng lồ rơi rầm xuống vỉa hè cách mặt tôi chưa đầy một thước. Trọng lượng lớn của vật phẩm này, và lực rơi khủng khiếp của nó, làm cho điều tuyệt đối chắc chắn là nếu không có giọng nói cảnh báo, tôi đã bị giết tại chỗ; tuy nhiên con phố vắng tanh, và giọng nói đó là của một người mà tôi biết là đang ở cách xa tôi bảy nghìn dặm, xét về mặt thể xác.

Nor was this the only occasion upon which I received assistance of this supernormal kind, for in early life, long before the foundation of the Theosophical Society, the apparition of a dear one who had recently died prevented me from committing what I now see would have been a serious crime, although by the light of such knowledge as I then had it appeared not only a justifiable but even a laudable act of retaliation. Again, at a later date, though still before the foundation of this Society, a warning conveyed to me from a higher plane amid most impressive surroundings enabled me to prevent another man from entering upon a course which I now know would have ended disastrously, though I had no reason to suppose so at the time. So it will be seen that I have a certain amount of personal experience to strengthen my belief in the doctrine of invisible helpers, even apart from my knowledge of the help that is constantly being given at the present time.

Đây cũng không phải là dịp duy nhất mà tôi nhận được sự hỗ trợ thuộc loại siêu thường này, vì trong thời kỳ đầu đời, rất lâu trước khi thành lập Hội Thông Thiên Học, sự hiện hình của một người thân yêu vừa mới qua đời đã ngăn cản tôi thực hiện điều mà bây giờ tôi thấy sẽ là một tội ác nghiêm trọng, mặc dù dưới ánh sáng của những kiến thức mà tôi có lúc đó, nó dường như không chỉ là một hành động trả đũa chính đáng mà còn đáng khen ngợi. Một lần nữa, vào một thời điểm muộn hơn, mặc dù vẫn trước khi thành lập Hội này, một lời cảnh báo được chuyển đến tôi từ một cõi cao hơn giữa những bối cảnh ấn tượng nhất đã giúp tôi ngăn cản một người đàn ông khác bước vào một tiến trình mà bây giờ tôi biết sẽ kết thúc một cách thảm khốc, mặc dù tôi không có lý do gì để giả định như vậy vào thời điểm đó. Vì vậy, có thể thấy rằng tôi có một lượng kinh nghiệm cá nhân nhất định để củng cố niềm tin của mình vào giáo lý về các vị trợ giúp vô hình, ngay cả khi tách biệt khỏi kiến thức của tôi về sự giúp đỡ đang liên tục được trao ban vào thời điểm hiện tại.

The other case is a very much more striking one. One of our members, who gives me permission to publish her story, but does not wish her name mentioned, once found herself in very serious physical peril. Owing to circumstances which need not be detailed here, she was in the very centre of a dangerous street fracas, and seeing several men struck down and evidently badly hurt close to her, was in momentary expectation of a similar fate, since escape from the crush seemed quite impossible.

Trường hợp kia là một trường hợp ấn tượng hơn nhiều. Một trong những thành viên của chúng ta, người cho phép tôi công bố câu chuyện của bà nhưng không muốn nêu tên, đã từng thấy mình rơi vào tình trạng nguy hiểm thể xác rất nghiêm trọng. Do những hoàn cảnh không cần chi tiết ở đây, bà đã ở ngay trung tâm của một cuộc ẩu đả nguy hiểm trên đường phố, và thấy vài người đàn ông bị đánh gục và rõ ràng là bị thương nặng ngay gần mình, bà đã trong tâm thế chờ đợi một số phận tương tự, vì việc thoát khỏi đám đông dường như là hoàn toàn không thể.

Suddenly she experienced a curious sensation of being whirled out of the crowd, and found herself standing quite uninjured and entirely alone in a small bye-street parallel with the one in which the disturbance had taken place. She still heard the noise of the struggle, and while she stood wondering what on earth had happened to

Đột nhiên bà trải qua một cảm giác kỳ lạ là bị cuốn ra khỏi đám đông, và thấy mình đang đứng hoàn toàn không bị thương và hoàn toàn một mình trong một con phố nhỏ song song với con phố nơi cuộc hỗn loạn đã diễn ra. Bà vẫn nghe thấy tiếng ồn ào của cuộc đấu tranh, và trong khi bà đứng tự hỏi chuyện quái gì đã xảy ra với mình, hai hoặc ba người

her, two or three men who had escaped from the crowd came running round the corner of the street, and on seeing her expressed great astonishment and pleasure, saying that when the brave lady so suddenly disappeared from the midst of the fight they had felt certain that she had been struck down.

đàn ông đã thoát khỏi đám đông chạy vòng qua góc phố, và khi nhìn thấy bà đã bày tỏ sự ngạc nhiên và vui mừng lớn lao, nói rằng khi quý bà dũng cảm đột ngột biến mất khỏi giữa cuộc chiến, họ đã cảm thấy chắc chắn rằng bà đã bị đánh gục.

At the time no sort of explanation was forthcoming, and she returned home in a very mystified condition; but when at a later period she mentioned this strange occurrence to Madame Blavatsky she was informed that, her karma being such as to enable her to be saved from her exceedingly dangerous position, one of the Masters had specially sent some one to protect her in view of the fact that her life was needed for the work.

Vào thời điểm đó không có bất kỳ lời giải thích nào được đưa ra, và bà trở về nhà trong một tình trạng rất mơ hồ; nhưng khi vào một thời kỳ muộn hơn bà đề cập đến sự kiện kỳ lạ này với Bà Blavatsky, bà đã được thông báo rằng, vì nghiệp quả của bà cho phép bà được cứu khỏi vị trí cực kỳ nguy hiểm đó, một trong những Chân sư đã đặc biệt cử một người nào đó đến bảo vệ bà vì thực tế là mạng sống của bà cần thiết cho công việc.

Nevertheless the case remains a very extraordinary one, both with regard to the great amount of power exercised and the unusually public nature of its manifestation. It is not difficult to imagine the *modus operandi*; she must have been lifted bodily over the intervening block of houses, and simply set down in the next street; but since her physical body was not visible floating in the air, it is also evident that a veil of some sort (probably of etheric matter) must have been thrown round her while in transit.

Tuy nhiên, trường hợp này vẫn là một trường hợp rất phi thường, cả về lượng quyền năng lớn được thực thi và tính chất công khai bất thường của sự biểu hiện của nó. Không khó để hình dung *phương thức hoạt động*; bà hẳn đã được nhấc bổng lên trên khối nhà ngăn cách, và chỉ đơn giản là được đặt xuống ở con phố tiếp theo; nhưng vì thể xác của bà không được nhìn thấy đang lơ lửng trong không trung, nên cũng rõ ràng là một tấm màn che thuộc loại nào đó (có lẽ là bằng chất liệu dĩ thái) hẳn đã được ném quanh bà trong khi di chuyển.

If it be objected that whatever can hide physical matter must itself be physical, and therefore visible, it may be replied that by a process familiar to all occult students it is possible to bend rays of light (which, under all conditions at present known to science, travel only in straight lines unless refracted) so that after passing round an object they may resume exactly their former course; and it will at once be seen that if this were done such an object would to all physical eyes be absolutely invisible until the rays were allowed to resume their normal course.

Nếu có ý kiến phản đối rằng bất cứ thứ gì có thể che giấu vật chất hồng trần thì chính nó phải là hồng trần, và do đó phải hữu hình, thì có thể trả lời rằng bằng một tiến trình quen thuộc với tất cả các đạo sinh huyền môn, có thể bẻ cong các tia sáng (vốn dĩ, trong mọi điều kiện hiện nay khoa học biết đến, chỉ truyền theo đường thẳng trừ khi bị khúc xạ) sao cho sau khi đi vòng quanh một vật thể, chúng có thể tiếp tục chính xác lộ trình cũ của mình; và sẽ thấy ngay rằng nếu điều này được thực hiện thì một vật thể như vậy đối với mọi mắt trần sẽ hoàn toàn vô hình cho

I am fully aware that this one statement alone is sufficient to brand any remarks as nonsense in the eyes of the scientist of the present day, but I cannot help that; I am merely stating a possibility in nature which the science of the future will no doubt one day discover, and for those who are not students of occultism the remark must wait until then for its justification.

đến khi các tia sáng được phép tiếp tục lộ trình bình thường của chúng. Tôi hoàn toàn nhận thức được rằng chỉ riêng một tuyên bố này thôi cũng đủ để gắn mác bất kỳ nhận xét nào là vô nghĩa trong mắt các nhà khoa học ngày nay, nhưng tôi không thể giúp gì được; tôi chỉ đơn thuần nêu ra một khả năng trong tự nhiên mà khoa học tương lai chắc chắn một ngày nào đó sẽ khám phá ra, và đối với những người không phải là đạo sinh huyền bí học, nhận xét đó phải đợi đến lúc đó để được minh chứng.

The process, as I say, is comprehensible enough to anyone who understands a little about the more occult forces of nature; but the phenomenon still remains an exceedingly dramatic one, while the name of the heroine of the story, were I permitted to give it, would be a guarantee of its accuracy to all my readers.

Tiến trình này, như tôi đã nói, là đủ dễ hiểu đối với bất kỳ ai hiểu một chút về các lực huyền bí hơn của tự nhiên; nhưng hiện tượng này vẫn là một hiện tượng cực kỳ kịch tính, trong khi tên của nữ anh hùng trong câu chuyện, nếu tôi được phép đưa ra, sẽ là một sự đảm bảo cho tính chính xác của nó đối với tất cả độc giả của tôi.

Another recent instance of interposition, less striking, perhaps, but entirely successful, has been reported to me since the publication of the first edition of this book. A lady, being obliged

Một trường hợp can thiệp gần đây khác, có lẽ ít ấn tượng hơn nhưng hoàn toàn thành công, đã được báo cáo cho tôi kể từ khi xuất bản ấn bản đầu tiên của cuốn sách này. Một quý bà, do bắt buộc

to undertake a long railway journey alone, had taken the precaution to secure an empty compartment; but just as the train was leaving the station, a man of forbidding and villainous appearance sprang in and seated himself at the other end of the carriage. The lady was much alarmed, thus to be left alone with so doubtful a character, but it was too late to call for help, so she sat still and commended herself earnestly to the care of her patron saint.

phải thực hiện một chuyến hành trình dài bằng đường sắt một mình, đã thận trọng giữ một khoang trống; nhưng ngay khi đoàn tàu rời ga, một người đàn ông có vẻ ngoài đáng sợ và hung ác đã nhảy vào và ngồi ở đầu kia của toa xe. Quý bà rất lo sợ khi bị để lại một mình với một nhân vật đáng ngờ như vậy, nhưng đã quá muộn để gọi cứu giúp, vì vậy bà ngồi yên và khẩn thiết phó thác mình cho sự chăm sóc của vị thánh bảo hộ của mình.

Soon her fears were redoubled, for the man arose and turned toward her with an evil grin, but he had hardly taken one step when he started back with a look of the most intense astonishment and terror. Following the direction of his glance, she was startled to see a gentleman seated directly opposite to her, gazing quietly but firmly at the

Chẳng bao lâu sau nỗi sợ hãi của bà tăng lên gấp bội, vì người đàn ông đứng dậy và quay về phía bà với một nụ cười ác độc, nhưng y vừa mới bước một bước thì đã giật mình lùi lại với vẻ mặt vô cùng ngạc nhiên và khiếp sợ. Theo hướng nhìn của y, bà giật mình thấy một quý ông đang ngồi đối diện trực tiếp với mình, nhìn chằm chằm một cách lặng lẽ

baffled robber—a gentleman who certainly could not have entered the carriage by any ordinary means. Too much awed to speak, she watched him as though fascinated for a full half-hour; he uttered no word, and did not even look at her, but kept his eyes steadily upon the villain, who cowered trembling in the furthest corner of the compartment. The moment that the train reached the next station, and even before it came to a standstill, the would-be thief tore open the door and sprang hurriedly out. The lady, deeply thankful to be rid of him, turned to express her gratitude to the gentleman, but found only an empty seat, though it would have been impossible for any physical body to have left the carriage in the time.

nhưng kiên quyết vào tên cướp đang bị bối rối—một quý ông chắc chắn không thể vào toa xe bằng bất kỳ phương tiện thông thường nào. Quá kinh sợ không nói nên lời, bà quan sát ông như thể bị mê hoặc trong suốt nửa giờ đồng hồ; ông không nói lời nào, và thậm chí không nhìn bà, mà dán chặt mắt vào kẻ hung ác, kẻ đang co rúm run rẩy ở góc xa nhất của khoang tàu. Ngay khi đoàn tàu đến ga tiếp theo, và thậm chí trước khi nó dừng hẳn, kẻ định trộm đã mở toang cửa và vội vàng nhảy ra ngoài. Quý bà, vô cùng biết ơn vì đã thoát khỏi y, quay lại để bày tỏ lòng biết ơn với quý ông, nhưng chỉ thấy một chiếc ghế trống, mặc dù bất kỳ thể xác nào cũng không thể rời khỏi toa xe trong thời gian đó.

The materialization was in this case maintained for a longer period than usual, but on the other hand it expended no force in action of any kind—nor indeed was it necessary that it should do so, as its mere appearance was sufficient to effect its purpose.

Sự ngưng tụ trong trường hợp này được duy trì trong một khoảng thời gian dài hơn bình thường, nhưng mặt khác nó không tiêu tốn lực vào hành động thuộc bất kỳ loại nào—và thực tế cũng không cần thiết phải làm vậy, vì sự xuất hiện thuần túy của nó đã đủ để đạt được mục đích.

But these stories, all referring as they do to what would commonly be called angelic intervention, illustrate only one small part of the activities of our invisible helpers. Before, however, we can profitably consider the other departments of their work it will be well that we should have clearly in our minds the various classes of entities to which it is possible that these helpers may belong. Let that, then, be the portion of our subject to be next treated.

Nhưng những câu chuyện này, tất cả đều đề cập đến những gì thường được gọi là sự can thiệp của thiên thần, chỉ minh họa cho một phần nhỏ trong các hoạt động của những vị trợ giúp vô hình của chúng ta. Tuy nhiên, trước khi chúng ta có thể xem xét một cách hiệu quả các bộ phận khác trong công việc của các Ngài, tốt hơn hết là chúng ta nên có trong tâm trí mình một cách rõ ràng các lớp thực thể khác nhau mà những vị trợ giúp này có thể thuộc về. Vậy thì, đó sẽ là phần chủ đề của chúng ta được xử lý tiếp theo.

CHAPTER IV

The Helpers—Các Người Trợ Giúp

HELP, then, may be given by several of the many classes of inhabitants of the astral plane. It may come from devas, from nature-

Sự giúp đỡ, do đó, có thể được trao ban bởi một vài trong số nhiều lớp cư dân của cõi cảm dục. Nó có thể đến từ các thiên thần, từ

spirits, or from those whom we call dead, as well as from those who function consciously upon the astral plane during life—chiefly the adepts and their pupils. But if we examine the matter a little more closely we shall see that though all the classes mentioned may, and sometimes do, take a part in this work, yet their shares in it are so unequal that it is practically left almost entirely to one class.

các tinh linh tự nhiên, hoặc từ những người mà chúng ta gọi là đã chết, cũng như từ những người hoạt động một cách có ý thức trên cõi cảm dục trong khi đang sống—chủ yếu là các chân sư và các đệ tử của các Ngài. Nhưng nếu chúng ta xem xét vấn đề kỹ hơn một chút, chúng ta sẽ thấy rằng mặc dù tất cả các lớp đã đề cập có thể, và đôi khi thực sự, tham gia vào công việc này, nhưng phần đóng góp của họ trong đó là không đồng đều đến mức trên thực tế nó hầu như hoàn toàn được để lại cho một lớp.

The very fact that so much of this work of helping has to be done either upon or from the astral plane goes far in itself towards explaining this. To anyone who has even a faint idea of what the powers at the command of an adept really are, it will be at once obvious that for him to work upon the astral plane would be a far greater waste of energy than for our leading physicians or scientists to spend their time in breaking stones upon the road.

Chính thực tế là rất nhiều công việc giúp đỡ này phải được thực hiện trên hoặc từ cõi cảm dục đã tự nó giải thích phần lớn điều này. Đối với bất kỳ ai có dù chỉ một ý niệm mơ hồ về những quyền năng thực sự dưới sự điều khiển của một chân sư, sẽ thấy rõ ngay rằng việc Ngài làm việc trên cõi cảm dục sẽ là một sự lãng phí năng lượng lớn hơn nhiều so với việc các bác sĩ hoặc nhà khoa học hàng đầu của chúng ta dành thời gian để đập đá trên đường.

The work of the adept lies in higher regions —chiefly upon the arûpa levels of the devachanic plane or heaven-world, where he may direct his energies to the influencing of the true individuality of man, and not the mere personality which is all that can be reached in the astral or physical world. The strength which he puts forth in that more exalted realm produces results greater, more far-reaching and more lasting than any which can be attained by the expenditure of even ten times the force down here; and the work up there is such as he alone can fully accomplish, while that on lower planes may be at any rate to some extent achieved by whose feet are yet upon the earlier steps of the great stairway which will one day lead them to the position where he stands.

Công việc của chân sư nằm ở những vùng cao hơn—chủ yếu trên các cấp độ vô sắc của cõi thượng thiên hay thế giới thiên thượng, nơi Ngài có thể hướng năng lượng của mình vào việc gây ảnh hưởng đến cá tính thực sự của con người, chứ không phải phàm ngã thuần túy vốn là tất cả những gì có thể tiếp cận được trong thế giới cảm dục hay hồng trần. Sức mạnh mà Ngài đưa ra trong cõi thanh cao đó tạo ra những kết quả lớn hơn, sâu rộng hơn và lâu dài hơn bất kỳ kết quả nào có thể đạt được bằng cách tiêu tốn thậm chí gấp mười lần mãnh lực ở dưới này; và công việc ở trên đó là công việc mà chỉ mình Ngài mới có thể hoàn thành trọn vẹn, trong khi công việc ở các cõi thấp hơn ít nhất có thể được thực hiện ở một mức độ nào đó bởi những người mà chân họ vẫn còn ở những bước đầu tiên của nấc thang lớn mà một ngày nào đó sẽ dẫn họ đến vị trí nơi Ngài đang đứng.

The same remarks apply also in the case of the devas. Belonging as they do to a higher

Những nhận xét tương tự cũng được áp dụng trong trường hợp của các thiên thần. Vì

kingdom of nature than ours, their work seems for the most part entirely unconnected with humanity; and even those of their orders—and there are some such—which do sometimes respond to our higher yearnings or appeals, do so on the mental plane rather than on the physical or astral, and more frequently in the periods between our incarnations than during our earthly lives.

thuộc về một giới tự nhiên cao hơn giới của chúng ta, nên công việc của các Ngài phần lớn dường như hoàn toàn không liên quan đến nhân loại; và ngay cả những bộ phận trong các hàng ngũ của các Ngài — vốn có một số như vậy — đôi khi đáp ứng những khát vọng hoặc lời cầu khẩn cao thượng của chúng ta, thì các Ngài cũng thực hiện điều đó trên cõi trí hơn là trên cõi hồng trần hay cảm dục, và thường xuyên hơn là trong các giai đoạn giữa các lần lâm phàm hơn là trong đời sống trần thế của chúng ta.

It may be remembered that some instances of such help were observed in the course of investigations into the subdivisions of the devachanic plane which were undertaken when the Theosophical manual on the subject was in preparation. In one case a deva was found teaching the most wonderful celestial music to a chorister; and in another one of a different class was giving instruction and guidance to an astronomer who was seeking to comprehend the form and structure of the universe.

Cần nhớ rằng một vài trường hợp về sự trợ giúp như vậy đã được quan sát thấy trong quá trình khảo sát các phân đoạn của cõi devachan, vốn được thực hiện khi cuốn cẩm nang Thông Thiên Học về chủ đề này đang trong quá trình chuẩn bị. Trong một trường hợp, người ta thấy một thiên thần đang dạy những bản nhạc thiên thượng tuyệt diệu nhất cho một ca viên; và trong một trường hợp khác, một thiên thần thuộc đẳng cấp khác đang chỉ dẫn và hướng dẫn cho một nhà thiên văn học, người đang tìm cách thấu hiểu hình tướng và cấu trúc của vũ trụ.

These two were but examples of many instances in which the great deva kingdom was found to he helping onward the evolution and responding to the higher aspirations of man after death; and there are methods by which, even during earth-life, these great ones may be approached, and an infinity of knowledge acquired from them, though even then such intercourse is gained rather by rising to their plane than by invoking them to descend to ours.

Hai trường hợp này chỉ là ví dụ trong số nhiều trường hợp mà giới thiên thần vĩ đại được tìm thấy là đang giúp thúc đẩy sự tiến hóa và đáp ứng những khát vọng cao thượng của con người sau khi chết; và có những phương pháp mà qua đó, ngay cả trong đời sống trần thế, con người có thể tiếp cận các Đấng cao cả này và thu nhận từ các Ngài vô vàn kiến thức, mặc dù ngay cả khi đó, sự giao tiếp như vậy đạt được bằng cách nâng mình lên cõi giới của các Ngài hơn là cầu khẩn các Ngài giáng xuống cõi giới của chúng ta.

In the ordinary events of our physical life the deva very rarely interferes—indeed, he is so fully occupied with the far grander work of his own plane that he is probably scarcely conscious of this; and though it may occasionally happen that he becomes aware of some human sorrow or difficulty which excites his pity and moves him to endeavour

Trong những sự kiện thông thường của đời sống hồng trần, thiên thần rất hiếm khi can thiệp — thực vậy, Ngài bận rộn với công việc vĩ đại hơn nhiều trên cõi giới của chính mình đến mức Ngài có lẽ ít khi nhận thức được điều này; và mặc dù đôi khi có thể xảy ra việc Ngài nhận thấy một nỗi đau hay khó khăn nào đó của con người khiến Ngài động lòng

to help in some way, his wider vision undoubtedly recognizes that at the present stage of evolution such interpositions would in the vast majority of cases be productive of infinitely more harm than good.

trắc ẩn và thúc đẩy Ngài nỗ lực giúp đỡ bằng cách nào đó, nhưng tầm nhìn rộng lớn của Ngài chắc chắn nhận ra rằng ở giai đoạn tiến hóa hiện tại, những sự can thiệp như vậy trong đại đa số các trường hợp sẽ gây ra nhiều tác hại hơn là lợi ích.

There was indubitably a period in the past—in the infancy of the human race—when it was much more largely assisted from outside than is at present the case. At the time when all its Buddhas and Manus, and even its more ordinary leaders and teachers, were drawn either from the ranks of the deva evolution or from the perfected humanity of a more advanced planet, any such assistance as we are considering in this treatise must also have been given by these exalted beings. But as man progresses he becomes himself qualified to act as a helper, first on the physical plane and then on higher levels; and we have now reached a stage at which humanity ought to be able to provide, and to some slight extent does provide, invisible helpers for itself, thus setting free for still more useful and elevated work those beings who are capable of it.

Chắc chắn đã có một thời kỳ trong quá khứ — vào thời kỳ sơ khai của nhân loại — khi con người được hỗ trợ từ bên ngoài nhiều hơn so với hiện nay. Vào thời điểm mà tất cả các Đức Phật và Đức Manu, và ngay cả những nhà lãnh đạo và huấn sư thông thường hơn, đều được rút ra từ hàng ngũ của sự tiến hóa thiên thần hoặc từ nhân loại đã hoàn thiện của một hành tinh tiên tiến hơn, thì bất kỳ sự trợ giúp nào như chúng ta đang xem xét trong luận văn này cũng phải do các Đấng cao cả đó thực hiện. Nhưng khi con người tiến bộ, chính y trở nên đủ năng lực để đóng vai trò là một người giúp đỡ, trước hết trên cõi hồng trần và sau đó trên các cấp độ cao hơn; và hiện nay chúng ta đã đạt đến một giai đoạn mà nhân loại phải có khả năng cung cấp, và ở một mức độ nhỏ nào đó đã cung cấp, những người giúp đỡ vô hình cho chính mình, từ đó giải phóng cho những thực thể có năng lực thực hiện những công việc hữu ích và cao cả hơn nữa.

It becomes obvious then that such assistance as that to which we are here referring may most fitly be given by men and women at a particular stage of their evolution; not by the adepts, since they are capable of doing far grander and more widely useful work, and not by the ordinary person of no special spiritual development, for he would be unable to be of any use. Just as these considerations would lead us to expect, we find that this work of helping on the astral and lower mental planes is chiefly in the hands of the pupils of the Masters—men who, though yet far from the attainment of adeptship, have evolved themselves to the extent of being able to function consciously upon the planes in question.

Do đó, rõ ràng là sự trợ giúp như chúng ta đang đề cập ở đây có thể được thực hiện một cách phù hợp nhất bởi những người nam và nữ ở một giai đoạn tiến hóa cụ thể; không phải bởi các chân sư, vì các Ngài có khả năng làm những công việc vĩ đại và hữu ích rộng rãi hơn nhiều, và cũng không phải bởi những người bình thường không có sự phát triển tinh thần đặc biệt, vì y sẽ không thể giúp ích được gì. Đúng như những cân nhắc này dẫn dắt chúng ta mong đợi, chúng ta thấy rằng công việc giúp đỡ trên cõi cảm dục và cõi hạ trí chủ yếu nằm trong tay các đệ tử của các Chân sư — những người mà mặc dù còn lâu mới đạt đến địa vị chân sư, nhưng đã tự mình tiến hóa đến mức có thể hoạt động một cách có ý thức trên các cõi giới đang được đề cập.

Some of these have taken the further step of completing the links between the physical consciousness and that of the higher levels, and they therefore have the undoubted advantage of recollecting in waking life what they have done and what they have learnt in those other worlds; but there are my others who, though as yet unable to carry their consciousness through unbroken, are nevertheless by no means wasting the hours when they think they are asleep, but spending them in noble and unselfish labour for their fellow-men.

Một số người trong số này đã tiến thêm một bước nữa là hoàn thiện các mối liên kết giữa tâm thức hồng trần và tâm thức của các cấp độ cao hơn, và do đó họ có lợi thế chắc chắn là nhớ lại được trong đời sống tỉnh thức những gì họ đã làm và những gì họ đã học được ở những thế giới khác đó; nhưng cũng có nhiều người khác, mặc dù hiện tại chưa thể duy trì tâm thức liên tục, nhưng hoàn toàn không lãng phí những giờ phút khi họ nghĩ rằng mình đang ngủ, mà dành chúng cho công lao cao quý và vị tha vì những người đồng loại.

What this labour is we will proceed to consider, but before we enter upon that part of the subject we will refer to an objection which is very frequently brought forward with regard to such work, and we will also dispose of the comparatively rare cases in which the agents are either nature-spirits or men who have cast off the physical body.

Công lao này là gì chúng ta sẽ tiếp tục xem xét, nhưng trước khi đi vào phần đó của chủ đề, chúng ta sẽ đề cập đến một sự phản đối thường xuyên được đưa ra liên quan đến công việc đó, và chúng ta cũng sẽ xử lý những trường hợp tương đối hiếm hoi mà các tác nhân là các tinh linh tự nhiên hoặc những người đã trút bỏ thể xác.

People whose grasp of Theosophical ideas is as yet imperfect are often in doubt as to whether it is allowable for them to try to help some one whom they find in sorrow or difficulty, lest they should interfere with the fate which has been decreed for him by the

Những người mà sự nắm bắt các ý tưởng Thông Thiên Học còn chưa hoàn hảo thường nghi ngờ về việc liệu họ có được phép cố gắng giúp đỡ một ai đó mà họ thấy đang gặp đau khổ hay khó khăn hay không, e rằng họ sẽ can thiệp vào số phận đã được định đoạt cho

absolute justice of the eternal law of karma. "The man is in his present position," they say in effect, "because he has deserved it; he is now working out the perfectly natural result of some evil which he has committed in the past; what right have I to interfere with the action of the great cosmic law by trying to ameliorate his condition, either on the astral plane or the physical.

người đó bởi sự công bằng tuyệt đối của định luật nghiệp quả vĩnh cửu. Họ nói một cách đại ý rằng: "Người đó đang ở trong hoàn cảnh hiện tại vì y xứng đáng với điều đó; y hiện đang gánh chịu kết quả hoàn toàn tự nhiên của một điều ác nào đó mà y đã phạm trong quá khứ; tôi có quyền gì mà can thiệp vào tác động của định luật vũ trụ vĩ đại bằng cách cố gắng cải thiện tình trạng của y, dù là trên cõi cảm dục hay hồng trần."

Now the good people who make such suggestions are really, however unconsciously to themselves, exhibiting the most colossal conceit, for their position implies two astounding assumptions; first, that they know exactly what another man's karma has been, and how long it has decreed that his sufferings shall last; and secondly, that they—the insects of a day—could absolutely override the cosmic law and prevent the due working-out of karma by any action of theirs. We may be well assured that the great kârmic deities are perfectly well able to manage their business without our assistance, and we need have no fear that any steps we may take can by any possibility cause them the slightest difficulty or uneasiness.

Giờ đây, những người tốt bụng đưa ra những gợi ý như vậy thực sự, dù họ không tự nhận thức được, đang thể hiện một sự tự phụ khổng lồ, vì lập trường của họ hàm chứa hai giả định kinh ngạc; thứ nhất, họ biết chính xác nghiệp quả của một người khác là gì, và nó đã định đoạt nỗi đau khổ của y sẽ kéo dài bao lâu; và thứ hai, rằng họ — những sinh vật phù du — có thể hoàn toàn lấn át định luật vũ trụ và ngăn cản sự vận hành đúng đắn của nghiệp quả bằng bất kỳ hành động nào của mình. Chúng ta có thể tin chắc rằng các đấng nghiệp quả vĩ đại hoàn toàn có khả năng quản lý công việc của các Ngài mà không cần sự hỗ trợ của chúng ta, và chúng ta không cần phải sợ rằng bất kỳ bước đi nào chúng ta thực hiện có thể gây ra cho các Ngài dù là một chút khó khăn hay bất an nhỏ nhất.

If a man's karma is such that he cannot be helped, then all our well-meant efforts in that direction will fail, though we shall nevertheless have gained good karma for ourselves by making them. What the man's karma has been is no business of ours; our duty is to give help to the utmost of our power, and our right is only to the act; the result is in other and higher hands. How can we tell how a man's account stands? For all we know he may just have exhausted his evil karma, and be at this moment at the very point where a helping hand is needed to give relief and raise him out of his trouble or depression; why should not we have the pleasure and privilege of doing that good deed as well as another? If we *can* help him, then that fact of itself shows that he has

Nếu nghiệp quả của một người khiến y không thể được giúp đỡ, thì mọi nỗ lực có ý định tốt của chúng ta theo hướng đó sẽ thất bại, mặc dù chúng ta vẫn sẽ đạt được nghiệp tốt cho chính mình nhờ thực hiện những nỗ lực đó. Nghiệp quả của người đó là gì không phải là việc của chúng ta; bổn phận của chúng ta là giúp đỡ hết mức có thể, và quyền của chúng ta chỉ nằm ở hành động; kết quả nằm trong những bàn tay khác cao hơn. Làm sao chúng ta có thể biết được tài khoản của một người đứng ở mức nào? Theo tất cả những gì chúng ta biết, y có thể vừa mới trả hết nghiệp xấu của mình, và ngay lúc này đang ở chính thời điểm cần một bàn tay giúp đỡ để giải thoát và nâng y ra khỏi rắc rối hay sự trầm uất; tại sao chúng ta lại không có được niềm vui và đặc ân thực hiện hành

deserved to be helped; but we can never know unless we try. In any case the law of karma will take care of itself, and we need not trouble ourselves about it.

động tốt đó cũng như một người khác? Nếu chúng ta *có thể* giúp y, thì chính sự thật đó cho thấy y xứng đáng được giúp đỡ; nhưng chúng ta không bao giờ có thể biết trừ khi chúng ta thử. Trong bất kỳ trường hợp nào, định luật nghiệp quả sẽ tự lo liệu, và chúng ta không cần phải bận tâm về nó.

The cases in which assistance is given to mankind by nature-spirits are few. The majority of such creatures shun the haunts of man, and retire before him, disliking his emanations and the perpetual bustle and unrest which he creates all around him. Also, except some of their higher orders, they are generally inconsequent and thoughtless—more like happy children at play under exceedingly favourable physical conditions than like grave and responsible entities. Still it sometimes happens that one of them will become attached to a human being, and do him many a good turn; but at the present stage of its evolution this department of nature cannot be relied upon for anything like steady co-operation in the work of invisible helpers. For a fuller account of the nature-spirits the reader is referred to the fifth of our Theosophical manuals.

Các trường hợp mà sự trợ giúp được trao cho nhân loại bởi các tinh linh tự nhiên là rất ít. Đa số các sinh vật như vậy tránh xa những nơi con người lui tới, và rút lui trước mặt y, không thích những phát xạ của y cũng như sự hối hả và bất an vĩnh viễn mà y tạo ra xung quanh mình. Ngoài ra, ngoại trừ một số hàng ngũ cao hơn của chúng, chúng thường là những thực thể không nhất quán và thiếu suy nghĩ — giống như những đứa trẻ hạnh phúc đang chơi đùa trong những điều kiện hồng trần vô cùng thuận lợi hơn là những thực thể nghiêm túc và có trách nhiệm. Tuy nhiên, đôi khi vẫn xảy ra việc một trong số chúng trở nên gắn bó với một con người và giúp đỡ y nhiều việc tốt; nhưng ở giai đoạn tiến hóa hiện tại, bộ phận này của tự nhiên không thể được tin cậy cho bất kỳ sự hợp tác ổn định nào trong công việc của những người giúp đỡ vô hình. Để có một bản tường trình đầy đủ hơn về các tinh linh tự nhiên, độc giả có thể tham khảo cuốn thứ năm trong các cẩm nang Thông Thiên Học của chúng ta.

Again, help is sometimes given by those recently departed—those who are still lingering on the astral plane, and still in close touch with earthly affairs, as (probably) in the above-mentioned case of the mother who saved her children from falling down a well. But it will readily be seen that the amount of such help available must naturally be exceedingly limited. The more unselfish and helpful a person is, the less likely is he to be found after death lingering in full consciousness on the lower levels of the astral plane, from which the earth is most readily accessible. In any case, unless he were an exceptionally bad man, his stay

Một lần nữa, sự giúp đỡ đôi khi được trao bởi những người vừa mới qua đời — những người vẫn còn lảng vảng trên cõi cảm dục, và vẫn còn liên lạc chặt chẽ với các công việc trần thế, như (có lẽ) trong trường hợp đã đề cập ở trên về người mẹ đã cứu các con mình khỏi bị rơi xuống giếng. Nhưng có thể dễ dàng thấy rằng lượng trợ giúp như vậy có sẵn tự nhiên phải vô cùng hạn chế. Một người càng vị tha và hay giúp đỡ bao nhiêu, thì y càng ít có khả năng được tìm thấy sau khi chết đang lảng vảng với đầy đủ tâm thức trên các cấp độ thấp của cõi cảm dục, nơi mà trần gian có thể tiếp cận dễ dàng nhất. Trong bất kỳ trường hợp nào, trừ khi y là một người đặc

within the realm whence alone any interference would be possible would be comparatively short; and although from the heaven-world he may still shed benign influence upon those whom he has loved on earth, it will usually be rather of the nature of a general benediction than a force capable of bringing about definite results in a specific case, such as those which we have been considering.

biệt xấu, thời gian y lưu lại trong cõi giới mà từ đó sự can thiệp duy nhất có thể thực hiện được sẽ tương đối ngắn; và mặc dù từ cõi thượng thiên, y vẫn có thể tỏa ra ảnh hưởng lành mạnh lên những người y đã yêu thương trên trần thế, nhưng nó thường mang bản chất của một sự ban phước chung hơn là một mãnh lực có khả năng mang lại kết quả xác định trong một trường hợp cụ thể, chẳng hạn như những trường hợp mà chúng ta đang xem xét.

Again, many of the departed who wish to help those whom they left behind, find themselves quite unable to influence them in any way, since to work from one plane upon an entity on another requires either very great sensitiveness on the part of that entity, or a certain amount of knowledge and skill on the part of the operator. Therefore, although instances of apparitions shortly after death are by no means uncommon, it is rare to find one in which the departed person has really done anything useful, or succeeded in impressing what he wished upon the friend or relation whom he visited. There are such cases, of course—a good many of them when we come to put them all together; but they are not numerous compared to the great number of ghosts who have succeeded in showing themselves. So that but little help is usually given by the dead—indeed, as will presently be explained, it is far more common for them to be themselves in need of assistance than to be able to accord it to others.

Một lần nữa, nhiều người đã khuất muốn giúp đỡ những người họ để lại phía sau, nhưng thấy mình hoàn toàn không thể tác động đến họ theo bất kỳ cách nào, vì để tác động từ một cõi giới này lên một thực thể ở cõi giới khác đòi hỏi sự nhạy cảm rất lớn từ phía thực thể đó, hoặc một lượng kiến thức và kỹ năng nhất định từ phía người thực hiện. Do đó, mặc dù các trường hợp hiện hình ngay sau khi chết hoàn toàn không hiếm, nhưng hiếm khi tìm thấy một trường hợp nào mà người đã khuất thực sự làm được điều gì đó hữu ích, hoặc thành công trong việc gây ấn tượng về điều y mong muốn lên người bạn hoặc người thân mà y đã viếng thăm. Tất nhiên là có những trường hợp như vậy — khá nhiều khi chúng ta tập hợp tất cả lại; nhưng chúng không nhiều so với số lượng lớn các bóng ma đã thành công trong việc lộ diện. Vì vậy, thường có rất ít sự giúp đỡ được trao bởi người chết — thực vậy, như sẽ được giải thích ngay sau đây, việc chính họ cần sự trợ giúp phổ biến hơn nhiều so với việc họ có thể ban tặng nó cho người khác.

At present, therefore, the main bulk of the work which has to be done along these lines falls to the share of those living persons who are able to function consciously on the astral plane

Do đó, hiện nay, phần lớn công việc phải thực hiện theo những hướng này thuộc về phần của những người đang sống, những người có thể hoạt động một cách có ý thức trên cõi cảm dục.

CHAPTER V

The Reality of Superphyscal Life—Thực Tại của Đời Sống Siêu Nhiên

IT seems difficult for those who are accustomed only to the ordinary and somewhat materialistic lines of thought of the nineteenth century, to believe in and realize fully a condition of perfect consciousness apart from the physical body. Every Christian, at any rate, is bound by the very foundations of his creed to believe that he possesses a soul; but if you suggest to him the possibility that that soul may be a sufficiently real thing to become visible under certain conditions apart from the body either during life or after death, the chances are ten to one that he will scornfully tell you that he does not believe in ghosts, and that such an idea is nothing but an anachronistic survival of an exploded medieval superstition.

Dường như thật khó đối với những người chỉ quen với những dòng tư tưởng thông thường và có phần duy vật của thế kỷ XIX, để tin vào và chứng nghiệm đầy đủ một trạng thái tâm thức hoàn hảo tách biệt khỏi thể xác. Dù sao đi nữa, mọi tín đồ Cơ Đốc giáo đều bị ràng buộc bởi chính nền tảng đức tin của mình để tin rằng y sở hữu một linh hồn; nhưng nếu bạn gợi ý với y về khả năng linh hồn đó có thể là một thứ đủ thực để trở nên hữu hình trong những điều kiện nhất định tách biệt khỏi cơ thể dù là trong khi sống hay sau khi chết, thì khả năng là mười phần thì chín phần y sẽ khinh miệt nói với bạn rằng y không tin vào ma quỷ, và rằng một ý tưởng như vậy không gì khác hơn là một tàn tích lỗi thời của một mê tín dị đoan thời trung cổ đã bị bác bỏ.

If, therefore, we are at all to comprehend the work of the band of invisible helpers, and perchance ourselves to learn to assist in it, we must shake ourselves free from the trammels of contemporary thought on these subjects, and endeavour to grasp the great truth (now a demonstrated fact to many among us) that the physical body is in simple truth nothing but a vehicle or vesture of the real man. It is put off permanently at death, but it is also put off temporarily every night when we go to sleep—indeed the process of falling asleep consists in this very action of the real man in his astral vehicle slipping out of the physical body.

Do đó, nếu chúng ta muốn thấu hiểu công việc của đoàn người giúp đỡ vô hình, và tình cờ chính chúng ta học cách hỗ trợ trong đó, chúng ta phải rũ bỏ sự kìm kẹp của tư tưởng đương đại về những chủ đề này, và nỗ lực nắm bắt chân lý vĩ đại (hiện là một sự thật đã được chứng minh đối với nhiều người trong chúng ta) rằng thể xác trong sự thật đơn giản không gì khác hơn là một vận cụ hay lớp áo của con người thực sự. Nó được trút bỏ vĩnh viễn khi chết, nhưng nó cũng được trút bỏ tạm thời mỗi đêm khi chúng ta đi ngủ — thực vậy, quá trình chìm vào giấc ngủ bao gồm chính hành động này của con người thực sự trong vận cụ cảm dục của mình thoát ra khỏi thể xác.

Again I repeat, this is no mere hypothesis or ingenious supposition. There are many among us who are able to perform (and *do* perform every day of their lives) this elementary act of magic in full consciousness—who pass from one plane to the other at will; and if that is clearly realized, it will become apparent how

Một lần nữa tôi nhắc lại, đây không phải là giả thuyết thuần túy hay giả định khéo léo. Có nhiều người trong chúng ta có thể thực hiện (và *đang* thực hiện mỗi ngày trong đời mình) hành động huyền thuật sơ đẳng này với đầy đủ tâm thức — những người chuyển từ cõi giới này sang cõi giới khác theo ý muốn; và nếu điều đó được nhận thức rõ

grotesquely absurd to them must appear the ordinary unreasoning assertion that such a thing is utterly impossible. It is like telling a man that it is impossible for him to fall asleep, and that if he thinks he has ever done so he is under a hallucination.

ràng, thì sẽ thấy rõ rằng đối với họ, những khẳng định thiếu suy nghĩ thông thường rằng một điều như vậy là hoàn toàn không thể sẽ xuất hiện nực cười đến mức nào. Nó giống như việc nói với một người rằng y không thể chìm vào giấc ngủ, và rằng nếu y nghĩ mình đã từng làm như vậy thì y đang bị ảo giác.

Now the man who has not yet developed the link between the astral and physical consciousness is unable to leave his denser body at will, or to recollect most of what happens to him while away from it; but the fact nevertheless remains that he leaves it every time he sleeps, and may be seen by any trained clairvoyant either hovering over it or wandering about at a greater or less distance from it, as the case may be.

Giờ đây, người chưa phát triển được mối liên kết giữa tâm thức cảm dục và hồng trần thì không thể rời bỏ thể xác đậm đặc của mình theo ý muốn, hoặc không thể nhớ lại hầu hết những gì xảy ra với mình khi ở xa nó; nhưng sự thật vẫn là y rời bỏ nó mỗi khi ngủ, và có thể được nhìn thấy bởi bất kỳ nhà thông nhãn lão luyện nào, hoặc là đang lơ lửng trên đó hoặc đang lang thang ở một khoảng cách xa hay gần tùy trường hợp.

The entirely undeveloped person usually floats close above his physical body, scarcely less asleep than it is, and comparatively shapeless and inchoate, and it is found that he cannot be drawn away from the immediate neighbourhood of that physical body without causing serious discomfort which would in fact awaken it. As the man evolves, however, his astral body grows more definite and more conscious, and so becomes a fitter vehicle for him. In the case of the majority of intelligent and cultured people the degree of consciousness is already very considerable, and a man who is at all spiritually developed is as fully himself in that vehicle as in this denser body.

Người hoàn toàn chưa phát triển thường lơ lửng ngay phía trên thể xác của mình, hầu như không kém phần ngái ngủ so với nó, và tương đối không có hình dáng và chưa định hình, và người ta thấy rằng y không thể bị kéo ra khỏi vùng lân cận trực tiếp của thể xác đó mà không gây ra sự khó chịu nghiêm trọng, thực tế sẽ làm nó thức giấc. Tuy nhiên, khi con người tiến hóa, thể cảm dục của y phát triển rõ rệt hơn và có ý thức hơn, và do đó trở thành một vận cụ phù hợp hơn cho y. Trong trường hợp của đa số những người thông minh và có văn hóa, mức độ tâm thức đã rất đáng kể, và một người có bất kỳ sự phát triển tinh thần nào thì hoàn toàn là chính mình trong vận cụ đó cũng như trong thể xác đậm đặc này.

But though he may be fully conscious on the astral plane during sleep, and able to move about on it freely if he wishes to do so, it does not yet follow that he is ready to join the band of helpers. Most people at this stage are so wrapped up in their own train of thought —usually a continuation of some line taken up in waking hours—that they are like a man in a brown study, so much absorbed as to be practically entirely heedless of all that is

Nhưng mặc dù y có thể hoàn toàn có ý thức trên cõi cảm dục trong khi ngủ, và có thể di chuyển tự do trên đó nếu muốn, nhưng điều đó vẫn chưa có nghĩa là y đã sẵn sàng gia nhập đoàn người giúp đỡ. Hầu hết mọi người ở giai đoạn này đều quá mải mê với dòng tư tưởng của riêng mình — thường là sự tiếp nối của một dòng tư tưởng nào đó đã bắt đầu trong những giờ tỉnh thức — đến mức họ giống như một người đang trầm tư mặc

going on about them. And in many ways it is well that this is so, for there is much upon the astral plane which might be unnerving and terrifying to one who had not the courage born of full knowledge as to the real nature of all that he would see.

tưởng, bị thu hút đến mức thực tế là hoàn toàn không để ý đến tất cả những gì đang diễn ra xung quanh mình. Và theo nhiều cách, điều này là tốt, vì có nhiều thứ trên cõi cảm dục có thể gây mất tinh thần và kinh hãi cho một người không có lòng dũng cảm nảy sinh từ sự hiểu biết đầy đủ về bản chất thực sự của tất cả những gì y sẽ thấy.

Sometimes a man gradually rouses himself out of this condition—wakes up to the astral world around him, as it were; but more often he remains in that state until someone who is already active there takes him in hand and wakens him. This is, however, not a responsibility to be lightly undertaken, for while it is comparatively easy thus to wake a man up on the astral plane, it is practically impossible, except by a most undesirable exercise of mesmeric influence, to put him to sleep again. So that before a member of the band of workers will thus awaken a dreamer, he must fully satisfy himself that the man's disposition is such that he will make good use of the additional powers that will then be put into his hands, and also that his knowledge and his courage are sufficient to make it reasonably certain that no harm will come to him as a result of the action.

Đôi khi một người dần dần tự đánh thức mình ra khỏi tình trạng này — thức tỉnh với thế giới cảm dục xung quanh mình; nhưng thường thì y vẫn ở trong trạng thái đó cho đến khi một người nào đó đã hoạt động tích cực ở đó ra tay và đánh thức y. Tuy nhiên, đây không phải là một trách nhiệm có thể đảm nhận một cách nhẹ nhàng, vì trong khi việc đánh thức một người trên cõi cảm dục như vậy là tương đối dễ dàng, thì thực tế là không thể, ngoại trừ bằng một sự vận dụng ảnh hưởng thôi miên không mong muốn nhất, để đưa y vào giấc ngủ trở lại. Vì vậy, trước khi một thành viên của đoàn người hoạt động đánh thức một người đang mơ như vậy, y phải hoàn toàn tự thuyết phục mình rằng tính cách của người đó là người sẽ sử dụng tốt những quyền năng bổ sung sẽ được trao vào tay y khi đó, và cũng rằng kiến thức và lòng dũng cảm của y đủ để chắc chắn một cách hợp lý rằng sẽ không có hại gì xảy ra với y như một kết quả của hành động đó.

Such awakening so performed will put a man in a position to join if he will the band of those who help mankind. But it must be clearly understood that this does not necessarily or even usually bring with it the power of remembering in the waking consciousness anything which has been done. That capacity has to be attained by the man for himself, and in most cases it does not come for years afterwards—perhaps not even in the same life. But happily this lack of memory in the body in no way impedes the work out of the body; so that, except for the satisfaction to a man of knowing during his waking hours upon what work he has been engaged during his sleep, it is not a matter of

Sự thức tỉnh được thực hiện như vậy sẽ đặt một người vào vị trí để gia nhập, nếu y muốn, đoàn người giúp đỡ nhân loại. Nhưng phải hiểu rõ rằng điều này không nhất thiết hoặc thậm chí thường mang lại quyền năng ghi nhớ trong tâm thức tỉnh thức bất kỳ điều gì đã được thực hiện. Năng lực đó phải do chính người đó đạt được, và trong hầu hết các trường hợp, nó không đến trong nhiều năm sau đó — thậm chí có thể không phải trong cùng một kiếp sống. Nhưng may mắn thay, sự thiếu hụt ký nhớ trong cơ thể này hoàn toàn không cản trở công việc bên ngoài cơ thể; vì vậy, ngoại trừ sự hài lòng của một người khi biết được trong những giờ tỉnh thức mình đã tham gia vào công việc gì trong

importance. What really matters is that the work should be done—not that we should remember who did it.

khi ngủ, thì đó không phải là vấn đề quan trọng. Điều thực sự quan trọng là công việc phải được thực hiện — chứ không phải là chúng ta nên nhớ ai đã làm việc đó.

CHAPTER VI

A Timely Intervention—Mt Sự Can Thiệp Kịp Thời

VARIED as is this work on the astral plane, it is all directed to one great end—the furtherance, in however humble a degree, of the processes of evolution. Occasionally it is connected with the development of the lower kingdoms, which it is possible slightly to accelerate under certain conditions. A duty towards these lower kingdoms, elemental as well as animal and vegetable, is distinctly recognized by our adept leaders, since it is in some cases only through connection with or use by man that their progress takes place.

Dù công việc trên cõi cảm dục này có đa dạng đến đâu, tất cả đều hướng tới một mục đích lớn lao — đó là sự thúc đẩy, dù ở mức độ khiêm tốn đến đâu, các tiến trình tiến hóa. Đôi khi nó liên quan đến sự phát triển của các giới thấp hơn, vốn có thể được thúc đẩy nhanh hơn một chút trong những điều kiện nhất định. Một bổn phận đối với các giới thấp này, giới hành khí cũng như giới động vật và thực vật, được các chân sư lãnh đạo của chúng ta công nhận rõ rệt, vì trong một số trường hợp, chỉ thông qua sự kết nối với hoặc được sử dụng bởi con người mà sự tiến bộ của chúng mới diễn ra.

But naturally by far the largest and most important part of the work is connected with humanity in some way or other. The services rendered are of many and various kinds, but chiefly concerned with man's spiritual development, such physical interventions as are recounted in the earlier part of this book being exceedingly rare. They do, however, occasionally take place, and though it is my wish to emphasize rather the possibility of extending mental and moral help to our fellow-men, it will perhaps be well to give two or three instances in which friends personally known to me have rendered physical assistance to those in sore need of it, in order that it may be seen how these examples from the experience of the helpers gear in with the accounts given by those who have received the supernormal aid—such stories, I mean, as those which are to be found in the literature of so-called "supernatural

Nhưng đương nhiên, phần lớn nhất và quan trọng nhất của công việc là liên quan đến nhân loại theo cách này hay cách khác. Các dịch vụ được cung cấp thuộc nhiều loại và hình thức khác nhau, nhưng chủ yếu liên quan đến sự phát triển tinh thần của con người, những sự can thiệp hồng trần như được kể lại trong phần đầu của cuốn sách này là vô cùng hiếm hoi. Tuy nhiên, chúng thỉnh thoảng vẫn diễn ra, và mặc dù mong muốn của tôi là nhấn mạnh hơn vào khả năng mở rộng sự giúp đỡ về trí tuệ và đạo đức cho những người đồng loại, nhưng có lẽ tốt hơn là nên đưa ra hai hoặc ba trường hợp mà những người bạn mà tôi quen biết cá nhân đã hỗ trợ hồng trần cho những người đang gặp nhu cầu cấp thiết, để có thể thấy những ví dụ này từ kinh nghiệm của những người giúp đỡ khớp với những lời kể của những người đã nhận được sự trợ giúp siêu nhiên như thế nào — ý tôi là những câu chuyện như những câu chuyện được tìm thấy trong văn

occurrences."

chương về cái gọi là "những hiện tượng siêu nhiên".

In the course of the recent rebellion in Matabeleland one of our members was sent upon an errand of mercy which may serve as an illustration of the way in which help upon this lower plane has occasionally been given. It seems that one night a certain farmer and his family in that country were sleeping tranquilly in fancied security, quite unaware that only a few miles away relentless hordes of savage foes were lying in ambush maturing fiendish plots of murder and rapine. Our member's business was in some way or other to arouse the sleeping family to a sense of the terrible danger which so unexpectedly menaced them, and she found this by no means an easy matter.

Trong cuộc nổi dậy gần đây ở Matabeleland, một trong những thành viên của chúng tôi đã được cử đi thực hiện một sứ mệnh nhân đạo, vốn có thể dùng làm minh họa cho cách thức mà sự giúp đỡ trên cõi thấp này đôi khi được trao tặng. Có chuyện kể rằng vào một đêm nọ, một nông dân nọ và gia đình y ở đất nước đó đang ngủ yên bình trong sự an toàn tưởng tượng, hoàn toàn không biết rằng chỉ cách đó vài dặm, những đám quân thù hung bạo tàn nhẫn đang nằm phục kích để thực hiện những âm mưu giết người và cướp bóc tàn ác. Công việc của thành viên chúng tôi là bằng cách này hay cách khác đánh thức gia đình đang ngủ để họ nhận thức được mối nguy hiểm khủng khiếp đang đe dọa họ một cách bất ngờ như vậy, và bà thấy đây hoàn toàn không phải là một việc dễ dàng.

An attempt to impress the idea of imminent peril upon the brain of the farmer failed utterly, and as the urgency of the case seemed to demand strong measures, our friend decided to materialize herself sufficiently to shake the housewife by the shoulder and adjure her to get up and look about her. The moment she saw that she had been successful in attracting attention she vanished, and the farmer's wife has never from that day to this been able to find out *which* of her neighbours it was who roused her so opportunely, and thus saved the lives of the entire family, who but for this mysterious intervention would undoubtedly have been massacred in their beds half an hour later; nor can she even now understand how this friend in need contrived to make her way in, when all the windows and doors were found so securely barred.

Một nỗ lực nhằm gây ấn tượng về ý tưởng nguy hiểm cận kề lên bộ não của người nông dân đã thất bại hoàn toàn, và vì tính cấp bách của trường hợp dường như đòi hỏi những biện pháp mạnh mẽ, người bạn của chúng ta đã quyết định hiện hình đủ để lay vai người vợ và yêu cầu bà thức dậy và nhìn xung quanh. Ngay khi thấy mình đã thành công trong việc thu hút sự chú ý, bà biến mất, và người vợ của bác nông dân từ ngày đó đến nay chưa bao giờ có thể tìm ra *ai* trong số những người hàng xóm của mình là người đã đánh thức bà một cách kịp thời như vậy, và do đó đã cứu mạng toàn bộ gia đình, những người mà nếu không có sự can thiệp bí ẩn này chắc chắn đã bị tàn sát trên giường của họ nửa giờ sau đó; bà cũng không thể hiểu nổi cho đến tận bây giờ làm thế nào mà người bạn lúc hoạn nạn này lại có thể vào được bên trong, khi tất cả các cửa sổ và cửa ra vào đều được thấy là đã đóng chặt.

Being this abruptly awakened, the housewife was half inclined to consider the warning a mere dream; however, she arose and looked around just to see that all was

Bị đánh thức đột ngột như vậy, người vợ có phần nghiêng về việc coi lời cảnh báo chỉ là một giấc mơ; tuy nhiên, bà đã đứng dậy và nhìn quanh chỉ để xem mọi thứ có ổn không,

right, and fortunate it was that she did so, for though she found nothing amiss indoors she had no sooner thrown open a shutter than she saw the sky red with a distant conflagration. She at once roused her husband and the rest of the family, and owing to this timely notice they were able to escape to a place of concealment near at hand just before the arrival of the horde of savages, who destroyed the house and ravaged the fields indeed, but were disappointed of the human prey which they had expected. The feelings of the rescuer may be imagined when she read in the newspaper some time afterwards an account of the providential deliverance of this family.

và thật may mắn là bà đã làm vậy, vì mặc dù bà không thấy gì bất thường trong nhà nhưng ngay khi vừa mở một cánh cửa chớp, bà đã thấy bầu trời đỏ rực với một đám cháy ở xa. Bà lập tức đánh thức chồng và những người còn lại trong gia đình, và nhờ có thông báo kịp thời này, họ đã có thể trốn thoát đến một nơi ẩn náu gần đó ngay trước khi đám quân hung bạo ập đến, những kẻ thực sự đã phá hủy ngôi nhà và tàn phá các cánh đồng, nhưng đã thất vọng vì không tìm thấy con mồi là con người mà chúng mong đợi. Cảm xúc của người cứu mạng có thể hình dung được khi bà đọc trên báo một thời gian sau đó lời kể về sự giải thoát nhờ sự quan phòng của gia đình này.

CHAPTER VII

The “Angel Story.”—"Câu chuyện Thiên thần."

ANOTHER instance of intervention on the physical plane which occurred a short time ago makes a very beautiful little story, though this time only one life was saved. It needs, however, a few words of preliminary explanation. Among our band of helpers here in Europe are two who were brothers long ago in ancient Egypt, and are still warmly attached to one another. In this present incarnation there is a wide difference in age between them, one being advanced in middle life, while the other was at that time a mere child in the physical body, though an ego of considerable advancement and promise. Naturally it falls to the lot of the elder to train and guide the younger in the occult work to which they are so heartily devoted, and as both are fully conscious and active on the astral plane they spend most of the time during which their grosser bodies are asleep in labouring together under the direction of their common Master, and giving to both living and dead such help as is within their power.

Một trường hợp can thiệp khác trên cõi hồng trần xảy ra cách đây không lâu đã tạo nên một câu chuyện nhỏ rất đẹp, mặc dù lần này chỉ có một mạng sống được cứu. Tuy nhiên, nó cần một vài lời giải thích sơ bộ. Trong đoàn người giúp đỡ của chúng ta ở đây tại Châu Âu, có hai người từng là anh em từ lâu ở Ai Cập cổ đại, và vẫn gắn bó nồng nhiệt với nhau. Trong lần lâm phàm hiện tại này, có một sự khác biệt lớn về tuổi tác giữa họ, một người đã bước vào tuổi trung niên, trong khi người kia lúc đó chỉ là một đứa trẻ trong thể xác, mặc dù là một chân ngã có sự tiến bộ và triển vọng đáng kể. Đương nhiên, trách nhiệm đào tạo và hướng dẫn người trẻ hơn trong công việc huyền môn mà họ hết lòng tận tụy thuộc về người lớn tuổi hơn, và vì cả hai đều hoàn toàn có ý thức và hoạt động tích cực trên cõi cảm dục, họ dành phần lớn thời gian trong khi các thể xác đậm đặc của họ đang ngủ để cùng nhau lao động dưới sự chỉ dẫn của Chân sư chung của họ, và trao cho cả người sống và người chết sự giúp đỡ nằm trong khả năng của họ.

I will quote the story of the particular incident which I wish to relate from a letter written by the elder of the two helpers immediately after it occurrence, as the description there given is more vivid and picturesque than any account in the third person could possibly be.

Tôi sẽ trích dẫn câu chuyện về sự việc cụ thể mà tôi muốn kể lại từ một bức thư do người lớn tuổi hơn trong hai người giúp đỡ viết ngay sau khi nó xảy ra, vì mô tả được đưa ra ở đó sống động và đẹp đẽ hơn bất kỳ lời kể nào ở ngôi thứ ba có thể có.

“We were going about quite other business, when Cyril suddenly cried, ‘What’s that?’ for we heard a terrible scream of pain or fright. In a moment we were on the spot, and found that a boy of about eleven or twelve had fallen over a cliff on to some rocks below, and was very badly hurt. He had broken a leg and an arm, poor fellow, but what was still worse was a dreadful cut in the thigh, from which blood was pouring in a torrent. Cyril cried, ‘Let us help him quick, or he’ll die!’

"Chúng tôi đang đi làm những việc hoàn toàn khác, thì Cyril đột nhiên kêu lên: 'Cái gì thế?' vì chúng tôi nghe thấy một tiếng hét kinh hoàng vì đau đớn hoặc sợ hãi. Trong chốc lát chúng tôi đã có mặt tại hiện trường, và thấy một cậu bé khoảng mười một hoặc mười hai tuổi đã rơi qua một vách đá xuống một số tảng đá bên dưới, và bị thương rất nặng. Cậu bé tội nghiệp đã bị gãy một chân và một tay, nhưng điều tồi tệ hơn nữa là một vết cắt khủng khiếp ở đùi, máu đang chảy ra như suối. Cyril kêu lên: 'Chúng ta hãy giúp cậu ấy nhanh lên, không thì cậu ấy sẽ chết mất!'

“In emergencies of this kind one has to think quickly. There were clearly two things to be done; that bleeding must be stopped, and physical help must be procured. I was obliged to materialize either Cyril or myself, for we wanted physical hands at once to tie a bandage, and besides it seemed better that the poor boy should *see* someone standing by him in his trouble. I felt that while undoubtedly he would be more at home with Cyril than with me, I should probably be more readily able to procure help than Cyril would, so the division of labour was obvious.

"Trong những trường hợp khẩn cấp như thế này, người ta phải suy nghĩ nhanh chóng. Rõ ràng có hai việc phải làm; vết chảy máu đó phải được cầm lại, và sự giúp đỡ hồng trần phải được tìm thấy. Tôi buộc phải hiện hình Cyril hoặc chính mình, vì chúng tôi cần những bàn tay hồng trần ngay lập tức để buộc băng gạc, và bên cạnh đó, dường như tốt hơn là cậu bé tội nghiệp nên *thấy* ai đó đứng cạnh mình trong lúc hoạn nạn. Tôi cảm thấy rằng mặc dù chắc chắn cậu bé sẽ cảm thấy thoải mái với Cyril hơn là với tôi, nhưng tôi có lẽ sẽ có khả năng tìm kiếm sự giúp đỡ nhanh chóng hơn Cyril, vì vậy việc phân chia lao động là rõ ràng.

“The plan worked capitally. I materialized Cyril instantly (he does not know yet how to do it for himself), and told him to take the boy’s neckerchief and tie it round the thigh, and twist a stick through it. ‘Won’t it hurt him terribly? said Cyril; but he *did* it, and the blood stopped flowing. The injured boy seemed half unconscious, and could scarcely speak, but he looked up at the shining little form bending so anxiously over him, and

"Kế hoạch đã hoạt động một cách xuất sắc. Tôi hiện hình Cyril ngay lập tức (cậu ấy vẫn chưa biết cách tự làm điều đó), và bảo cậu ấy lấy chiếc khăn quàng cổ của cậu bé và buộc nó quanh đùi, rồi xoắn một chiếc que qua đó. Cyril hỏi: 'Nó sẽ không làm cậu ấy đau khủng khiếp sao?'; nhưng cậu ấy *đã* làm, và máu ngừng chảy. Cậu bé bị thương dường như nửa tỉnh nửa mê, và hầu như không thể nói được, nhưng cậu bé ngước nhìn hình dáng

asked, ‘Be you an angel, master?’ Cyril smiled so prettily, and replied, ‘No, I’m only a boy, but I’ve come to help you;’ and then I left him to comfort the sufferer while I rushed off to the boy’s mother, who lived about a mile away.

nhỏ bé tỏa sáng đang cúi xuống mình một cách lo lắng, và hỏi: 'Cậu là thiên thần phải không, thưa cậu chủ?' Cyril mỉm cười thật xinh xắn, và trả lời: 'Không, tớ chỉ là một cậu bé thôi, nhưng tớ đến để giúp cậu đây;' và sau đó tôi để cậu ấy an ủi người đang đau đớn trong khi tôi lao đến chỗ mẹ của cậu bé, người sống cách đó khoảng một dặm.

“The trouble I had to force into that woman’s head the conviction that something was wrong, and that she must go and see about it, you would never believe; but at last she threw down the pan she was cleaning, and said aloud, ‘Well, I don’t know what’s come over me, but I must go and find the boy.’ When she once started I was able to guide her without much difficulty, though at the time I was holding Cyril together by will-power, lest the poor child’s angel should suddenly vanish from before his eyes.

"Bạn sẽ không bao giờ tin được nỗi vất vả mà tôi đã trải qua để ép vào đầu người phụ nữ đó niềm tin rằng có điều gì đó không ổn, và rằng bà phải đi xem xét nó; nhưng cuối cùng bà đã ném chiếc chảo đang lau xuống, và nói lớn: 'Chà, tôi không biết chuyện gì đã xảy ra với mình nữa, nhưng tôi phải đi tìm thằng bé thôi.' Khi bà vừa bắt đầu đi, tôi đã có thể hướng dẫn bà mà không gặp nhiều khó khăn, mặc dù lúc đó tôi đang giữ cho Cyril hiện hình bằng ý chí, e rằng thiên thần của đứa trẻ tội nghiệp đột nhiên biến mất trước mắt cậu bé.

“You see, when you materialize a form you are changing matter from its natural state into another—temporarily opposing the cosmic will, as it were; and if you take your mind off it for one half-second, back it flies into its original condition like a flash of lightning. So I could not give more than half my attention to that woman, but still I got her along somehow, and as soon as she came round the corner of the cliff I let Cyril disappear; but she had seen him, and now that village has one of the best-attested stories of angelic intervention on record!

"Bạn thấy đấy, khi bạn hiện hình một hình tướng, bạn đang thay đổi vật chất từ trạng thái tự nhiên của nó sang một trạng thái khác — tạm thời chống lại ý chí vũ trụ; và nếu bạn rời tâm trí khỏi nó dù chỉ nửa giây, nó sẽ bay ngược lại trạng thái ban đầu như một tia chớp. Vì vậy, tôi không thể dành quá một nửa sự chú ý của mình cho người phụ nữ đó, nhưng tôi vẫn đưa bà ấy đi được, và ngay khi bà ấy vừa rẽ qua góc vách đá, tôi đã để Cyril biến mất; nhưng bà ấy đã nhìn thấy cậu ấy, và giờ đây ngôi làng đó có một trong những câu chuyện được chứng thực tốt nhất về sự can thiệp của thiên thần trong hồ sơ!

“The accident happened in the early morning, and the same evening I looked in (astrally) upon the family to see how matters were going on. The poor boy’s leg and arm had been set, and the great cut bandaged, and he lay in bed looking very pale and weak, but evidently going to recover in time. The mother had a couple of neighbours in, and was telling them the story; and a curious tale it sounded to one

"Tai nạn xảy ra vào sáng sớm, và tối cùng ngày tôi đã ghé thăm (bằng cảm dục) gia đình đó để xem mọi chuyện diễn ra như thế nào. Chân và tay của cậu bé tội nghiệp đã được bó bột, và vết cắt lớn đã được băng bó, cậu bé nằm trên giường trông rất xanh xao và yếu ớt, nhưng rõ ràng là sẽ hồi phục theo thời gian. Người mẹ có vài người hàng xóm đến chơi, và đang kể cho họ nghe câu chuyện; và đó là một câu chuyện kỳ lạ đối với

who knew the real facts.

một người biết rõ sự thật.

“She explained, in very many words, how she couldn’t tell what it was, but something came over her all in a minute like, making her feel something had happened to the boy, and she *must* go out and see after him; how at first she thought it was nonsense, and tried to throw off the feeling, ‘but it warn’t no use—she just had to go.’ She told how she didn’t know what made her go round by that cliff more than any other way, but it just happened so, and as she turned round the corner there she saw him lying propped up against a rock, and kneeling beside him was the ‘beautifullest child ever she saw, dressed all in white and shining, with rosy cheeks and lovely brown eyes;’ and how he smiled at her ‘so heavenly like,’ and then all in a moment he was not there, and at first she was so startled she didn’t know what to think; and then all at once she felt what it was, and fell on her knees and thanked God for sending one of his angels to help her poor boy.

"Bà giải thích, bằng rất nhiều lời lẽ, rằng bà không thể nói đó là gì, nhưng có điều gì đó ập đến với bà chỉ trong một phút, khiến bà cảm thấy có chuyện gì đó đã xảy ra với thằng bé, và bà *phải* đi ra ngoài xem xét nó; lúc đầu bà nghĩ đó là chuyện vớ vẩn, và cố gắng gạt bỏ cảm giác đó, 'nhưng không ích gì — bà cứ phải đi thôi.' Bà kể rằng bà không biết điều gì đã khiến bà đi vòng qua vách đá đó hơn bất kỳ con đường nào khác, nhưng nó cứ xảy ra như vậy, và khi bà rẽ qua góc đó, bà thấy thằng bé đang nằm tựa vào một tảng đá, và quỳ bên cạnh nó là 'đứa trẻ đẹp nhất mà bà từng thấy, mặc toàn đồ trắng và tỏa sáng, với đôi má hồng hào và đôi mắt nâu đáng yêu;' và cậu bé đã mỉm cười với bà 'một cách thiên thượng như vậy,' và rồi chỉ trong một khoảnh khắc cậu bé không còn ở đó nữa, và lúc đầu bà đã giật mình đến mức không biết phải nghĩ gì; và rồi đột nhiên bà cảm nhận được đó là gì, và quỳ xuống cảm ơn Thượng đế đã cử một trong những thiên thần của Ngài đến giúp đỡ đứa con trai tội nghiệp của bà.

“Then she told how when she lifted him to carry him home she wanted to take off the handkerchief that was cutting into his poor leg so, but he would not let her, because he said the angel had tied it and said he was not to touch it; and how when she told the doctor this afterwards he explained to her that if she *had* unfastened it the boy would certainly have died.

"Sau đó, bà kể rằng khi bà nhấc thằng bé lên để bế về nhà, bà muốn tháo chiếc khăn quàng cổ đang thắt vào cái chân tội nghiệp của nó, nhưng nó không cho, vì nó nói thiên thần đã buộc nó và nói nó không được chạm vào; và sau đó khi bà kể điều này với bác sĩ, ông ấy đã giải thích với bà rằng nếu bà *đã* tháo nó ra thì cậu bé chắc chắn đã chết.

“Then she repeated the boy’s part of the tale —how the moment after he fell this lovely little angel came to him (he knew it *was* an angel because he knew there had been nobody in sight for half a mile round when he was at the top of the cliff just before—only he could not understand why it hadn’t any wings, and why it said it was only a boy)—how it lifted him against the rock and tied up his leg, and then began to talk to him and tell him he need not be frightened, because

"Sau đó, bà lặp lại phần câu chuyện của cậu bé — làm thế nào mà ngay sau khi cậu bé ngã xuống, thiên thần nhỏ đáng yêu này đã đến với cậu bé (cậu bé biết đó *là* một thiên thần vì cậu bé biết không có ai trong tầm mắt trong vòng nửa dặm xung quanh khi cậu bé ở trên đỉnh vách đá ngay trước đó — chỉ là cậu bé không hiểu tại sao nó không có cánh, và tại sao nó nói nó chỉ là một cậu bé) — làm thế nào nó nâng cậu bé tựa vào tảng đá và buộc chân cậu bé lại, rồi bắt đầu nói chuyện với

somebody was gone to fetch mother, and she would be there directly; how it kissed him and tried to make him comfortable, and how its soft, warm, little hand held his all the time, while it told him strange, beautiful stories which he could not clearly remember, but he knew they were very good, because he had almost forgotten he was hurt until he saw his mother coming; and how then it assured him he would soon be well again, and smiled and squeezed his hand, and then somehow it was gone.

cậu bé và bảo cậu bé không cần phải sợ hãi, vì đã có người đi đón mẹ rồi, và mẹ sẽ đến ngay thôi; làm thế nào nó hôn cậu bé và cố gắng làm cho cậu bé thoải mái, và bàn tay nhỏ nhắn, mềm mại, ấm áp của nó đã nắm lấy tay cậu bé suốt thời gian đó, trong khi nó kể cho cậu bé nghe những câu chuyện kỳ lạ, đẹp đẽ mà cậu bé không thể nhớ rõ, nhưng cậu bé biết chúng rất hay, vì cậu bé gần như đã quên mất mình bị thương cho đến khi thấy mẹ đến; và làm thế nào sau đó nó cam đoan với cậu bé rằng cậu bé sẽ sớm khỏe lại, mỉm cười và bóp tay cậu bé, rồi bằng cách nào đó nó biến mất.

"Since then there has been quite a religious revival in that village! Their minister has told them that so signal an interposition of divine providence must have been meant as a sign to them, to rebuke scoffers and to prove the truth of holy scripture and of the Christian religion—and nobody seems to see the colossal conceit involved in such an astonishing proposition.

"Kể từ đó, một sự phục hưng tôn giáo thực sự đã diễn ra trong ngôi làng ấy! Mục sư của họ đã nói với họ rằng một sự can thiệp rõ rệt như vậy của sự quan phòng thiêng liêng hẳn phải được coi là một dấu hiệu dành cho họ, để quở trách những kẻ nhạo báng và chứng minh chân lý của thánh kinh cũng như của Kitô giáo—và dường như không ai nhận thấy sự tự cao khổng lồ ẩn chứa trong một đề xuất đáng kinh ngạc như vậy.

"But the effect on the boy had been undoubtedly good, morally as well as physically; by all accounts he was a careless enough young scamp before, but now he feels 'his angel' may be near him at any time, and he will never do or say anything rough or coarse or angry, lest it should see or hear. The one great desire of his life is that some day he may see it again, and he knows that when he dies its lovely face will be the first to greet him on the other side. ❑

"Nhưng hiệu quả đối với cậu bé chắc chắn là tốt, cả về mặt đạo đức lẫn thể chất; theo mọi lời kể, trước đây cậu là một đứa trẻ tinh ranh và vô tâm, nhưng giờ đây cậu cảm thấy 'thiên thần của mình' có thể ở gần bên bất cứ lúc nào, và cậu sẽ không bao giờ làm hoặc nói điều gì thô lỗ, cục cằn hay giận dữ, vì sợ rằng vị ấy có thể nhìn thấy hoặc nghe thấy. Khát vọng lớn lao duy nhất trong đời cậu là một ngày nào đó cậu có thể nhìn thấy vị ấy một lần nữa, và cậu biết rằng khi mình qua đời, khuôn mặt đáng yêu của vị ấy sẽ là người đầu tiên chào đón cậu ở phía bên kia."

A beautiful and pathetic little story, truly. The moral dawn from the occurrence by the village and its minister is perhaps somewhat of a *non sequitur*; yet the testimony to the existence of at least something beyond this material plane must surely do the people more good than harm, and after all the mother's conclusion from what she saw was

Quả thực là một câu chuyện nhỏ đẹp đẽ và đầy cảm động. Bài học đạo đức rút ra từ sự việc bởi ngôi làng và vị mục sư có lẽ hơi mang tính *non sequitur* (không liên quan); tuy nhiên, bằng chứng về sự tồn tại của ít nhất một điều gì đó vượt ngoài cõi hồng trần này chắc chắn mang lại cho người dân nhiều điều tốt hơn là hại, và suy cho cùng, kết luận của

a perfectly correct one, though more accurate knowledge would probably have led her to express it a little differently.

người mẹ từ những gì bà thấy là hoàn toàn chính xác, mặc dù kiến thức chuẩn xác hơn có lẽ đã dẫn dắt bà diễn đạt điều đó hơi khác một chút.

An interesting fact afterwards discovered by the investigations of the writer of the letter throws a curious side-light upon the reasons underlying such incidents. It was found that the two boys had met before, and that some thousands of years ago the one who fell from the cliff had been the slave of the other, and had once saved his young master's life at the risk of his own, and had been liberated in consequence; and now, long afterwards, the master not only repays the debt in kind, but also gives his former slave a high ideal and an inducement to morality of life which will probably change the whole course of his future evolution. So true is it that no good deed ever goes unrewarded by karma, however tardy it may seem in its action—that

Một sự thật thú vị sau đó được khám phá qua các cuộc điều tra của người viết lá thư đã soi rọi một khía cạnh kỳ lạ về những lý do ẩn sau các sự cố như vậy. Người ta phát hiện ra rằng hai cậu bé đã gặp nhau từ trước, và cách đây vài ngàn năm, người rơi xuống vách đá từng là nô lệ của người kia, và đã từng cứu mạng chủ nhân trẻ tuổi của mình bằng cách mạo hiểm mạng sống của chính mình, và kết quả là đã được trả tự do; và giờ đây, rất lâu sau đó, người chủ không chỉ trả nợ bằng cách tương tự, mà còn mang lại cho người nô lệ cũ của mình một lý tưởng cao cả và một sự khích lệ đối với đời sống đạo đức, điều có lẽ sẽ thay đổi toàn bộ tiến trình tiến hoá tương lai của y. Thật đúng là không có việc thiện nào mà không được đền đáp bởi nghiệp quả, dù nó có vẻ chậm trễ trong hành động đến đâu—rằng

Though the mills of God grind slowly

Dù cối xay của Thượng đế xay chậm

Yet they grind exceeding small;

Nhưng chúng xay cực kỳ nhỏ mịn;

Though with patience stands

Dù với sự kiên nhẫn Ngài đứng đó

He waiting

Ngài chờ đợi

With exactness grinds He all.

Với sự chính xác Ngài xay tất cả.

CHAPTER VIII

The Story of a Fire—Câu chuyện về một vụ hỏa hoạn

ANOTHER piece of work done by the same boy Cyril furnishes an almost exact parallel to some of the stories from the books which I have given in earlier pages. He and his older friend, it seems, were passing along in the prosecution of their usual work one night, when they noticed the fierce glare of a big fire below them, and promptly dived down to see if they could be of any use.

MỘT công việc khác được thực hiện bởi cùng cậu bé Cyril cung cấp một sự tương đồng gần như chính xác với một số câu chuyện từ các cuốn sách mà tôi đã đưa ra trong những trang trước. Cậu và người bạn lớn tuổi hơn, dường như đang đi thực hiện công việc thường lệ của họ vào một đêm nọ, khi họ nhận thấy ánh sáng rực cháy của một vụ hỏa hoạn lớn bên dưới, và ngay lập tức lao xuống

để xem liệu họ có thể giúp ích được gì không.

It was a great hotel which was in flames, a huge caravanserai on the edge of a great lake. The house, many stories in height, formed three sides of a square round a sort of garden, planted with trees and flowers, while the lake formed the fourth side. The two wings ran right down to the lake, the big bay windows which terminated them almost projecting over the water, so as to leave only quite a narrow passage-way under them at the two sides.

Đó là một khách sạn lớn đang bốc cháy, một quán trọ khổng lồ bên bờ một hồ nước lớn. Ngôi nhà cao nhiều tầng, tạo thành ba cạnh của một hình vuông bao quanh một khu vườn trồng cây và hoa, trong khi mặt hồ tạo thành cạnh thứ tư. Hai dãy nhà chạy thẳng xuống hồ, những cửa sổ lồi lớn ở cuối dãy gần như nhô ra trên mặt nước, chỉ để lại một lối đi khá hẹp bên dưới chúng ở hai bên.

The front and wings were built round inside wells, which contained also the lattice-work shafts of the lifts, so that when once the fire broke out, it spread with almost incredible rapidity, and before our friends saw it on their astral journey all the middle floors in each of the three great blocks were in flames. Fortunately the inmates—except one little boy—had already been rescued, though some of them had sustained very serious burns and other injuries.

Mặt trước và các dãy nhà được xây dựng xung quanh các giếng trời bên trong, nơi cũng chứa các trục lưới của thang máy, vì vậy khi lửa bùng phát, nó lan rộng với tốc độ gần như không thể tin nổi, và trước khi các bạn của chúng ta nhìn thấy nó trong chuyến du hành cảm dục của họ, tất cả các tầng giữa trong mỗi khối nhà lớn đều đã chìm trong biển lửa. May mắn thay, những người cư ngụ —ngoại trừ một cậu bé nhỏ—đã được cứu thoát, mặc dù một số người trong số họ đã bị bỏng rất nặng và các vết thương khác.

This little fellow had been forgotten in one of the upper rooms of the left wing, for his parents were out at a ball, and knew nothing of the fire, while naturally enough no one else thought of the lad till it was far too late. The fire had gained such a hold on the middle floors of that wing that nothing could have been done, even if anyone had remembered him, as his room faced on to the inner garden which has been mentioned, so that he was completely cut off from all outside help. Besides, he was not even aware of his danger, for the dense, suffocating smoke had so gradually filled the room that his sleep had grown deeper and deeper, till he was all but stupefied.

Cậu bé này đã bị bỏ quên trong một căn phòng ở tầng trên của dãy nhà bên trái, vì cha mẹ cậu đang đi dự vũ hội và không biết gì về vụ hỏa hoạn, trong khi lẽ tự nhiên là không ai khác nghĩ đến cậu bé cho đến khi đã quá muộn. Ngọn lửa đã chiếm lĩnh các tầng giữa của dãy nhà đó đến mức không thể làm gì được, ngay cả khi có ai đó nhớ đến cậu, vì phòng của cậu hướng ra khu vườn bên trong đã được đề cập, nên cậu hoàn toàn bị cắt đứt khỏi mọi sự giúp đỡ từ bên ngoài. Bên cạnh đó, cậu thậm chí còn không nhận thức được mối nguy hiểm của mình, vì khói đặc, ngột ngạt đã dần dần lấp đầy căn phòng khiến giấc ngủ của cậu ngày càng sâu hơn, cho đến khi cậu gần như bị mê man.

In this state he was discovered by Cyril, who seems to be specially attracted towards children in need or danger. He first tried to make some of the people remember the boy,

Trong tình trạng này, cậu được phát hiện bởi Cyril, người dường như đặc biệt bị thu hút bởi những trẻ em đang gặp khó khăn hoặc nguy hiểm. Đầu tiên cậu cố gắng làm cho

but in vain; and in any case it seemed scarcely possible that they could have helped him, so that it was soon evident that this was merely a waste of time. The older helper then materialized, Cyril, as before, in the room, and set him to work to awaken and rouse up the more than half-stupefied child. After a good deal of difficulty this was accomplished to some extent, but the boy remained in a half-dazed, semi-conscious condition through all that followed, so that he needed to be pushed and pulled about, guided and helped at every turn.

một số người nhớ đến cậu bé, nhưng vô ích; và trong bất kỳ trường hợp nào, dường như họ khó có thể giúp được cậu, vì vậy sớm rõ ràng rằng đây chỉ là một sự lãng phí thời gian. Người giúp đỡ lớn tuổi hơn sau đó đã hiện hình Cyril, như trước đây, vào trong căn phòng, và giao cho cậu công việc đánh thức và làm tỉnh lại đứa trẻ đang bị mê man hơn một nửa. Sau rất nhiều khó khăn, điều này đã được hoàn thành ở một mức độ nào đó, nhưng cậu bé vẫn ở trong tình trạng nửa tỉnh nửa mê suốt những gì diễn ra sau đó, vì vậy cậu cần được đẩy và kéo đi, được hướng dẫn và giúp đỡ ở mọi bước.

The two boys first crept out of the room into the central passage which ran through the wing, and then, finding that the smoke and the flames beginning to come through the floor made it impassable for a physical body, Cyril got the other boy back into the room again and out of the window on to a stone ledge, about a foot wide, which ran right along the block just below the windows. Along this he managed to guide his companion, half balancing himself on the extreme edge of the ledge, and half floating on air, but always placing himself outside of the other, so as to keep him from dizziness and prevent him from feeling afraid of a fall.

Hai cậu bé đầu tiên bò ra khỏi phòng vào hành lang trung tâm chạy dọc theo dãy nhà, và sau đó, nhận thấy khói và ngọn lửa bắt đầu bốc lên qua sàn nhà khiến một thể xác không thể đi qua được, Cyril đưa cậu bé kia trở lại phòng một lần nữa và ra khỏi cửa sổ lên một gờ đá, rộng khoảng một foot, chạy dọc theo khối nhà ngay bên dưới các cửa sổ. Dọc theo gờ đá này, cậu đã xoay xở để hướng dẫn người bạn đồng hành của mình, một nửa tự giữ thăng bằng trên mép ngoài cùng của gờ đá, và một nửa lơ lửng trên không trung, nhưng luôn đặt mình ở phía bên ngoài người kia, để giữ cho cậu bé không bị chóng mặt và ngăn cậu cảm thấy sợ hãi khi bị ngã.

Towards the end of the block nearest the lake, in which direction the fire seemed less developed, they climbed in through an open window and again reached the passage, hoping to find the staircase at that end still passable. But it, too, was full of flame and smoke; so they crawled back along the passage, Cyril advising his companion to keep his mouth close to the ground, till they reached the latticed cage of the lift running down the long well in the centre of the block.

Về phía cuối khối nhà gần hồ nhất, hướng mà ngọn lửa dường như ít phát triển hơn, họ trèo qua một cửa sổ mở và một lần nữa vào được hành lang, hy vọng tìm thấy cầu thang ở đầu đó vẫn còn có thể đi qua được. Nhưng nó cũng đầy lửa và khói; vì vậy họ bò ngược lại dọc theo hành lang, Cyril khuyên người bạn đồng hành của mình giữ miệng sát mặt đất, cho đến khi họ đến được lồng lưới của thang máy chạy xuống giếng dài ở trung tâm khối nhà.

The lift of course was at the bottom, but they managed to clamber down the lattice work inside the cage till they stood on the roof of the elevator itself. Here they found themselves blocked, but luckily Cyril

Thang máy tất nhiên đang ở dưới đáy, nhưng họ đã xoay xở để leo xuống khung lưới bên trong lồng cho đến khi đứng trên nóc của chính thang máy. Tại đây họ thấy mình bị chặn lại, nhưng may mắn thay Cyril đã phát

discovered a doorway opening from the cage of the lift on to a sort of *entresol* just above the ground floor. Through this they reached a passage, which they crossed, the little boy being half-stifled by the smoke; then they made their way through one of the rooms opposite, and finally, clambering out of the window, found themselves on the top of the veranda which ran along in front of the ground floor, between it and the garden.

hiện ra một ô cửa mở từ lồng thang máy dẫn ra một loại *entresol* (tầng lửng) ngay phía trên tầng trệt. Qua đó họ đến được một hành lang mà họ đã băng qua, cậu bé nhỏ gần như bị ngạt bởi khói; sau đó họ đi qua một trong những căn phòng đối diện, và cuối cùng, trèo ra khỏi cửa sổ, thấy mình đang ở trên nóc hiên chạy dọc phía trước tầng trệt, giữa nó và khu vườn.

There it was easy enough to swarm down one of the pillars and reach the garden itself; but even there the heat was intense, and the danger, when the walls should fall, very considerable. So Cyril tried to conduct his charge round the end first of one, then of the other wing; but in both cases the flames had burst through, and the narrow, overhung passages were quite impassable. Finally they took refuge in one of the pleasure boats which were moored to the steps of the quay at the side of the garden next the lake, and, casting loose, rowed out on to the water.

Từ đó, thật dễ dàng để đu xuống một trong những cây cột và đến được chính khu vườn; nhưng ngay cả ở đó nhiệt độ cũng rất dữ dội, và nguy hiểm khi các bức tường sụp xuống là rất đáng kể. Vì vậy Cyril cố gắng dẫn dắt người mình bảo hộ đi vòng qua đầu dãy nhà này rồi đến dãy nhà kia; nhưng trong cả hai trường hợp, ngọn lửa đã bùng phát qua, và những lối đi hẹp, có mái che nhô ra hoàn toàn không thể đi qua được. Cuối cùng, họ trú ẩn trong một trong những chiếc thuyền du ngoạn được buộc vào các bậc thang của bến tàu ở phía khu vườn cạnh hồ, và cởi dây, chèo ra mặt nước.

Cyril intended to row round past the burning wing and land the boy whom he had saved; but when they got some little way out, they fell in with a passing lake steamer, and were seen—for the whole scene was lit up by the glare of the burning hotel, till everything was as plain as in broad daylight. The steamer came alongside the boat to take them off; but instead of the two boys they had seen, the crew found only one—for his older friend had promptly allowed Cyril to slip back into his astral form, dissipating the denser matter which had made for the time a material body, and he was therefore now invisible.

Cyril dự định chèo vòng qua dãy nhà đang cháy và đưa cậu bé mà cậu đã cứu lên bờ; nhưng khi họ ra ngoài được một đoạn ngắn, họ gặp một chiếc tàu hơi nước đi ngang qua hồ và đã bị nhìn thấy—vì toàn bộ khung cảnh được thắp sáng bởi ánh lửa rực cháy của khách sạn, cho đến khi mọi thứ đều rõ ràng như ban ngày. Chiếc tàu hơi nước tiến lại gần thuyền để đón họ; nhưng thay vì hai cậu bé mà họ đã thấy, thủy thủ đoàn chỉ tìm thấy một người—vì người bạn lớn tuổi hơn đã nhanh chóng cho phép Cyril trượt trở lại thể cảm dục của mình, làm tiêu tan chất liệu đậm đặc hơn vốn đã tạo ra một thể xác tạm thời, và do đó giờ đây cậu không còn nhìn thấy được nữa.

A careful search was made, of course, but no trace of the second boy could be found, and so it was concluded that he must have fallen overboard and been drowned just as they came alongside. The child who had been

Tất nhiên, một cuộc tìm kiếm cẩn thận đã được thực hiện, nhưng không tìm thấy dấu vết nào của cậu bé thứ hai, và vì vậy người ta kết luận rằng cậu hẳn đã rơi xuống nước và bị chết đuối ngay khi họ tiến lại gần. Đứa trẻ

rescued fell into a dead faint as soon as he was safe on board, so they could get no information from him, and when he did recover, all he could say was that he had seen the other boy the moment before they came alongside, and then knew nothing more.

được cứu thoát đã ngất đi ngay khi được an toàn trên tàu, vì vậy họ không thể lấy được thông tin gì từ cậu, và khi cậu tỉnh lại, tất cả những gì cậu có thể nói là cậu đã thấy cậu bé kia ngay khoảnh khắc trước khi họ tiến lại gần, và sau đó không biết gì thêm nữa.

The steamer was bound down the lake to a place some two days' sail distant, and it was a week or so before the rescued boy could be restored to his parents, who of course thought that he had perished in the flames, for though an effort was made to impress on their minds the fact that their son had been saved, it was found impossible to convey the idea to them, so it may be imagined how great was the joy of the meeting.

Chiếc tàu hơi nước đang đi xuống hồ đến một nơi cách đó khoảng hai ngày đường, và phải mất một tuần hoặc lâu hơn trước khi cậu bé được cứu có thể được trả về cho cha mẹ cậu, những người tất nhiên nghĩ rằng cậu đã thiệt mạng trong đám cháy, vì mặc dù đã có nỗ lực để ấn định vào tâm trí họ sự thật rằng con trai họ đã được cứu, nhưng người ta thấy không thể truyền đạt ý tưởng đó cho họ, vì vậy có thể hình dung được niềm vui gặp lại lớn lao đến nhường nào.

The boy is still well and happy, and is never weary of relating his wonderful adventure. Many a time he has regretted that the kind friend who saved him should have perished so mysteriously at the very moment when all the danger seemed over at last. Indeed, he has even ventured to suggest that perhaps he *didn't* perish after all—that perhaps he was a fairy prince; but of course this idea elicits nothing but tolerant smiles of superiority from his elders. The kârmic link between him and his preserver has not yet been traced, but no doubt there must be one somewhere.

Cậu bé hiện vẫn khỏe mạnh và hạnh phúc, và không bao giờ chán kể về cuộc phiêu lưu kỳ diệu của mình. Nhiều lần cậu đã hối tiếc rằng người bạn tốt bụng đã cứu mình lại phải bỏ mạng một cách bí ẩn như vậy ngay vào khoảnh khắc mà mọi nguy hiểm dường như cuối cùng đã qua đi. Thật vậy, cậu thậm chí đã mạo hiểm gợi ý rằng có lẽ y *không* thực sự bỏ mạng—rằng có lẽ y là một hoàng tử tiên; nhưng tất nhiên ý tưởng này không gợi lên điều gì ngoài những nụ cười bao dung đầy vẻ ưu việt từ những người lớn. Mối liên hệ nghiệp quả giữa cậu và người cứu mạng vẫn chưa được truy tìm, nhưng chắc chắn phải có một mối liên hệ nào đó ở đâu đó.

CHAPTER IX

Materialization and Repercussion—Sự hiện hình và Sự phản hồi

ON meeting with a story such as this, students often enquire whether the invisible helper is perfectly safe amidst these scenes of deadly peril—whether, for example, this boy who was materialized in order to save another from a burning house was not

Khi gặp một câu chuyện như thế này, các đạo sinh thường hỏi liệu người giúp đỡ vô hình có hoàn toàn an toàn giữa những cảnh tượng nguy hiểm chết người này không—ví dụ, liệu cậu bé được hiện hình để cứu người khác khỏi ngôi nhà đang cháy có gặp nguy hiểm gì

himself in some danger—whether his physical body would not have suffered in any way by repercussion if his materialized form had passed through the flames, or fallen from the high ledge on the edge of which he walked so unconcernedly. In fact, since we know that in many cases the connection between a materialized form and a physical body is sufficiently close to produce repercussion, might it not have occurred in this case?

không—liệu thể xác của cậu có bị tổn thương theo bất kỳ cách nào do sự phản hồi nếu hình tướng hiện hình của cậu đi qua ngọn lửa, hoặc rơi từ gờ đá cao mà cậu đã bước đi một cách thản nhiên như vậy không. Trên thực tế, vì chúng ta biết rằng trong nhiều trường hợp, sự kết nối giữa một hình tướng hiện hình và một thể xác đủ chặt chẽ để tạo ra sự phản hồi, liệu nó có thể đã xảy ra trong trường hợp này không?

Now this subject of repercussion is an exceedingly abstruse and difficult one, and we are by no means yet in a position fully to explain its very remarkable phenomena; in order to understand the matter perfectly, it would probably be necessary to comprehend the laws of sympathetic vibration on more planes than one. Still, we do know by observation some of the conditions which permit its action, and some which definitely exclude it, and I think we are warranted in saying that it was absolutely impossible here.

Hiện nay, chủ đề về sự phản hồi này là một vấn đề cực kỳ thâm thúy và khó khăn, và chúng ta hoàn toàn chưa ở vị thế có thể giải thích đầy đủ các hiện tượng rất đáng chú ý của nó; để thấu hiểu vấn đề một cách hoàn hảo, có lẽ cần phải hiểu các định luật về rung động tương cảm trên nhiều cõi giới. Tuy nhiên, qua quan sát, chúng ta biết được một số điều kiện cho phép hành động của nó, và một số điều kiện chắc chắn loại trừ nó, và tôi nghĩ chúng ta có cơ sở để nói rằng điều đó là hoàn toàn không thể ở đây.

To see why this is so we must first remember that there are at least three well-defined varieties of materialization, as anyone who has at all an extended experience of spiritualism will be aware. I am not concerned at the moment to enter upon any explanation as to how these three varieties are respectively produced, but am merely stating the indubitable fact of their existence.

Để thấy tại sao lại như vậy, trước tiên chúng ta phải nhớ rằng có ít nhất ba loại hiện hình được xác định rõ ràng, như bất kỳ ai có kinh nghiệm mở rộng về thần linh học đều sẽ biết. Tôi không quan tâm vào lúc này để đưa ra bất kỳ lời giải thích nào về việc ba loại này được tạo ra tương ứng như thế nào, mà chỉ đơn thuần nêu lên sự thật không thể nghi ngờ về sự tồn tại của chúng.

There is the materialization which, though tangible, is not visible to ordinary physical sight. Of this nature are the unseen hands which so often clasp one's arm or stroke one's face at a *séance,* which sometimes carry physical objects through the air or make raps upon the table—though of course both these latter phenomena may easily be produced without a materialized hand at all.

Có loại hiện hình mà mặc dù có thể chạm vào được, nhưng không thể nhìn thấy bằng thị giác hồng trần thông thường. Thuộc bản chất này là những bàn tay vô hình thường nắm lấy cánh tay hoặc vuốt ve khuôn mặt của một người tại một *buổi gọi hồn,* đôi khi mang các vật thể vật lý qua không trung hoặc tạo ra tiếng gõ trên bàn—mặc dù tất nhiên cả hai hiện tượng sau này đều có thể dễ dàng được tạo ra mà không cần một bàn

tay hiện hình nào cả.

There is the materialization which though visible is not tangible—the spirit-form through which one's hand passed as through empty air. In some cases this variety is obviously misty and impalpable, but in others its appearance is so entirely normal that its solidity is never doubted until some one endeavours to grasp it.

Có loại hiện hình mặc dù có thể nhìn thấy nhưng không thể chạm vào được—hình tướng tinh thần mà bàn tay của một người đi xuyên qua như xuyên qua không khí trống rỗng. Trong một số trường hợp, loại này rõ ràng là sương mù và không thể cảm nhận được, nhưng trong những trường hợp khác, vẻ ngoài của nó hoàn toàn bình thường đến mức sự rắn chắc của nó không bao giờ bị nghi ngờ cho đến khi có ai đó cố gắng nắm lấy nó.

There is the perfect materialization which is both visible and tangible—which not only bears the outward semblance of your departed friend but shakes you cordially by the hand with the very clasp that you know so well.

Có loại hiện hình hoàn hảo vừa có thể nhìn thấy vừa có thể chạm vào được—loại này không chỉ mang vẻ ngoài của người bạn đã quá cố của bạn mà còn bắt tay bạn một cách thân tình với chính cái nắm tay mà bạn biết rất rõ.

Now while there is a good deal of evidence to show that repercussion takes place under certain conditions in the case of this third kind of materialization., it is by no means so certain that it can occur with the first or second class. In the case of the boy-helper it is probable that the materialization would not be of the third type, since the greatest care is always taken not to expend more force than is absolutely necessary to produce whatever result may be required, and it is obvious that less energy would be used in the production of the more partial forms which we have called the first and second classes. The probability is that only the arm with which the boy held his little companion would be solid to the touch, and that the rest of his body, though looking perfectly natural, would have proved far less palpable if it had been tested.

Giờ đây, trong khi có nhiều bằng chứng cho thấy sự phản hồi diễn ra trong những điều kiện nhất định đối với loại hiện hình thứ ba này, thì hoàn toàn không chắc chắn rằng nó có thể xảy ra với loại thứ nhất hoặc thứ hai. Trong trường hợp của cậu bé giúp đỡ, có khả năng sự hiện hình không thuộc loại thứ ba, vì sự chăm sóc lớn nhất luôn được thực hiện để không tiêu tốn nhiều mãnh lực hơn mức tuyệt đối cần thiết để tạo ra bất kỳ kết quả nào có thể được yêu cầu, và rõ ràng là sẽ sử dụng ít năng lượng hơn trong việc tạo ra các hình tướng bán phần mà chúng ta gọi là loại thứ nhất và thứ hai. Khả năng là chỉ có cánh tay mà cậu bé dùng để giữ người bạn nhỏ của mình là rắn chắc khi chạm vào, và phần còn lại của cơ thể cậu, mặc dù trông hoàn toàn tự nhiên, sẽ tỏ ra ít có thể cảm nhận được hơn nhiều nếu nó được kiểm tra.

But, apart from this probability, there is another point to be considered. When a full materialization takes place, whether the subject be living or dead, physical matter of some sort has to be gathered together for the purpose. At a spiritualistic *séance* this matter is obtained by drawing largely upon the

Nhưng, ngoài khả năng này, còn có một điểm khác cần xem xét. Khi một sự hiện hình đầy đủ diễn ra, cho dù chủ thể là người sống hay người chết, vật chất hồng trần thuộc loại nào đó phải được tập hợp lại cho mục đích đó. Tại một *buổi gọi hồn*, vật chất này có được bằng cách rút ra phần lớn từ bản sao dĩ thái của

etheric double of the medium—and sometimes even upon his physical body also, since cases are on record in which his weight has been very considerably decreased while manifestations of this character were taking place.

đồng tử—và đôi khi thậm chí từ cả thể xác của y nữa, vì có những trường hợp được ghi nhận trong đó trọng lượng của y đã giảm đi đáng kể trong khi các biểu hiện thuộc loại này đang diễn ra.

This method is employed by the directing entities of the *séance* simply because when an available medium is within reach it is very much the easiest way in which a materialization can be brought about; and the consequence is that the very closest connection is thus set up between that medium and the materialized body, so that the phenomenon which (although very imperfectly understanding it) we call repercussion, occurs in its clearest form. If, for example, the hands of the materialized body be rubbed with chalk, that chalk will afterwards be found on the hands of the medium, even though he may have been all the time carefully locked up in a cabinet under circumstances which absolutely preclude any suspicion of fraud. If any injury be inflicted upon the materialized form, that injury will be accurately reproduced upon the corresponding part of the medium's body: while sometimes food of which the spirit-form has partaken will be found to have passed into the body of the medium—at least that happened in one case at any rate within my own experience.

Phương pháp này được sử dụng bởi các thực thể điều khiển buổi gọi hồn đơn giản vì khi có một đồng tử sẵn sàng trong tầm với, đó là cách dễ dàng nhất để một sự hiện hình có thể được thực hiện; và hậu quả là sự kết nối chặt chẽ nhất được thiết lập giữa đồng tử đó và cơ thể hiện hình, do đó hiện tượng mà (mặc dù hiểu nó rất không hoàn hảo) chúng ta gọi là sự phản hồi, xảy ra ở dạng rõ ràng nhất của nó. Ví dụ, nếu bàn tay của cơ thể hiện hình được xoa bằng phấn, phấn đó sau đó sẽ được tìm thấy trên bàn tay của đồng tử, ngay cả khi y có thể đã bị nhốt cẩn thận suốt thời gian đó trong một tủ kín dưới những tình huống hoàn toàn loại trừ bất kỳ sự nghi ngờ nào về gian lận. Nếu có bất kỳ thương tích nào gây ra cho hình tướng hiện hình, thương tích đó sẽ được tái tạo chính xác trên phần tương ứng của cơ thể đồng tử: trong khi đôi khi thức ăn mà hình tướng tinh thần đã ăn sẽ được tìm thấy là đã đi vào cơ thể của đồng tử—ít nhất điều đó đã xảy ra trong một trường hợp trong chính kinh nghiệm của tôi.

It would be far otherwise, however, in the case which we have been describing. Cyril was thousands of miles from his sleeping physical body, and it would therefore be quite impossible for his friend to draw etheric matter from it, while the regulations under which all pupils of the great Masters of Wisdom perform their work of helping man would assuredly prevent him, even for the noblest purpose, from putting such a strain upon any one else's body. Besides, it would be quite unnecessary, for the far less dangerous method invariably employed by the helpers when materialization seems

Tuy nhiên, điều đó sẽ khác xa trong trường hợp mà chúng ta đang mô tả. Cyril đang ở cách xa thể xác đang ngủ của mình hàng ngàn dặm, và do đó người bạn của cậu hoàn toàn không thể rút chất liệu dĩ thái từ nó, trong khi các quy định mà theo đó tất cả các môn sinh của các Chân sư Minh Triết vĩ đại thực hiện công việc giúp đỡ con người chắc chắn sẽ ngăn cản Ngài, ngay cả vì mục đích cao quý nhất, gây ra một sự căng thẳng như vậy lên cơ thể của bất kỳ ai khác. Bên cạnh đó, điều đó là hoàn toàn không cần thiết, vì phương pháp ít nguy hiểm hơn nhiều luôn được các người giúp đỡ sử dụng khi việc hiện

desirable would be ready to his hand—the condensation from the circumambient ether, or even from the physical air, of such an amount of matter as may be requisite. This feat, though no doubt beyond the power of the average entity manifesting at a *séance*, presents no difficulty to a student of occult chemistry.

hình dường như là mong muốn sẽ sẵn sàng trong tay Ngài—sự ngưng tụ từ dĩ thái xung quanh, hoặc thậm chí từ không khí vật lý, một lượng vật chất cần thiết. Kỳ tích này, mặc dù chắc chắn vượt quá khả năng của thực thể trung bình biểu hiện tại một buổi gọi hồn, nhưng không gây khó khăn gì cho một đạo sinh về hóa học huyền môn.

But mark the difference in the result obtained. In the case of the medium we have a materialized form in the closest possible connection with the physical body, made out of its very substance, and therefore capable of producing all the phenomena of repercussion. In the case of the helper we have indeed an exact reproduction of the physical body, but it is created by a mental effort out of matter entirely foreign to that body, and is no more capable of acting upon it by repercussion than an ordinary marble statue of the man would be.

Nhưng hãy lưu ý sự khác biệt trong kết quả đạt được. Trong trường hợp của đồng tử, chúng ta có một hình tướng hiện hình trong sự kết nối chặt chẽ nhất có thể với thể xác, được tạo ra từ chính chất liệu của nó, và do đó có khả năng tạo ra tất cả các hiện tượng phản hồi. Trong trường hợp của người giúp đỡ, chúng ta thực sự có một sự tái tạo chính xác của thể xác, nhưng nó được tạo ra bởi một nỗ lực trí tuệ từ vật chất hoàn toàn xa lạ với cơ thể đó, và không có khả năng tác động lên nó bằng sự phản hồi hơn là một bức tượng cẩm thạch thông thường của người đó.

Thus it is that a passage through the flames or a fall from a high window-ledge would have had no terrors for the boy-helper, and that on another occasion a member of the band, though materialized, was able without any inconvenience to the physical body to go down in a sinking vessel (see page 77).

Vì vậy, một chuyến đi qua ngọn lửa hoặc một cú ngã từ gờ cửa sổ cao sẽ không có gì đáng sợ đối với cậu bé giúp đỡ, và trong một dịp khác, một thành viên của nhóm, mặc dù đã hiện hình, vẫn có thể đi xuống trong một con tàu đang chìm mà không có bất kỳ sự bất tiện nào cho thể xác (xem trang 77).

In both the incidents of his work that have been described above, it will have been noticed that the boy Cyril was unable to materialize himself, and that the operation had to be performed for him by an older friend. One more of his experiences is worth relating, for it gives us a case in which by intensity of pity and determination of will he *was* able to show himself—a case somewhat parallel to that previously related of the mother whose love enabled her somehow to manifest herself in order to save her children's lives.

Trong cả hai sự cố về công việc của cậu đã được mô tả ở trên, cần lưu ý rằng cậu bé Cyril đã không thể tự mình hiện hình, và thao tác đó đã phải được thực hiện cho cậu bởi một người bạn lớn tuổi hơn. Một kinh nghiệm nữa của cậu rất đáng để kể lại, vì nó cho chúng ta thấy một trường hợp mà nhờ cường độ của lòng trắc ẩn và sự quyết tâm của ý chí, cậu *đã* có thể tự mình xuất hiện—một trường hợp hơi tương đồng với trường hợp đã kể trước đây về người mẹ mà tình thương đã cho phép bà bằng cách nào đó tự mình biểu hiện để cứu mạng các con mình.

Inexplicable as it may seem, there is no doubt whatever of the existence in nature of

Dù có vẻ khó giải thích đến đâu, hoàn toàn không có nghi ngờ gì về sự tồn tại trong tự

this stupendous power of will over matter of all planes, so that if only the power be great enough, practically *any* result may be produced by its direct action, without any knowledge or even thought on the part of the man exercising that will as to *how* it is to do its work. We have had plenty of evidence that this power holds good in the case of materialization, although ordinarily it is an art which must be learnt just like any other. Assuredly an average man on the astral plane could no more materialize himself without having previously learnt how to do it than the average man on this plane could play the violin without having previously learnt it; but there are exceptional cases, as will be seen from the following narrative.

nhiên của quyền năng ý chí vĩ đại này đối với vật chất của tất cả các cõi giới, sao cho nếu quyền năng đó đủ lớn, về mặt thực tế *bất kỳ* kết quả nào cũng có thể được tạo ra bởi hành động trực tiếp của nó, mà không cần bất kỳ kiến thức hay thậm chí suy nghĩ nào từ phía người thực hiện ý chí đó về việc nó sẽ thực hiện công việc của mình *như thế nào*. Chúng ta đã có rất nhiều bằng chứng cho thấy quyền năng này vẫn đúng trong trường hợp hiện hình, mặc dù thông thường đó là một nghệ thuật phải được học giống như bất kỳ nghệ thuật nào khác. Chắc chắn một người bình thường trên cõi cảm dục không thể tự mình hiện hình mà không được học cách làm điều đó trước đó, cũng giống như một người bình thường trên cõi này không thể chơi vĩ cầm mà không được học nó trước đó; nhưng có những trường hợp ngoại lệ, như sẽ thấy từ câu chuyện sau đây.

CHAPTER X

The Two Brothers—Hai Anh Em

This story has been told by a pen of far greater dramatic capability than mine, and with a wealth of detail for which I have here no space, in *The Theosophical Review* of November, 1897, page 229. To that account I would refer the reader, since my own description of the case will be a mere outline, as brief as is consistent with clearness. The names given are of course fictitious, but the incidents are related with scrupulous accuracy.

Câu chuyện này đã được kể lại bởi một ngòi bút có khả năng kịch tính lớn hơn nhiều so với tôi, và với vô số chi tiết mà tôi không có đủ không gian ở đây, trong tờ *The Theosophical Review* tháng 11 năm 1897, trang 229. Tôi xin giới thiệu độc giả đến bản tường thuật đó, vì mô tả của riêng tôi về trường hợp này sẽ chỉ là một bản phác thảo, ngắn gọn nhất có thể để đảm bảo sự rõ ràng. Các tên được đưa ra tất nhiên là hư cấu, nhưng các sự cố được kể lại với sự chuẩn xác tỉ mỉ.

Our *dramatis personae* are two brothers, the sons of a country gentleman—Lancelot, aged fourteen, and Walter, aged eleven—very good boys of the ordinary healthy, manly type, like hundreds of others in this fair realm, with no obvious psychic qualifications of any sort, except the possession of a good deal of Celtic blood.

Các *nhân vật* của chúng ta là hai anh em, con trai của một quý ông ở nông thôn—Lancelot, mười bốn tuổi, và Walter, mười một tuổi—những cậu bé rất ngoan thuộc loại khỏe mạnh, nam tính bình thường, giống như hàng trăm cậu bé khác trong vương quốc xinh đẹp này, không có phẩm chất thông linh rõ rệt nào thuộc bất kỳ loại nào, ngoại

Perhaps the most remarkable feature about them was the intensity of the affection that existed between them, for they were simply inseparable—neither would go anywhere without the other, and the younger idolized the elder as only a younger boy can.

trừ việc sở hữu khá nhiều dòng máu Celtic. Có lẽ đặc điểm đáng chú ý nhất về họ là cường độ tình cảm tồn tại giữa họ, vì họ đơn giản là không thể tách rời—không ai đi đâu mà không có người kia, và người em thần tượng người anh như chỉ một cậu bé nhỏ tuổi hơn mới có thể làm được.

One unlucky day Lancelot was thrown from his pony and killed, and for Walter the world became empty. The child's grief was so real and terrible that he could neither eat not sleep, and his mother and nurse were at their wits' end as to what to do for him. He seemed deaf alike to persuasion and blame; when they told him that grief was wicked, and that his brother was in heaven, he simply answered that he could not be certain of that, and that even if it were true, he knew that Lancelot could no more be happy in heaven without him than he could on earth without Lancelot.

Một ngày không may, Lancelot bị ngã ngựa và tử vong, và đối với Walter, thế giới trở nên trống rỗng. Nỗi đau buồn của đứa trẻ thật thực tế và khủng khiếp đến mức cậu không thể ăn cũng không thể ngủ, và mẹ cùng vú nuôi của cậu đã hết cách không biết phải làm gì cho cậu. Cậu dường như thờ ơ với cả sự thuyết phục lẫn sự khiển trách; khi họ nói với cậu rằng đau buồn là tội lỗi, và rằng anh trai cậu đang ở trên thiên đàng, cậu chỉ trả lời rằng cậu không thể chắc chắn về điều đó, và rằng ngay cả khi điều đó là sự thật, cậu biết rằng Lancelot không thể hạnh phúc trên thiên đàng nếu không có cậu cũng như cậu không thể hạnh phúc trên thế gian nếu không có Lancelot.

Incredible as it may sound, the poor child was actually dying of grief, and what made the case even more pathetic was the fact that, all unknown to him, his brother stood at his side all the time, fully conscious of his misery, and himself half-distracted at the failure of his repeated attempts to touch him or speak to him.

Dù nghe có vẻ khó tin, đứa trẻ tội nghiệp thực sự đang chết dần vì đau buồn, và điều làm cho trường hợp này thậm chí còn cảm động hơn là sự thật rằng, mà cậu hoàn toàn không biết, anh trai cậu luôn đứng bên cạnh cậu suốt thời gian đó, nhận thức đầy đủ về nỗi khổ sở của cậu, và chính y cũng gần như quẫn trí trước sự thất bại của những nỗ lực lặp đi lặp lại nhằm chạm vào cậu hoặc nói chuyện với cậu.

Affairs were still in this most pitiable condition on the third evening after the accident, when Cyril's attention was drawn to the two brothers—he cannot tell how. "He just happened to be passing," he says; yet surely the will of the Lords of Compassion guided him to the scene. Poor Walter lay exhausted yet sleepless—alone in his desolation, so far as he knew, though all the time his sorrowing brother stood beside him. Lancelot, free from the chains of the flesh, could see and hear Cyril, so obviously

Mọi chuyện vẫn còn trong tình trạng đáng thương nhất này vào buổi tối thứ ba sau vụ tai nạn, khi sự chú ý của Cyril bị thu hút vào hai anh em—cậu không thể nói rõ bằng cách nào. "Cậu chỉ tình cờ đi ngang qua," cậu nói; nhưng chắc chắn ý chí của các Chúa Tể của Lòng Từ Bi đã dẫn dắt cậu đến hiện trường. Walter tội nghiệp nằm kiệt sức nhưng không ngủ được—cô độc trong sự hoang tàn của mình, theo như cậu biết, mặc dù suốt thời gian đó người anh trai đang đau buồn của cậu vẫn đứng bên cạnh. Lancelot, thoát khỏi

the first thing to do was to soothe his pain with a promise of friendship and help in communicating with his brother.

xiềng xích của xác thịt, có thể nhìn thấy và nghe thấy Cyril, vì vậy rõ ràng điều đầu tiên cần làm là xoa dịu nỗi đau của y bằng một lời hứa về tình bạn và sự giúp đỡ trong việc giao tiếp với em trai mình.

As soon as the dead boy's mind was thus cheered with hope, Cyril turned to the living one, and tried with all his strength to impress upon his brain the knowledge that his brother stood beside him, not dead, but living and loving as of yore. But all his efforts were in vain; the dull apathy of grief so filled poor Walter's mind that no suggestion from without could enter, and Cyril knew not what to do. Yet so deeply was he moved by the sad sight, so intense was his sympathy and so firm his determination to help in some way or other at any cost of strength to himself, that somehow (even to this day he cannot tell how) he found himself able to touch and speak to the heart-broken child.

Ngay khi tâm trí của cậu bé đã khuất được khích lệ bằng hy vọng như vậy, Cyril quay sang cậu bé đang sống, và cố gắng với tất cả sức mạnh của mình để ấn định vào bộ não của cậu kiến thức rằng anh trai cậu đang đứng bên cạnh cậu, không phải đã chết, mà đang sống và yêu thương như xưa. Nhưng mọi nỗ lực của cậu đều vô ích; sự thờ ơ đờ đẫn của nỗi đau buồn đã lấp đầy tâm trí Walter tội nghiệp đến mức không một gợi ý nào từ bên ngoài có thể lọt vào, và Cyril không biết phải làm gì. Tuy nhiên, cậu đã bị xúc động sâu sắc bởi cảnh tượng buồn bã đó, sự đồng cảm của cậu mãnh liệt và sự quyết tâm giúp đỡ bằng cách này hay cách khác với bất kỳ giá nào về sức lực của chính mình mạnh mẽ đến mức bằng cách nào đó (ngay cả đến ngày nay cậu cũng không thể nói rõ bằng cách nào) cậu thấy mình có thể chạm vào và nói chuyện với đứa trẻ đang tan nát cõi lòng.

Putting aside Walter's questions as to who he was and how he came there, he went straight to the point, telling him that his brother stood beside him, trying hard to make him hear his constantly repeated assurances that he was not dead, but living and yearning to help and comfort him. Little Walter longed to believe, yet hardly dared to hope; but Cyril's eager insistence vanquished his doubts at last, and he said, "Oh! I do believe you, because you're so kind; but if I could only see him, then I should *know*, then I should be quite sure; and if I could only hear his voice telling me he was happy, I shouldn't mind a bit his going away again afterwards."

Gạt sang một bên những câu hỏi của Walter về việc cậu là ai và làm thế nào cậu đến được đó, cậu đi thẳng vào vấn đề, nói với cậu bé rằng anh trai cậu đang đứng bên cạnh cậu, đang cố gắng hết sức để làm cho cậu nghe thấy những lời khẳng định lặp đi lặp lại liên tục rằng y không chết, mà đang sống và khao khát được giúp đỡ và an ủi cậu. Walter nhỏ bé khao khát được tin tưởng, nhưng hầu như không dám hy vọng; nhưng sự kiên trì nhiệt thành của Cyril cuối cùng đã chiến thắng những nghi ngờ của cậu, và cậu nói, "Ôi! Em thực sự tin anh, vì anh quá tốt bụng; nhưng nếu em chỉ có thể nhìn thấy anh ấy, thì em sẽ *biết*, khi đó em sẽ hoàn toàn chắc chắn; và nếu em chỉ có thể nghe thấy giọng nói của anh ấy nói với em rằng anh ấy đang hạnh phúc, em sẽ không bận tâm chút nào việc anh ấy lại ra đi sau đó."

Young though he was at the work, Cyril

Dù còn trẻ trong công việc này, Cyril cũng đủ

knew enough to be aware that Walter's wish was one not ordinarily granted, and was beginning regretfully to tell him so, when suddenly he felt a Presence that all the helpers know, and though no word was spoken it was borne in upon his mind that instead of what he had meant to say, he was to promise Walter the boon his heart desired. "Wait till I come back," he said, "and you shall see him then." And then—he vanished.

hiểu biết để nhận thức rằng mong muốn của Walter là một điều không thường được chấp thuận, và đang bắt đầu tiếc nuối nói với cậu như vậy, thì đột nhiên cậu cảm thấy một Hiện Diện mà tất cả những người giúp đỡ đều biết, và mặc dù không có lời nào được nói ra, nhưng nó đã được ấn định vào tâm trí cậu rằng thay vì những gì cậu định nói, cậu phải hứa với Walter đặc ân mà trái tim cậu bé khao khát. "Hãy đợi cho đến khi anh quay lại," cậu nói, "và khi đó em sẽ thấy anh ấy." Và sau đó—cậu biến mất.

That one touch from the Master had shown him what to do and how to do it, and he rushed to fetch the older friend who had so often helped him before. This older man had not yet retired for the night, but on hearing Cyril's hurried summons, he lost no time in accompanying him, and in a few minutes they were back at Walter's bedside. The poor child was just beginning to believe it all a lovely dream, and his delight and relief when Cyril reappeared were beautiful to see. Yet how much more beautiful was the scene a moment later, when, in obedience to a word from the Master, the elder man materialized the eager Lancelot, and the living and the dead stood hand in hand once more!

Chỉ một lần chạm đó từ Chân sư đã chỉ cho cậu biết phải làm gì và làm như thế nào, và cậu vội vàng đi tìm người bạn lớn tuổi hơn, người đã thường xuyên giúp đỡ cậu trước đây. Người đàn ông lớn tuổi này vẫn chưa đi ngủ, nhưng khi nghe thấy lời triệu tập vội vã của Cyril, ông không lãng phí thời gian để đi cùng cậu, và trong vài phút họ đã trở lại bên giường của Walter. Đứa trẻ tội nghiệp vừa mới bắt đầu tin rằng tất cả chỉ là một giấc mơ đẹp, và niềm vui sướng cùng sự nhẹ nhõm của cậu khi Cyril xuất hiện trở lại thật đẹp đẽ để chứng kiến. Tuy nhiên, cảnh tượng một lúc sau đó còn đẹp đẽ hơn biết bao, khi theo lệnh từ Chân sư, người đàn ông lớn tuổi đã hiện hình Lancelot đang háo hức, và người sống cùng người chết lại một lần nữa đứng nắm tay nhau!

Now in very truth for both the brothers had sorrow been turned into joy unspeakable, and again and again they both declared that now they should never feel sad any more, because they knew that death had no power to part them. Nor was their gladness damped even when Cyril explained carefully to them, at his older friend's suggestion, that this strange physical reunion would not be repeated, but that all day long Lancelot would be near Walter, even though the latter could not see him, and every night Walter would slip out of his body and be consciously with his brother once more.

Giờ đây, trong sự thật chân thực nhất, đối với cả hai anh em, nỗi đau buồn đã biến thành niềm vui không thể diễn tả bằng lời, và hết lần này đến lần khác cả hai đều tuyên bố rằng giờ đây họ sẽ không bao giờ cảm thấy buồn nữa, bởi vì họ biết rằng cái chết không có quyền năng chia lìa họ. Niềm vui của họ cũng không hề bị giảm bớt ngay cả khi Cyril giải thích cẩn thận cho họ, theo gợi ý của người bạn lớn tuổi, rằng sự đoàn tụ hồng trần kỳ lạ này sẽ không được lặp lại, nhưng suốt cả ngày Lancelot sẽ ở gần Walter, ngay cả khi Walter không thể nhìn thấy y, và mỗi đêm Walter sẽ thoát ra khỏi cơ thể mình và ở bên anh trai mình một cách có ý thức một

lần nữa.

Hearing this, poor weary Walter sank to sleep at once and proved its truth, and was amazed to find with what hitherto unknown rapidity he and his brother could fly together from one to another of their old familiar haunts. Cyril thoughtfully warned him that he would probably forget most of his freer life when he awoke next day; but by rare good fortune he did *not* forget, as so many of us do. Perhaps the shock of the great joy had somewhat aroused the latent psychic faculty which belongs to the Celtic blood; at any rate he forgot no single detail of all that had happened, and next morning he burst upon the house of mourning with a wondrous tale which suited it but ill.

Nghe thấy điều này, Walter mệt mỏi tội nghiệp chìm vào giấc ngủ ngay lập tức và chứng minh sự thật của nó, và vô cùng kinh ngạc khi thấy với tốc độ chưa từng biết đến trước đây, cậu và anh trai mình có thể cùng nhau bay từ nơi này đến nơi khác trong những chốn quen thuộc cũ của họ. Cyril đã chu đáo cảnh báo cậu rằng cậu có lẽ sẽ quên hầu hết đời sống tự do hơn của mình khi thức dậy vào ngày hôm sau; nhưng nhờ một sự may mắn hiếm có, cậu đã *không* quên, như nhiều người trong chúng ta vẫn thường bị. Có lẽ cú sốc của niềm vui lớn lao đã phần nào đánh thức năng lực thông linh tiềm ẩn thuộc về dòng máu Celtic; dù sao đi nữa, cậu không quên một chi tiết nhỏ nào trong tất cả những gì đã xảy ra, và sáng hôm sau cậu đã làm bùng nổ ngôi nhà đang tang tóc bằng một câu chuyện kỳ diệu vốn không mấy phù hợp với hoàn cảnh đó.

His parents thought that grief had turned his brain, and, since he is now the heir, they have been watching long and anxiously for further symptoms of insanity, which happily they have not found. They still think him a monomaniac on this point, though they fully recognize that his "delusion" has saved his life; but his old nurse (who is a Catholic) is firm in her belief that all he says is true—that the Lord Jesus, who was once a child himself, took pity on that other child as he lay dying of grief, and sent one of His angels to bring his brother back to him from the dead as a reward for a love which was stronger than death. Sometimes popular superstition gets a good deal nearer to the heart of things than does educated skepticism!

Cha mẹ cậu nghĩ rằng nỗi đau buồn đã làm trí não cậu rối loạn, và vì giờ đây cậu là người thừa kế, họ đã theo dõi lâu dài và lo lắng các triệu chứng điên rồ tiếp theo, mà may mắn thay họ đã không tìm thấy. Họ vẫn nghĩ cậu là một kẻ cuồng tín về điểm này, mặc dù họ hoàn toàn công nhận rằng "ảo tưởng" của cậu đã cứu mạng cậu; nhưng vú nuôi già của cậu (một người Công giáo) vẫn kiên định với niềm tin của bà rằng tất cả những gì cậu nói là sự thật—rằng Đức Chúa Jesus, người từng chính là một đứa trẻ, đã rủ lòng thương đứa trẻ kia khi cậu nằm chờ chết vì đau buồn, và đã cử một trong những thiên thần của Ngài mang anh trai cậu trở lại với cậu từ cõi chết như một phần thưởng cho một tình yêu mạnh hơn cái chết. Đôi khi sự mê tín phổ biến lại tiến gần đến cốt lõi của sự việc hơn nhiều so với sự hoài nghi có học thức!

Nor does the story end here, for the good work begun that night is still progressing, and none can say how far the influence of that one act may ramify. Walter's astral consciousness, once having been thus

Câu chuyện cũng không kết thúc ở đây, vì công việc tốt đẹp bắt đầu đêm đó vẫn đang tiếp diễn, và không ai có thể nói được tầm ảnh hưởng của một hành động đó có thể lan rộng đến đâu. Tâm thức cảm dục của Walter,

thoroughly awakened, remains in activity; every morning he brings back into his physical brain the memory of his night's adventures with his brother; every night they meet their dear friend Cyril, from whom they have learned so much about the wonderful new world that has opened before them, and the other worlds to come that lie higher yet. Under Cyril's guidance they also—the living and the dead alike—have become eager and earnest members of the band of helpers; and probably for years to come—until Lancelot's vigorous young astral body disintegrates—many a dying child will have cause to be grateful to these three who are trying to pass on to others something of the joy that they have themselves received.

một khi đã được đánh thức hoàn toàn như vậy, vẫn tiếp tục hoạt động; mỗi buổi sáng cậu mang về bộ não hồng trần của mình ký ức về những cuộc phiêu lưu trong đêm với anh trai; mỗi đêm họ gặp người bạn thân thiết Cyril, từ người mà họ đã học được rất nhiều về thế giới mới kỳ diệu đã mở ra trước mắt họ, và những thế giới khác sẽ đến nằm ở cấp độ cao hơn nữa. Dưới sự hướng dẫn của Cyril, họ cũng vậy—cả người sống lẫn người chết—đã trở thành những thành viên nhiệt thành và nghiêm túc của nhóm những người giúp đỡ; và có lẽ trong nhiều năm tới—cho đến khi thể cảm dục trẻ trung đầy sức sống của Lancelot tan rã—nhiều đứa trẻ đang hấp hối sẽ có lý do để biết ơn ba người này, những người đang cố gắng truyền lại cho người khác một phần niềm vui mà chính họ đã nhận được.

Nor is it to the dead alone that these new converts have been of use, for they have sought and found some other living children who show consciousness on the astral plane during sleep; and one at least of those whom they have thus brought to Cyril has already proved a valuable little recruit to the children's band, as well as a very kind little friend down here on the physical plane.

Những người mới cải đạo này không chỉ hữu ích đối với những người đã khuất, vì họ đã tìm kiếm và tìm thấy một số trẻ em đang sống khác, những đứa trẻ biểu hiện tâm thức trên cõi cảm dục trong khi ngủ; và ít nhất một trong số những đứa trẻ mà họ mang đến cho Cyril theo cách đó đã chứng tỏ là một tân binh nhỏ bé quý giá cho nhóm trẻ em, cũng như là một người bạn nhỏ rất tốt bụng ở dưới đây trên cõi hồng trần.

Those to whom all these ideas are new sometimes find it very difficult to understand how children can be of any use in the astral world. Seeing, they would say, that the astral body of a child must be undeveloped, and the ego thus limited by childhood on the astral as well as the physical plane, in what way could such an ego be of use, or be able to help towards the spiritual, mental and moral evolution of humanity, which we are told is the chief concern of the helpers?

Những người mà tất cả những ý tưởng này còn mới mẻ đôi khi thấy rất khó hiểu làm thế nào trẻ em có thể có bất kỳ ích lợi nào trong thế giới cảm dục. Họ sẽ nói rằng, khi thấy thể cảm dục của một đứa trẻ hẳn là chưa phát triển, và chân ngã do đó bị giới hạn bởi thời thơ ấu trên cõi cảm dục cũng như cõi hồng trần, thì làm sao một chân ngã như vậy có thể có ích, hoặc có thể giúp ích cho sự tiến hóa về tinh thần, trí tuệ và đạo đức của nhân loại, điều mà chúng ta được bảo là mối quan tâm chính của những người trợ giúp?

When first such a question was asked, shortly after the publication of one of these stories in our magazine, I sent it to Cyril himself, to see what he would say to it, and

Khi câu hỏi như vậy lần đầu tiên được đặt ra, ngay sau khi xuất bản một trong những câu chuyện này trên tạp chí của chúng tôi, tôi đã gửi nó cho chính Cyril, để xem cậu ấy sẽ nói

his answer was this:

gì về điều đó, và câu trả lời của cậu là thế này:

"It is quite true, as the writer says, that I am only a boy, and know very little yet, and that I shall be much more useful when I have learnt more. But I am able to do a little even now, because there are so many people who have learnt nothing about Theosophy yet, though they may know very much more than I do about everything else. And you see when you want to get to a certain place, a little boy who knows the way can do more for you than a hundred wise men who don't know it."

"Rất đúng, như người viết đã nói, rằng tôi chỉ là một cậu bé, và hiện biết rất ít, và tôi sẽ hữu ích hơn nhiều khi tôi học được nhiều hơn. Nhưng tôi có thể làm được một chút ngay cả bây giờ, bởi vì có rất nhiều người chưa học được gì về Thông Thiên Học, mặc dù họ có thể biết nhiều hơn tôi về mọi thứ khác. Và bạn thấy đấy, khi bạn muốn đến một nơi nào đó, một cậu bé biết đường có thể giúp bạn nhiều hơn một trăm nhà thông thái không biết đường."

It may be added that when a child had been awakened upon the astral plane the development of the astral body would proceed so rapidly that he would very soon be in a position upon that plane but little inferior to that of the awakened adult, and would of course be much in advance, so far as usefulness is concerned, of the wisest man who was as yet unawakened. But unless the ego expressing himself through the child-body possessed the necessary qualification of a determined yet loving disposition, and had clearly manifested it in his previous lives, no occultist would take the very serious responsibility of awakening him upon the astral plane. When, however their karma is such that it is possible for them to be thus aroused, children very often prove most efficient helpers, and throw themselves into their work with a whole-souled devotion which is very beautiful to see. And so is fulfilled once more the ancient prophecy "a little child shall lead them."

Có thể nói thêm rằng khi một đứa trẻ đã được đánh thức trên cõi cảm dục, sự phát triển của thể cảm dục sẽ diễn ra nhanh chóng đến mức cậu bé sẽ sớm ở một vị trí trên cõi đó không kém gì người lớn đã thức tỉnh, và dĩ nhiên sẽ tiến xa hơn nhiều, xét về mặt hữu ích, so với người thông thái nhất nhưng vẫn chưa thức tỉnh. Nhưng trừ khi chân ngã biểu hiện qua cơ thể trẻ thơ sở hữu những phẩm chất cần thiết của một tính khí kiên định nhưng đầy yêu thương, và đã thể hiện rõ ràng điều đó trong các kiếp trước, không nhà huyền bí học nào dám nhận trách nhiệm rất nghiêm trọng là đánh thức cậu trên cõi cảm dục. Tuy nhiên, khi nghiệp quả của chúng cho phép chúng được đánh thức như vậy, trẻ em thường chứng tỏ là những người trợ giúp hiệu quả nhất, và dấn thân vào công việc của mình với một sự tận tụy hết lòng, điều đó rất đẹp để chứng kiến. Và thế là một lần nữa lời tiên tri cổ xưa được ứng nghiệm "một đứa trẻ nhỏ sẽ dẫn dắt họ."

Another question that suggests itself to one's mind in reading this last story of the two brothers is this: Since Cyril was somehow able to materialize himself by sheer force of love and pity and strength of will, is it not strange that Lancelot, who had been trying so much longer to communicate, had not succeeded in doing the same thing.

Một câu hỏi khác nảy ra trong trí khi đọc câu chuyện cuối cùng này về hai anh em là: Vì Cyril bằng cách nào đó đã có thể hiện hình bằng chính mãnh lực của tình thương, lòng trắc ẩn và sức mạnh ý chí, chẳng phải là lạ sao khi Lancelot, người đã cố gắng liên lạc lâu hơn nhiều, lại không thành công trong việc làm điều tương tự.

Well, there is of course no difficulty in seeing why poor Lancelot was unable to communicate with his brother, for that inability is simply the normal condition of affairs, the wonder is that Cyril *was* able to materialize himself, not that Lancelot was *not*. Not only, however, was the feeling probably stronger in Cyril's case, but he also knew exactly what he wanted to do—knew that such a thing as materialization was a possibility, and had some general idea as to how it was done—while Lancelot naturally knew nothing of all this then, though he does now.

Dĩ nhiên, không khó để thấy tại sao Lancelot tội nghiệp không thể liên lạc với anh trai mình, vì sự bất lực đó đơn giản là tình trạng bình thường của sự việc, điều kỳ diệu là Cyril *đã* có thể hiện hình, chứ không phải là Lancelot *không* thể. Tuy nhiên, không chỉ vì cảm xúc có lẽ mạnh mẽ hơn trong trường hợp của Cyril, mà cậu còn biết chính xác mình muốn làm gì—biết rằng việc hiện hình là một khả năng, và có một số ý tưởng tổng quát về cách thực hiện—trong khi Lancelot tự nhiên không biết gì về tất cả những điều này lúc đó, mặc dù bây giờ anh ấy đã biết.

CHAPTER XI

Wrecks and Catastrophes—Đắm tàu và Thảm họa

SOMETIMES it is possible for members of the band of helpers to avert impending catastrophes of a somewhat larger order. In more than one case when the captain of a vessel has been carried unsuspecting far out of his course by some unknown current or through some mistaken reckoning, and has thereby run into serious danger, it has been possible to prevent shipwreck by repeatedly impressing upon his mind a feeling that something was wrong; and although this generally comes through into the captain's brain merely as a vaguely warning intuition, yet if it occurs again and again he is almost certain to give it some attention and take such precautions as suggest themselves to him.

ĐÔI KHI các thành viên trong nhóm trợ giúp có thể ngăn chặn những thảm họa sắp xảy ra ở quy mô lớn hơn một chút. Trong nhiều trường hợp, khi thuyền trưởng của một con tàu vô tình bị một dòng hải lưu chưa biết nào đó cuốn đi xa khỏi lộ trình hoặc do tính toán sai lầm, và do đó rơi vào nguy hiểm nghiêm trọng, người ta đã có thể ngăn chặn vụ đắm tàu bằng cách liên tục ấn định vào thể trí ông ta một cảm giác rằng có điều gì đó không ổn; và mặc dù điều này thường truyền vào bộ não của thuyền trưởng chỉ như một trực giác cảnh báo mơ hồ, nhưng nếu nó xảy ra lặp đi lặp lại, ông ta gần như chắc chắn sẽ chú ý đến nó và thực hiện các biện pháp phòng ngừa nảy ra trong đầu.

In one case, for example, in which the master of a barque was much nearer in to the land than he supposed, he was again and again pressed to heave the lead, and though he resisted this suggestion for some time as being unnecessary and absurd, he at last gave the order in a somewhat hesitating way. The result astounded him, and he at once put his vessel about and stood off from

Ví dụ, trong một trường hợp, vị thuyền trưởng của một con tàu buồm ở gần đất liền hơn ông tưởng, ông đã liên tục bị thúc ép phải đo độ sâu, và mặc dù ông đã cưỡng lại gợi ý này trong một thời gian vì cho rằng nó không cần thiết và vô lý, cuối cùng ông đã ra lệnh một cách hơi do dự. Kết quả làm ông kinh ngạc, và ông ngay lập tức cho tàu quay đầu và tránh xa bờ biển, mặc dù mãi đến khi

the coast, though it was not until morning came that he realized how very close he had been to an appalling disaster.

sáng sớm ông mới nhận ra mình đã ở gần một thảm họa kinh hoàng đến mức nào.

Often, however, a catastrophe is kârmic in its nature, and consequently cannot be averted; but it must not therefore be supposed that in such cases no help can be given. It may be that the people concerned are destined to die, and therefore cannot be saved from death; but in many cases they may still be to some extent prepared for it, and may certainly be helped upon the other side after it is over. Indeed, it may be definitely stated that wherever a great catastrophe of any kind takes place, there is also a special sending of help.

Tuy nhiên, thông thường một thảm họa mang bản chất nghiệp quả, và do đó không thể tránh khỏi; nhưng không vì thế mà cho rằng trong những trường hợp như vậy không thể đưa ra sự giúp đỡ nào. Có thể là những người liên quan đã định sẵn phải chết, và do đó không thể cứu họ khỏi cái chết; nhưng trong nhiều trường hợp, họ vẫn có thể được chuẩn bị ở một mức độ nào đó cho điều đó, và chắc chắn có thể được giúp đỡ ở phía bên kia sau khi mọi chuyện kết thúc. Thật vậy, có thể khẳng định chắc chắn rằng bất cứ nơi nào một thảm họa lớn thuộc bất kỳ loại nào xảy ra, thì cũng có một sự gửi giúp đỡ đặc biệt.

Two recent cases in which such help was given were the sinking of the *Drummond Castle* off Cape Ushant, and the terrible cyclone which devastated the city of St Louis in America. On both these occasions a few minutes' notice was given, and the helpers did their best to calm and raise men's minds, so that when the shock came upon them it would be less disturbing than it might otherwise have been. Naturally, however, the greater part of the work done with the victims in both these calamities was done upon the astral plane after they had left their physical bodies; but of this we shall speak later.

Hai trường hợp gần đây mà sự giúp đỡ như vậy được đưa ra là vụ đắm tàu *Drummond Castle* ngoài khơi Cape Ushant, và cơn lốc xoáy khủng khiếp đã tàn phá thành phố St Louis ở Mỹ. Trong cả hai dịp này, một thông báo vài phút đã được đưa ra, và những người trợ giúp đã cố gắng hết sức để trấn an và nâng cao tâm trí con người, để khi cú sốc ập đến, nó sẽ ít gây xáo trộn hơn so với bình thường. Tuy nhiên, dĩ nhiên phần lớn công việc thực hiện với các nạn nhân trong cả hai thảm họa này đều được thực hiện trên cõi cảm dục sau khi họ đã rời bỏ thể xác; nhưng về điều này chúng ta sẽ nói sau.

It is sad to relate how often when some catastrophe is impending the helpers are hindered in their kindly offices by wild panic among those whom the danger threatens—or sometimes, worse still, by a mad outburst of drunkenness among those whom they are trying to assist. Many a ship has gone to her doom with almost every soul on board mad with drink, and therefore utterly incapable of profiting by any assistance offered either before death or for a very long time afterwards.

Thật buồn khi phải kể lại rằng thường xuyên khi một thảm họa sắp xảy ra, những người trợ giúp bị cản trở trong các công việc tử tế của họ bởi sự hoảng loạn điên cuồng của những người bị đe dọa—hoặc đôi khi, tệ hơn nữa, bởi sự bùng phát điên cuồng của tình trạng say xỉn trong số những người mà họ đang cố gắng hỗ trợ. Nhiều con tàu đã chìm xuống vực thẳm với hầu hết mọi linh hồn trên tàu đều điên cuồng vì rượu, và do đó hoàn toàn không có khả năng hưởng lợi từ bất kỳ sự hỗ trợ nào được đưa ra trước khi

chết hoặc trong một thời gian rất dài sau đó.

If it should ever happen to any of us to find ourselves in a position of imminent danger which we can do nothing to avert, we should try to remember that help is certainly near us, and that it rests entirely with ourselves to make the helper's work easy or difficult. If we face the danger calmly and bravely, recognizing that the true ego can in no way be affected by it, our minds will then be open to receive the guidance which the helpers are trying to give, and this cannot but be best for us, whether its object be to save us from death or, when that is impossible, to conduct us safely through it.

Nếu bất kỳ ai trong chúng ta tình cờ rơi vào tình thế nguy hiểm cận kề mà không thể làm gì để ngăn chặn, chúng ta nên cố gắng nhớ rằng sự giúp đỡ chắc chắn đang ở gần chúng ta, và việc làm cho công việc của người trợ giúp trở nên dễ dàng hay khó khăn hoàn toàn phụ thuộc vào chính chúng ta. Nếu chúng ta đối mặt với nguy hiểm một cách bình tĩnh và dũng cảm, nhận ra rằng chân ngã thực sự không thể bị ảnh hưởng bởi nó theo bất kỳ cách nào, thì tâm trí chúng ta sẽ mở rộng để nhận được sự hướng dẫn mà những người trợ giúp đang cố gắng đưa ra, và điều này chắc chắn sẽ là tốt nhất cho chúng ta, cho dù mục tiêu của nó là cứu chúng ta khỏi cái chết hay, khi điều đó là không thể, là dẫn dắt chúng ta đi qua nó một cách an toàn.

Assistance of this latter kind has not infrequently been given in cases of accidents to individuals, as well as of more general catastrophes. It will be sufficient to mention one example as an illustration of what is meant. In one of the great storms which did so much damage around our coasts a few years ago, it happened that a fishing boat was capsized far out at sea. The only people on board were an old fisherman and a boy, and the former contrived to cling for a few minutes to the overturned boat. There was no physical help at hand, and even if there had been in such a raging storm it would have been impossible for anything to be done, so that the fisherman knew well enough that there was no hope of escape, and that death could only be a question of a few moments. He felt a great terror at the prospect, being especially impressed by the awful loneliness of that vast waste of waters, and he was also much troubled with thoughts of his wife and family, and the difficulties in which they would be left by his sudden decease.

Sự hỗ trợ loại sau này không hiếm khi được đưa ra trong các trường hợp tai nạn cá nhân, cũng như các thảm họa chung hơn. Chỉ cần đề cập đến một ví dụ để minh họa cho những gì muốn nói. Trong một trong những cơn bão lớn gây ra nhiều thiệt hại quanh bờ biển của chúng ta vài năm trước, một chiếc thuyền đánh cá đã bị lật úp xa ngoài khơi. Những người duy nhất trên tàu là một lão ngư và một cậu bé, và người trước đã cố gắng bám vào chiếc thuyền bị lật trong vài phút. Không có sự giúp đỡ vật chất nào gần đó, và ngay cả khi có trong một cơn bão dữ dội như vậy thì cũng không thể làm được gì, vì vậy lão ngư biết rõ rằng không có hy vọng thoát thân, và cái chết chỉ còn là vấn đề trong vài khoảnh khắc. Ông cảm thấy một nỗi khiếp sợ lớn trước viễn cảnh đó, đặc biệt bị ấn tượng bởi sự cô đơn khủng khiếp của vùng nước mênh mông đó, và ông cũng rất lo lắng với những suy nghĩ về vợ con, và những khó khăn mà họ sẽ phải đối mặt do sự ra đi đột ngột của ông.

A passing helper seeing all this endeavoured to comfort him, but finding his mind too

Một người trợ giúp đi ngang qua thấy tất cả những điều này đã cố gắng an ủi ông, nhưng

much disturbed to be impressionable, she thought it advisable to show herself to him in order to assist him the better. In relating the story afterwards she said that the change which came over the fisherman's face at sight of her was wonderful and beautiful to see; with the shining form standing upon the boat above him he could not think that an angel had been sent to comfort him in his trouble, and therefore he felt that not only would he himself be carried safely through the gates of death, but his family would assuredly be looked after also. So, when death came to him a few moments later, he was in a frame of mind very different from the terror and perplexity which had previously overcome him; and naturally when he recovered consciousness upon the astral plane and found the "angel" still beside him he felt himself at home with her, and was prepared to accept her advice as regards the new life upon which he had entered.

thấy tâm trí ông quá xáo trộn để có thể tiếp nhận ấn tượng, bà nghĩ rằng nên hiện hình cho ông thấy để hỗ trợ ông tốt hơn. Khi kể lại câu chuyện sau đó, bà nói rằng sự thay đổi hiện ra trên khuôn mặt của lão ngư khi nhìn thấy bà thật kỳ diệu và đẹp đẽ; với hình dáng tỏa sáng đứng trên chiếc thuyền phía trên ông, ông không thể không nghĩ rằng một thiên thần đã được gửi đến để an ủi ông trong cơn hoạn nạn, và do đó ông cảm thấy rằng không chỉ bản thân ông sẽ được đưa đi an toàn qua cánh cửa cái chết, mà gia đình ông chắc chắn cũng sẽ được chăm sóc. Vì vậy, khi cái chết đến với ông vài khoảnh khắc sau đó, ông đã ở trong một trạng thái tâm trí rất khác với nỗi khiếp sợ và sự bối rối đã chế ngự ông trước đó; và dĩ nhiên khi ông tỉnh lại trên cõi cảm dục và thấy vị "thiên thần" vẫn ở bên cạnh, ông cảm thấy như đang ở nhà với bà, và sẵn sàng chấp nhận lời khuyên của bà về cuộc sống mới mà ông đã bước vào.

Some time later the same helper was engaged in another piece of work of very similar character, the story of which she has since told as fellows: "You remember that steamer that went down in the cyclone at the end of last November; I betook myself to the cabin where about a dozen women had been shut in, and found them wailing in the most pitiful manner, sobbing and moaning with fear. The ship had to founder—no aid was possible—and to go out of the world in this state of frantic terror is the worst possible way to enter the next. So in order to calm them I materialized myself, and of course they thought I was an angel, poor souls; they all fell on their knees and prayed me to save them, and one poor mother pushed her baby into my arms imploring me to save that at least. They soon grew quiet and composed as we talked, and the wee baby went to sleep smiling, and presently they all fell asleep peacefully, and I filled their minds with thoughts of the heaven-

Một thời gian sau, chính người trợ giúp đó đã tham gia vào một công việc khác có tính chất rất tương tự, câu chuyện mà bà đã kể lại như sau: "Bạn còn nhớ con tàu hơi nước đã bị chìm trong cơn lốc xoáy vào cuối tháng 11 năm ngoái không; tôi đã đi đến cabin nơi có khoảng một chục phụ nữ bị nhốt trong đó, và thấy họ đang than khóc một cách thảm thiết nhất, nức nở và rên rỉ vì sợ hãi. Con tàu phải chìm—không có sự trợ giúp nào khả thi—và rời bỏ thế gian trong trạng thái sợ hãi điên cuồng này là cách tồi tệ nhất để bước vào thế giới tiếp theo. Vì vậy, để trấn an họ, tôi đã hiện hình, và dĩ nhiên họ nghĩ tôi là một thiên thần, những linh hồn tội nghiệp; tất cả họ đều quỳ xuống và cầu xin tôi cứu họ, và một người mẹ tội nghiệp đã đẩy đứa con nhỏ của mình vào vòng tay tôi, cầu xin tôi ít nhất hãy cứu lấy nó. Họ sớm trở nên yên tĩnh và bình tĩnh khi chúng tôi trò chuyện, và đứa bé nhỏ xíu đã mỉm cười đi vào giấc ngủ, và chẳng mấy chốc tất cả họ đều ngủ thiếp đi một cách yên bình, và tôi đã lấp đầy tâm trí

world, so that they did not wake up when the ship made her final plunge downwards. I went down with them to ensure their sleeping through the last moments, and they never stirred as their sleep became death."

họ bằng những suy nghĩ về cõi thiên thượng, để họ không thức giấc khi con tàu thực hiện cú lao cuối cùng xuống dưới. Tôi đã đi xuống cùng họ để đảm bảo họ ngủ suốt những giây phút cuối cùng, và họ không bao giờ cử động khi giấc ngủ của họ trở thành cái chết."

Evidently in this case, too, those who were thus helped had not only the enormous advantage of being enabled to meet death calmly and reasonably, but also the still greater one of being received on its farther shore by one whom they were already disposed to love and trust—one who thoroughly understood the new world in which they found themselves, and could not only reassure them as to their safety, but advise them how to order their lives under these much altered circumstances. And this brings us to the consideration of one of the largest and most important departments of the work of invisible helpers—the guidance and assistance which they are able to give to the dead.

Rõ ràng trong trường hợp này, những người được giúp đỡ như vậy không chỉ có lợi thế to lớn là có thể đối mặt với cái chết một cách bình tĩnh và hợp lý, mà còn có một lợi thế lớn hơn nữa là được đón nhận ở bờ bên kia bởi một người mà họ đã sẵn lòng yêu thương và tin tưởng—một người thấu hiểu thấu đáo thế giới mới mà họ đang ở trong đó, và không chỉ có thể trấn an họ về sự an toàn của họ, mà còn khuyên họ cách sắp xếp cuộc sống trong những hoàn cảnh đã thay đổi nhiều này. Và điều này dẫn chúng ta đến việc xem xét một trong những bộ phận lớn nhất và quan trọng nhất trong công việc của những người trợ giúp vô hình—sự hướng dẫn và hỗ trợ mà họ có thể dành cho những người đã khuất.

CHAPTER XII

Work Among the Dead—Công Việc Giữa Những Người Đã Khuất

IT is one of the many evils resulting from the absurdly erroneous teaching as to conditions after death which is unfortunately current in our western world, that those who have recently shaken off this mortal coil are usually much puzzled and often very seriously frightened at finding everything so different from what their religion had led them to expect. The mental attitude of a large number of such people was pithily voiced the other day by an English general, who three days after his death met one of the band of helpers whom he had known in physical life. After expressing his great relief that he had at last found someone with whom he was able to

Đó là một trong nhiều điều tai hại nảy sinh từ những giáo lý sai lầm một cách vô lý về các điều kiện sau khi chết vốn không may đang phổ biến ở thế giới phương Tây của chúng ta, rằng những người vừa mới rũ bỏ phàm thân thường rất bối rối và thường rất sợ hãi khi thấy mọi thứ quá khác so với những gì tôn giáo của họ đã khiến họ mong đợi. Thái độ tinh thần của một số lượng lớn những người như vậy đã được một vị tướng người Anh nói lên một cách súc tích cách đây không lâu, người mà ba ngày sau khi chết đã gặp một trong những người trong nhóm trợ giúp mà ông đã biết trong đời sống hồng trần. Sau khi bày tỏ sự nhẹ nhõm lớn lao vì cuối cùng đã tìm thấy một người mà ông có thể liên lạc,

communicate, his first remark was: "But if I am dead, where am I? For if this is heaven I don't think much of it; and if it is hell, it is better than I expected."

nhận xét đầu tiên của ông là: "Nhưng nếu tôi đã chết, thì tôi đang ở đâu? Vì nếu đây là thiên đàng thì tôi không nghĩ nhiều về nó; còn nếu là địa ngục, thì nó tốt hơn tôi mong đợi."

But unfortunately a far greater number take things less philosophically. They have been taught that all men are destined to eternal flames except a favoured few who are superhumanly good; and since a very small amount of self-examination convinces them that they do not belong to *that* category, they are but too often in a condition of panic terror, dreading every moment that the new world in which they find themselves may dissolve and drop them into the clutches of the devil, in whom they have been sedulously taught to believe. In many cases they spend long periods of acute mental suffering before they can free themselves from the fatal influence of this blasphemous doctrine of everlasting punishment—before they can realize that the world is governed, not according to the caprice of a hideous demon who gloats over human anguish, but according to a benevolent and wonderfully patient law of evolution, which is absolutely just indeed, but yet again and again offers to man opportunities of progress, if he will but take them, at every stage of his career.

Nhưng không may là một số lượng lớn hơn nhiều lại đón nhận mọi thứ ít triết lý hơn. Họ đã được dạy rằng tất cả mọi người đều định sẵn cho ngọn lửa vĩnh cửu ngoại trừ một số ít người được ưu ái là những người tốt siêu phàm; và vì một lượng nhỏ sự tự kiểm tra đã thuyết phục họ rằng họ không thuộc về danh mục *đó*, nên họ thường ở trong tình trạng sợ hãi hoảng loạn, lo sợ từng khoảnh khắc rằng thế giới mới mà họ đang ở trong đó có thể tan biến và đẩy họ vào nanh vuốt của ác quỷ, kẻ mà họ đã được dạy một cách cần mẫn để tin vào. Trong nhiều trường hợp, họ phải trải qua những giai đoạn dài đau khổ về tinh thần cấp tính trước khi có thể giải thoát mình khỏi ảnh hưởng tai hại của giáo lý báng bổ về sự trừng phạt vĩnh viễn này—trước khi họ có thể nhận ra rằng thế giới được cai quản, không phải theo ý muốn bất chợt của một con quỷ gớm ghiếc thích thú trước nỗi đau khổ của con người, mà theo một định luật tiến hóa nhân từ và kiên nhẫn tuyệt vời, một định luật tuyệt đối công bằng, nhưng lại hết lần này đến lần khác mang đến cho con người những cơ hội tiến bộ, nếu y chịu nắm bắt chúng, ở mọi giai đoạn trong sự nghiệp của mình.

It ought in fairness to be mentioned that it is only among what are called protestant communities that this terrible evil assumes its most aggravated form. The great Roman Catholic Church, with its doctrine of purgatory, approaches much more nearly to a conception of the astral plane, and it devout members at any rate realize that the state in which they find themselves shortly after death is merely a temporary one, and that it is their business to endeavour to raise themselves out of it as soon as may be by intense spiritual aspiration, while they accept any suffering which may come to

Cũng cần phải công bằng mà nói rằng chỉ trong số những cộng đồng được gọi là Tin lành thì điều tai hại khủng khiếp này mới mang hình thức trầm trọng nhất. Giáo hội Công giáo La Mã vĩ đại, với giáo lý về luyện ngục, tiếp cận gần hơn nhiều với một khái niệm về cõi cảm dục, và ít nhất các thành viên sùng đạo của nó nhận ra rằng trạng thái mà họ thấy mình ở trong đó ngay sau khi chết chỉ là tạm thời, và nhiệm vụ của họ là nỗ lực nâng mình ra khỏi đó càng sớm càng tốt bằng khát vọng tinh thần mãnh liệt, trong khi họ chấp nhận bất kỳ đau khổ nào có thể đến với mình như là cần thiết cho việc mài

them as necessary for the wearing away of the imperfections in their character before they can pass to higher and brighter regions.

mòn những khiếm khuyết trong tính cách trước khi họ có thể chuyển sang những vùng cao hơn và sáng sủa hơn.

It will thus be seen that there is plenty of work for the helpers to do among the newly dead, for in the vast majority of cases they need to be calmed and reassured, to be comforted and instructed. In the astral, just as in the physical world, there are many who are but little disposed to take advice from those who know better than they; yet the very strangeness of the conditions surrounding them renders many of the dead willing to accept the guidance of those to whom these conditions are obviously familiar; and many a man's stay on that plane has been considerably shortened by the earnest efforts of this band of energetic workers.

Do đó, có thể thấy rằng có rất nhiều việc cho những người trợ giúp làm giữa những người mới qua đời, vì trong đại đa số các trường hợp, họ cần được trấn an và trấn tĩnh, được an ủi và hướng dẫn. Trong cõi cảm dục, cũng giống như trong thế giới hồng trần, có nhiều người ít sẵn lòng nhận lời khuyên từ những người biết rõ hơn họ; tuy nhiên, chính sự lạ lẫm của các điều kiện xung quanh khiến nhiều người chết sẵn sàng chấp nhận sự hướng dẫn của những người mà đối với họ các điều kiện này rõ ràng là quen thuộc; và thời gian lưu lại của nhiều người trên cõi đó đã được rút ngắn đáng kể nhờ những nỗ lực tha thiết của nhóm những người hoạt động năng nổ này.

Not, be it understood, that the karma of the dead man can in any way be interfered with; he has built for himself during life an astral body of a certain degree of density, and until that body is sufficiently dissolved he cannot pass on into the heaven-world beyond; but he need not lengthen the period necessary for that process by adopting an improper attitude.

Cần hiểu rằng, không phải nghiệp quả của người chết có thể bị can thiệp theo bất kỳ cách nào; y đã tự xây dựng cho mình trong suốt cuộc đời một thể cảm dục có độ đậm đặc nhất định, và cho đến khi thể đó tan rã đủ mức, y không thể bước tiếp vào cõi thiên thượng phía sau; nhưng y không cần phải kéo dài giai đoạn cần thiết cho tiến trình đó bằng cách chấp nhận một thái độ không đúng đắn.

All students ought clearly to grasp the truth that the length of a man's astral life after he has put off his physical body depends mainly upon two factors—the nature of his past physical life, and his attitude of mind after what we call death. During his earth life he is constantly influencing the building of matter into his astral body. He affects it directly by the passions, emotions and desires which he allows to hold sway over him; he affects it indirectly by the action upon it of his thoughts from above, and of the details of his physical life—his continence or his debauchery, his cleanliness or his uncleanliness, his food and his drink—from below.

Tất cả các đạo sinh cần nắm bắt rõ ràng sự thật rằng độ dài của đời sống cảm dục của một người sau khi y đã trút bỏ thể xác chủ yếu phụ thuộc vào hai yếu tố—bản chất của đời sống hồng trần đã qua, và thái độ tâm trí của y sau cái mà chúng ta gọi là cái chết. Trong đời sống trần gian, y liên tục ảnh hưởng đến việc xây dựng vật chất vào thể cảm dục của mình. Y ảnh hưởng trực tiếp đến nó bởi những đam mê, cảm xúc và dục vọng mà y cho phép chế ngự mình; y ảnh hưởng gián tiếp đến nó bằng tác động lên nó từ những tư tưởng của y từ phía trên, và từ những chi tiết của đời sống hồng trần—sự tiết chế hay sự trác táng, sự sạch sẽ hay sự bẩn thỉu, thức ăn và đồ uống của y—từ phía

dưới.

If by persistence in perversity along any of these lines he is so stupid as to build for himself a coarse and gross astral vehicle, habituated to responding only to the lower vibrations of the plane, he will find himself after death bound to that plane during and long and slow process of that body's disintegration. On the other hand if by decent and careful living he gives himself a vehicle mainly composed of finer material, he will have very much less *post-mortem* trouble and discomfort, and his evolution will proceed much more rapidly and easily.

Nếu do kiên trì trong sự lầm lạc theo bất kỳ dòng nào trong số này mà y ngu ngốc đến mức tự xây dựng cho mình một vận cụ cảm dục thô thiển và nặng nề, vốn đã quen với việc chỉ đáp ứng với những rung động thấp của cõi này, y sẽ thấy mình sau khi chết bị ràng buộc vào cõi đó trong suốt tiến trình tan rã chậm chạp và lâu dài của thể đó. Mặt khác, nếu bằng cách sống tử tế và cẩn thận, y tạo cho mình một vận cụ chủ yếu bao gồm chất liệu tinh tế hơn, y sẽ gặp ít rắc rối và khó chịu *sau khi chết* hơn nhiều, và sự tiến hóa của y sẽ diễn ra nhanh chóng và dễ dàng hơn nhiều.

This much is generally understood, but the second great factor—his attitude of mind after death—seems often to be forgotten. The desirable thing is for him to realize his position on this particular little arc of his evolution—to learn that he is at this stage withdrawing steadily inward towards the plane of the true ego, and that consequently it is his business to disengage his thoughts as far as may be from things physical, and to fix his attention more and more upon those spiritual matters which will occupy him during his life in the heaven-world. By doing this he will greatly facilitate the natural astral disintegration, and will avoid the sadly common mistake of unnecessarily delaying himself upon the lower levels of what should be so temporary a residence.

Điều này nói chung đã được thấu hiểu, nhưng yếu tố lớn thứ hai—thái độ tâm trí của y sau khi chết—dường như thường bị lãng quên. Điều mong muốn là y nhận ra vị trí của mình trên cung nhỏ đặc biệt này của sự tiến hóa—để biết rằng ở giai đoạn này y đang rút lui đều đặn vào bên trong hướng tới cõi của chân ngã thực sự, và do đó nhiệm vụ của y là tách rời tư tưởng của mình càng xa càng tốt khỏi những thứ hồng trần, và tập trung sự chú ý ngày càng nhiều vào những vấn đề tinh thần sẽ chiếm lĩnh y trong suốt cuộc đời ở cõi thiên thượng. Bằng cách làm này, y sẽ tạo điều kiện thuận lợi rất nhiều cho sự tan rã cảm dục tự nhiên, và sẽ tránh được sai lầm đáng buồn thường thấy là trì hoãn bản thân một cách không cần thiết ở các cấp độ thấp của nơi lẽ ra chỉ là cư sở tạm thời.

But many of the dead very considerably retard the process of dissolution by clinging passionately to the earth which they have left; they simply will not turn their thoughts and desires upward, but spend their time in struggling with all their might to keep in full touch with the physical plane, thus causing great trouble to any one who may be trying to help them. Earthly matters are the only ones in which they have had any living interest, and they cling to them with desperate tenacity even after death. Naturally as time passes on they find it

Nhưng nhiều người chết đã làm chậm đáng kể tiến trình tan rã bằng cách bám víu mãnh liệt vào trần gian mà họ đã rời bỏ; họ đơn giản là không chịu hướng tư tưởng và dục vọng của mình lên trên, mà dành thời gian để đấu tranh với tất cả sức mạnh của mình nhằm giữ liên lạc đầy đủ với cõi hồng trần, do đó gây ra rắc rối lớn cho bất kỳ ai đang cố gắng giúp đỡ họ. Những vấn đề trần gian là những thứ duy nhất mà họ có sự quan tâm sống động, và họ bám lấy chúng với sự ngoan cố tuyệt vọng ngay cả sau khi chết. Dĩ nhiên khi thời gian trôi qua, họ thấy ngày càng khó để

increasingly difficult to keep hold of things down here, but instead of welcoming and encouraging this process of gradual refinement and spiritualization they resist it vigorously by every means in their power.

giữ chặt những thứ ở dưới đây, nhưng thay vì hoan nghênh và khuyến khích tiến trình tinh luyện và tinh thần hóa dần dần này, họ lại chống lại nó một cách quyết liệt bằng mọi phương tiện trong khả năng của mình.

Of course the mighty force of evolution is eventually too strong for them, and they are swept on in its beneficent current, yet they fight every step of the way, thereby not only causing themselves a vast amount of entirely unnecessary pain and sorrow, but also very seriously delaying their upward progress and prolonging their stay in astral regions to an almost indefinite extent. In convincing them that this ignorant and disastrous opposition to the cosmic will is contrary to the laws of nature, and persuading them to adopt an attitude of mind which is the exact reversal of it, lies a great part of the work of those who are trying to help.

Dĩ nhiên mãnh lực vĩ đại của sự tiến hóa cuối cùng cũng quá mạnh đối với họ, và họ bị cuốn đi trong dòng chảy nhân từ của nó, tuy nhiên họ chiến đấu trên từng bước đường, do đó không chỉ gây ra cho mình một lượng lớn đau đớn và phiền muộn hoàn toàn không cần thiết, mà còn làm chậm trễ nghiêm trọng sự tiến bộ đi lên của mình và kéo dài thời gian lưu lại trong các vùng cảm dục đến một mức độ gần như vô hạn. Trong việc thuyết phục họ rằng sự phản kháng thiếu hiểu biết và tai hại này đối với ý chí vũ trụ là trái với các quy luật tự nhiên, và thuyết phục họ chấp nhận một thái độ tâm trí hoàn toàn ngược lại với nó, chính là một phần lớn công việc của những người đang cố gắng giúp đỡ.

It happens occasionally that the dead are earthbound by anxiety—anxiety sometimes about duties unperformed or debts undischarged, but more often on account of wife or children left unprovided for. In such cases as this it has more than once been necessary, before the dead man was satisfied to pursue his upward path in peace, that the helper should to some extent act as his representative upon the physical plane, and attend on his behalf to the settlement of the business which was troubling him. An illustration taken from our recent experience will perhaps make this clearer.

Thỉnh thoảng xảy ra trường hợp người chết bị ràng buộc với trần gian bởi sự lo lắng—sự lo lắng đôi khi về những nhiệm vụ chưa thực hiện hoặc những món nợ chưa trả, nhưng thường xuyên hơn là vì vợ hoặc con cái bị bỏ lại mà không có người chu cấp. Trong những trường hợp như thế này, đã hơn một lần cần thiết, trước khi người chết hài lòng theo đuổi con đường đi lên trong bình an, người trợ giúp phải ở một mức độ nào đó đóng vai trò là đại diện của y trên cõi hồng trần, và thay mặt y tham gia vào việc giải quyết công việc đang làm phiền y. Một minh họa rút ra từ kinh nghiệm gần đây của chúng tôi có lẽ sẽ làm rõ điều này hơn.

One of the band of pupils was trying to assist a poor man who had died in one of our western cities, but found it impossible to withdraw his mind from earthly things because of his anxiety about two young children whom his death had left without means of support. He had been a working man of some sort, and had been unable to lay by any money for them; his wife had died

Một trong những nhóm môn sinh đang cố gắng hỗ trợ một người đàn ông tội nghiệp đã chết ở một trong những thành phố phương Tây của chúng ta, nhưng thấy không thể rút tâm trí ông ta khỏi những thứ trần gian vì sự lo lắng của ông về hai đứa con nhỏ mà cái chết của ông đã để lại mà không có phương tiện hỗ trợ. Ông từng là một người lao động thuộc loại nào đó, và đã không thể để dành

some two years previously and his landlady, though exceedingly kindhearted and very willing to do anything in her power for them, was herself far too poor to be able to adopt them, and very reluctantly came to the conclusion that she would be obliged to hand them over to the parish authorities. This was a great grief to the dead father, though he could not blame the landlady, and was himself unable to suggest any other course.

được tiền cho chúng; vợ ông đã mất khoảng hai năm trước đó và bà chủ nhà, mặc dù vô cùng tốt bụng và rất sẵn lòng làm bất cứ điều gì trong khả năng của mình cho chúng, nhưng bản thân bà lại quá nghèo để có thể nhận nuôi chúng, và rất miễn cưỡng đi đến kết luận rằng bà sẽ buộc phải giao chúng cho chính quyền giáo khu. Đây là một nỗi đau lớn đối với người cha đã khuất, mặc dù ông không thể trách bà chủ nhà, và bản thân ông cũng không thể gợi ý bất kỳ hướng đi nào khác.

Our friend asked him whether he had no relative to whom he could entrust them, but the father knew of none. He had a younger brother, he said, who would certainly have done something for him in this extremity, but he had lost sight of him for fifteen years, and did not even know whether he was living or dead. When last heard of he had been apprenticed to a carpenter in the north, and he was then described as a steady young fellow who, if he lived, would surely get on.

Bạn của chúng tôi hỏi ông liệu ông có người thân nào để có thể giao phó chúng không, nhưng người cha không biết ai cả. Ông nói, ông có một người em trai, người chắc chắn sẽ làm điều gì đó cho ông trong cơn bế tắc này, nhưng ông đã mất liên lạc với người đó trong mười lăm năm, và thậm chí không biết người đó còn sống hay đã chết. Lần cuối cùng nghe tin, người em đã học việc cho một thợ mộc ở miền Bắc, và lúc đó được mô tả là một thanh niên kiên định, nếu còn sống, chắc chắn sẽ tiến thân.

The clues at hand were certainly very slight, but since there seemed no other prospect of help for the children, our friend thought it worth while to make a special effort to follow them up. Taking the dead man with him he commenced a patient search after the brother in the town indicated; and after a great deal of trouble they were actually successful in finding him. He was now a master carpenter in a fairly flourishing way of business—married, but without children though earnestly desiring them, and therefore apparently just the man for the emergency.

Các manh mối có sẵn chắc chắn là rất mong manh, nhưng vì dường như không còn triển vọng giúp đỡ nào khác cho những đứa trẻ, bạn của chúng tôi nghĩ rằng đáng để nỗ lực đặc biệt để theo dõi chúng. Mang theo người chết bên mình, y bắt đầu một cuộc tìm kiếm kiên nhẫn sau người em trai ở thị trấn đã chỉ định; và sau rất nhiều rắc rối, họ thực sự đã thành công trong việc tìm thấy người đó. Bây giờ anh ta là một thợ mộc bậc thầy với công việc kinh doanh khá phát đạt—đã kết hôn, nhưng không có con mặc dù rất mong muốn có chúng, và do đó rõ ràng chính là người phù hợp cho trường hợp khẩn cấp này.

The question now was how the information could be conveyed to this brother. Fortunately he was found to be so far impressionable that the circumstances of his brother's death and the destitution of his children could be put vividly before him in a dream, and this was repeated three times,

Câu hỏi bây giờ là làm thế nào thông tin có thể được chuyển đến người em này. May mắn thay, anh ta được thấy là có khả năng tiếp nhận ấn tượng đến mức hoàn cảnh cái chết của anh trai mình và sự túng quẫn của những đứa trẻ có thể được đặt một cách sống động trước mặt anh ta trong một giấc mơ, và

the place and even the name of the landlady being clearly indicated to him. He was immensely impressed by this recurring vision, and discussed it earnestly with his wife, who advised him to write to the address given. This he did not like to do, but was strongly inclined to travel down into the west country, find out whether there was such a house as that which he had seen, and if so make some excuse to call there. He was a busy man, however, and he finally decided that he could not afford to lose a day's work for what after all might well prove to be nothing but the baseless fabric of a dream.

điều này được lặp lại ba lần, địa điểm và thậm chí cả tên của bà chủ nhà được chỉ rõ cho anh ta. Anh ta vô cùng ấn tượng bởi linh ảnh lặp đi lặp lại này, và thảo luận tha thiết với vợ mình, người đã khuyên anh ta viết thư theo địa chỉ đã cho. Anh ta không muốn làm điều này, nhưng rất có ý định đi xuống vùng quê phía Tây, tìm xem có ngôi nhà nào như ngôi nhà anh ta đã thấy không, và nếu có thì lấy cớ gì đó để ghé qua. Tuy nhiên, anh ta là một người bận rộn, và cuối cùng anh ta quyết định rằng mình không thể để mất một ngày làm việc cho những gì rốt cuộc có thể chứng minh chẳng qua chỉ là sự thêu dệt vô căn cứ của một giấc mơ.

The attempt along these lines having apparently failed, it was determined to try another method, so one of the helpers wrote a letter to the man detailing the circumstances of his brother's death and the position of the children, exactly as he had seen them in his dream. On receipt of this confirmation he no longer hesitated, but set off the very next day for the town indicated, and was received with open arms by the kind-hearted landlady. It had been easy enough for the helpers to persuade her, good soul that she was, to keep the children with her for a few days on the chance that something or other would turn up for them, and she has ever since congratulated herself that she did so. The carpenter of course took the children back with him and provided them with a happy home, and the dead father, now no longer anxious, passed rejoicing on his upward journey.

Nỗ lực theo hướng này dường như đã thất bại, người ta quyết định thử một phương pháp khác, vì vậy một trong những người trợ giúp đã viết một bức thư cho người đàn ông đó kể chi tiết về hoàn cảnh cái chết của anh trai anh ta và vị thế của những đứa trẻ, chính xác như anh ta đã thấy trong giấc mơ của mình. Khi nhận được sự xác nhận này, anh ta không còn do dự nữa, mà lên đường ngay ngày hôm sau để đến thị trấn đã chỉ định, và được bà chủ nhà tốt bụng đón tiếp nồng nhiệt. Những người trợ giúp đã dễ dàng thuyết phục bà, linh hồn tốt bụng như bà vốn có, giữ những đứa trẻ ở lại với bà trong vài ngày để chờ xem có điều gì đó xảy ra cho chúng không, và bà đã luôn tự chúc mừng mình vì đã làm như vậy. Người thợ mộc dĩ nhiên đã đưa những đứa trẻ về cùng mình và cung cấp cho chúng một mái ấm hạnh phúc, và người cha đã khuất, giờ đây không còn lo lắng nữa, đã hân hoan bước tiếp trên hành trình đi lên của mình.

Since some Theosophical writers have felt it their duty to insist in vigorous terms upon the evils so frequently attendant upon the holding of spiritual séances, it is only fair to admit that on several occasions good work similar to that of the helper in the case just described has been done through the agency of a medium or of some one present at a circle. Thus, though spiritualism has too

Vì một số tác giả Thông Thiên Học cảm thấy nhiệm vụ của mình là phải nhấn mạnh bằng những thuật ngữ mạnh mẽ về những điều tai hại thường xuyên đi kèm với việc tổ chức các buổi gọi hồn, nên cũng công bằng khi thừa nhận rằng trong một vài dịp, công việc tốt đẹp tương tự như của người trợ giúp trong trường hợp vừa mô tả đã được thực hiện thông qua sự trung gian của một đồng tử

often detained souls who but for it would have attained speedier liberation, it must be set to the credit of its account that it has also furnished the means of escape to others, and thus opened up the path of advancement for them. There have been instances in which the defunct has been able to appear unassisted to his relatives or friends and explain his wishes to them; but these are naturally rare, and most souls who are earth-bound by anxieties of the kind indicated can satisfy themselves only by means of the services of the medium or the conscious helper.

hoặc của một người nào đó có mặt tại một vòng tròn. Như vậy, mặc dù thần linh học đã quá thường xuyên giữ chân các linh hồn mà nếu không có nó thì họ đã đạt được sự giải thoát nhanh chóng hơn, nhưng cũng phải ghi nhận vào công lao của nó rằng nó cũng đã cung cấp phương tiện trốn thoát cho những người khác, và do đó mở ra con đường tiến bộ cho họ. Đã có những trường hợp người quá cố có thể xuất hiện mà không cần hỗ trợ trước người thân hoặc bạn bè của mình và giải thích mong muốn của mình cho họ; nhưng những trường hợp này tự nhiên là hiếm, và hầu hết các linh hồn bị ràng buộc với trần gian bởi những lo lắng thuộc loại đã nêu chỉ có thể tự làm hài lòng mình bằng các dịch vụ của đồng tử hoặc người trợ giúp có ý thức.

Another case very frequently encountered on the astral plane is that of the man who cannot believe that he is dead at all. Indeed, most people consider the very fact that they are still conscious to be an absolute proof that they have not passed through the portals of death; somewhat of a satire this, if one thinks of it, on the practical value of our much vaunted belief in the immortality of the soul! However they may have labeled themselves during life, the great majority of those who die, in this country at any rate, show themselves by their subsequent attitude to have been to all intents and purposes materialists at heart; and those who on earth have honestly called themselves so are often no more difficult to deal with than others who would have been shocked at the very name.

Một trường hợp khác rất thường gặp trên cõi cảm dục là trường hợp của người không thể tin rằng mình đã chết. Thật vậy, hầu hết mọi người coi chính sự thật rằng họ vẫn còn tâm thức là một bằng chứng tuyệt đối rằng họ chưa bước qua cánh cửa cái chết; điều này có phần châm biếm, nếu người ta nghĩ về nó, về giá trị thực tế của niềm tin được ca ngợi nhiều của chúng ta vào sự bất tử của linh hồn! Dù họ có thể đã tự dán nhãn cho mình như thế nào trong suốt cuộc đời, đại đa số những người chết, ít nhất là ở đất nước này, đều thể hiện qua thái độ sau đó của họ rằng họ về mọi ý định và mục đích đều là những người duy vật tận đáy lòng; và những người ở trần gian đã thành thật tự gọi mình như vậy thường không khó đối phó hơn những người khác, những người vốn sẽ bị sốc trước chính cái tên đó.

A very recent instance was that of a scientific man who, finding himself fully conscious, and yet under conditions differing radically from any that he had ever experienced before, had persuaded himself that he was still alive, and merely the victim of a prolonged and unpleasant dream. Fortunately for him there happened to be among the band of those able to function

Một ví dụ rất gần đây là trường hợp của một nhà khoa học, người thấy mình hoàn toàn có tâm thức, nhưng trong các điều kiện khác biệt căn bản với bất kỳ điều gì ông từng trải qua trước đây, đã thuyết phục bản thân rằng mình vẫn còn sống, và chỉ là nạn nhân của một giấc mơ kéo dài và khó chịu. May mắn cho ông là tình cờ trong nhóm những người có thể hoạt động trên cõi cảm dục có con trai

upon the astral plane a son of an old friend of his, a young man whose father had commissioned him to search for the departed scientist and endeavour to render him some assistance. When after some trouble the youth found and accosted him, he frankly admitted that he was in a condition of great bewilderment and discomfort, but still clung desperately to his dream hypothesis as on the whole the most probable explanation of what he saw, and even went so far as to suggest that his visitor was nothing but a dream-figure himself!

của một người bạn cũ của ông, một thanh niên mà cha anh đã giao nhiệm vụ tìm kiếm nhà khoa học đã khuất và nỗ lực dành cho ông một sự hỗ trợ nào đó. Khi sau một số rắc rối, chàng trai tìm thấy và bắt chuyện với ông, ông thẳng thắn thừa nhận rằng mình đang trong tình trạng rất bối rối và khó chịu, nhưng vẫn bám lấy giả thuyết giấc mơ của mình một cách tuyệt vọng như là lời giải thích có khả năng nhất cho những gì ông thấy, và thậm chí còn đi xa đến mức gợi ý rằng vị khách của mình chẳng qua cũng chỉ là một hình bóng trong mơ!

At last, however, he so far gave way as to propose a kind of test, and said to the young man, "If you are, as you assert, a living person, and the son of my old friend, bring me from him some message that shall prove to me your objective reality." Now although under all ordinary conditions of the physical plane the giving of any kind of phenomenal proof is strictly forbidden to the pupils of the Masters, it seemed as though a case of this kind hardly came under the rules; and therefore, when it had been ascertained that there was no objection on the part of higher authorities, an application was made to the father, who at once sent a message referring to a series of events which had occurred before the son's birth. This convinced the dead man of the real existence of his young friend, and therefore of the plane upon which they were both functioning; and as soon as he felt this established, his scientific training at once reasserted itself, and he became exceeding eager to acquire all possible information about this new region.

Tuy nhiên, cuối cùng ông đã nhượng bộ đến mức đề xuất một loại thử nghiệm, và nói với chàng trai trẻ: "Nếu anh, như anh khẳng định, là một người đang sống, và là con trai của người bạn cũ của tôi, hãy mang đến cho tôi từ ông ấy một thông điệp nào đó để chứng minh cho tôi thấy thực tại khách quan của anh." Bây giờ, mặc dù trong tất cả các điều kiện bình thường của cõi hồng trần, việc đưa ra bất kỳ loại bằng chứng hiện tượng nào đều bị nghiêm cấm đối với các đệ tử của các Chân sư, nhưng dường như một trường hợp loại này khó có thể nằm trong các quy luật; và do đó, khi đã xác định được rằng không có sự phản đối nào từ phía các cấp chính quyền cao hơn, một yêu cầu đã được gửi đến người cha, người ngay lập tức gửi một thông điệp đề cập đến một loạt các sự kiện đã xảy ra trước khi người con trai chào đời. Điều này đã thuyết phục người chết về sự tồn tại thực sự của người bạn trẻ của mình, và do đó về cõi giới mà cả hai đang hoạt động; và ngay khi ông cảm thấy điều này được xác lập, sự đào tạo khoa học của ông ngay lập tức tự khẳng định lại, và ông trở nên vô cùng khao khát có được tất cả thông tin có thể về vùng đất mới này.

Of course the message which he so readily accepted as evidence was in reality no proof at all, since the facts to which it referred might have been read from his own mind or from the records of the past by any creature possessed of astral senses! But his ignorance

Dĩ nhiên thông điệp mà ông sẵn sàng chấp nhận như bằng chứng thực tế không phải là bằng chứng nào cả, vì những sự thật mà nó đề cập đến có thể đã được đọc từ chính tâm trí ông hoặc từ các hồ sơ của quá khứ bởi bất kỳ sinh thể nào sở hữu các giác quan cảm

of these possibilities enabled this definite impression to be made upon him, and the Theosophical instruction which his young friend is now nightly giving to him will undoubtedly have a stupendous effect upon his future, for it cannot but greatly modify not only the heaven-state which lies immediately before him, but also his next incarnation upon earth.

dục! Nhưng sự thiếu hiểu biết của ông về những khả năng này đã cho phép ấn tượng xác định này được tạo ra trên ông, và sự hướng dẫn Thông Thiên Học mà người bạn trẻ của ông hiện đang dành cho ông hàng đêm chắc chắn sẽ có tác động to lớn đến tương lai của ông, vì nó không thể không sửa đổi đáng kể không chỉ trạng thái thiên đàng nằm ngay trước mắt ông, mà còn cả lần lâm phàm tiếp theo của ông trên Trái Đất.

The main work, then, done for the newly dead by our helpers is that of soothing and comforting them—of delivering them when possible from the terrible though unreasoning fear which but too often seizes them, and not only causes them much unnecessary suffering, but retards their progress to higher spheres—and of enabling them as far as may be to comprehend the future that lies before them.

Công việc chính mà các nhà giúp đỡ thực hiện cho những người mới qua đời là xoa dịu và an ủi họ—giải thoát họ khi có thể khỏi nỗi sợ hãi khủng khiếp dù vô lý vốn thường xuyên bủa vây họ, nỗi sợ không chỉ gây ra nhiều đau khổ không đáng có mà còn trì hoãn sự tiến bộ của họ lên các khối cầu cao hơn—và giúp họ thấu hiểu tương lai đang chờ đợi phía trước trong chừng mực có thể.

Others who have been longer on the astral plane may also receive much help, if they will but accept it, from explanations and advice as to their course through its different stages. They may, for example, be warned of the danger and delay caused by attempting to communicate with the living through a medium, and sometimes (though rarely) an entity already drawn into a spiritualistic circle may be guided into higher and healthier life. Teaching thus given to persons on this plane is by no means lost for though the memory of it cannot of course be directly carried over to the next incarnation, there always remains the real inner knowledge, and therefore the strong predisposition to accept it immediately when heard again in the new life.

Những người khác đã ở trên cõi cảm dục lâu hơn cũng có thể nhận được nhiều sự giúp đỡ, nếu họ chấp nhận, từ những lời giải thích và lời khuyên về tiến trình của họ qua các giai đoạn khác nhau. Ví dụ, họ có thể được cảnh báo về mối nguy hiểm và sự chậm trễ gây ra bởi việc cố gắng giao tiếp với người sống thông qua một đồng tử, và đôi khi (dù hiếm khi) một thực thể đã bị lôi kéo vào một vòng tròn thần linh học có thể được hướng dẫn vào đời sống cao hơn và lành mạnh hơn. Những lời dạy được trao cho những người trên cõi này hoàn toàn không bị mất đi, vì mặc dù ký ức về nó tất nhiên không thể được mang trực tiếp sang lần lâm phàm tiếp theo, nhưng luôn tồn tại tri thức nội tại thực sự, và do đó có khuynh hướng mạnh mẽ để chấp nhận nó ngay lập tức khi được nghe lại trong đời sống mới.

A rather remarkable instance of service rendered to the dead was the first achievement of a very recent recruit to the band of helpers—one who is hardly as yet a fully-fledged member. This young aspirant had not long before lost an aged relation for

Một trường hợp phục vụ khá đáng chú ý dành cho người chết là thành tựu đầu tiên của một tân binh vừa gia nhập đoàn người giúp đỡ—người mà hiện tại hầu như chưa phải là một thành viên chính thức. Người chí nguyện trẻ tuổi này cách đó không lâu đã

whom he had felt an especially warm affection; and his earliest request was to be taken by a more experienced friend to visit her in the hope that he might be of some service to her. This was done and the effect of the meeting of the living and the dead was very beautiful and touching. The older person's astral life was already approaching its end, but a condition of apathy, dullness and uncertainty prevented her from making any immediate progress.

mất đi một người thân cao tuổi mà anh đã dành cho bà một tình cảm đặc biệt nồng ấm; và yêu cầu sớm nhất của anh là được một người bạn giàu kinh nghiệm hơn dẫn đi thăm bà với hy vọng anh có thể giúp ích được điều gì đó cho bà. Điều này đã được thực hiện và hiệu ứng của cuộc gặp gỡ giữa người sống và người chết rất đẹp đẽ và cảm động. Đời sống cảm dục của người cao tuổi này đã gần đi đến hồi kết, nhưng tình trạng thờ ơ, đờ đẫn và bất định đã ngăn cản bà đạt được bất kỳ sự tiến bộ tức thời nào.

But when the boy, who had been so much to her in earth-life, stood once more before her and dissolved by the sunlight of his love the grey mist of depression which had gathered around her, she was aroused from her stupor; and soon she understood that he had come in order to explain to her her situation, and to tell her of the glories of the higher life toward which her thoughts and aspirations ought now to be directed. But when this was fully realized, there was such an awakening of dormant feeling in her and such an outrush of devoted affection towards her earnest young helper, that the last fetters which bound her to the astral life were broken, and that one great outburst of love and gratitude swept her forthwith into the higher consciousness of the heaven-world. Truly there is no greater and more beneficent power in the universe than that of pure, unselfish love.

Nhưng khi chàng trai, người từng có ý nghĩa rất lớn đối với bà trong đời sống hồng trần, một lần nữa đứng trước mặt bà và dùng ánh nắng tình thương của mình làm tan biến màn sương mù xám xịt của sự trầm uất đang bao quanh bà, bà đã thức tỉnh khỏi sự mê muội; và chẳng mấy chốc bà hiểu rằng anh đến để giải thích cho bà về tình cảnh của mình, và kể cho bà nghe về những vinh quang của đời sống cao hơn mà giờ đây những tư tưởng và khát vọng của bà nên hướng tới. Nhưng khi điều này được chứng nghiệm đầy đủ, đã có một sự thức tỉnh của những cảm xúc tiềm ẩn trong bà và một sự tuôn trào tình cảm tận hiến đối với người giúp đỡ trẻ tuổi tận tâm của mình, đến mức những xiềng xích cuối cùng ràng buộc bà với đời sống cảm dục đã bị phá vỡ, và một sự bùng nổ lớn lao của tình thương và lòng biết ơn đó đã quét bà ngay lập tức vào tâm thức cao hơn của hạ thiên. Thực sự không có quyền năng nào lớn lao và nhân từ hơn trong vũ trụ ngoài tình thương thuần khiết, vị tha.

CHAPTER XIII

Other Branches of the Work—Các Nhánh Công Việc Khác

BUT turning back again now from the all-important work among the dead to the consideration of the work among the living, we must briefly indicate a great branch of it, without a notice of which our account of the

NHƯNG giờ đây, quay trở lại từ công việc tối quan trọng giữa những người chết sang việc xem xét công việc giữa những người sống, chúng ta phải chỉ ra vắn tắt một nhánh lớn của nó, mà nếu không có sự lưu tâm này thì

labours of our invisible helpers would indeed be incomplete, and that is the immense amount which is done by suggestion—by simply putting good thoughts into the minds of those who are ready to receive them.

bản tường trình của chúng ta về những lao nhọc của các nhà giúp đỡ vô hình sẽ thực sự thiếu sót, đó là khối lượng công việc khổng lồ được thực hiện bằng sự gợi ý—bằng cách đơn giản là đặt những tư tưởng tốt lành vào thể trí của những người sẵn sàng đón nhận chúng.

Let there be no mistake as to what is meant here. It would be perfectly easy—easy to a degree which would be quite incredible to those who do not understand the subject practically—for a helper to dominate the mind of any average man, and make him think just as he pleased, and that without arousing the faintest suspicion of any outside influence in the mind of the subject. But, however admirable the result might be, such a proceeding would be entirely inadmissible. All that may be done is to throw the good thought into the person's mind as one among the hundreds that are constantly sweeping through it; whether the man takes it up, makes it his own, and acts upon it, depends upon himself entirely. Were it otherwise, it is obvious that all the good karma of the action would accrue to the helper only, for the subject would have been a mere tool, and not an actor—which is not what is desired.

Đừng để có sự hiểu lầm về những gì được hàm ý ở đây. Sẽ hoàn toàn dễ dàng—dễ dàng đến mức khó tin đối với những ai không thấu hiểu chủ đề này một cách thực tế—để một nhà giúp đỡ chế ngự thể trí của bất kỳ người bình thường nào và khiến y suy nghĩ chính xác theo ý muốn của mình, mà không làm nảy sinh chút nghi ngờ nhỏ nhất nào về bất kỳ ảnh hưởng bên ngoài nào trong thể trí của đối tượng. Tuy nhiên, dù kết quả có đáng ngưỡng mộ đến đâu, một tiến trình như vậy sẽ hoàn toàn không được chấp nhận. Tất cả những gì có thể làm là ném tư tưởng tốt vào thể trí của người đó như một trong hàng trăm tư tưởng liên tục quét qua nó; việc người đó có tiếp nhận nó, biến nó thành của riêng mình và hành động theo nó hay không hoàn toàn phụ thuộc vào chính y. Nếu khác đi, rõ ràng là tất cả nghiệp quả tốt của hành động đó sẽ chỉ tích tụ cho nhà giúp đỡ, vì đối tượng chỉ là một công cụ thuần túy chứ không phải là một tác nhân—điều vốn không phải là mục đích mong muốn.

The assistance given in this way is exceedingly varied in character. The consolation of those who are suffering or in sorrow at once suggests itself, as does also the endeavour to guide toward the truth those who are earnestly seeking it. When a person is spending much anxious thought upon some spiritual or metaphysical problem, it is often possible to put the solution into his mind without his being at all aware that it comes from external agency.

Sự hỗ trợ được trao theo cách này vô cùng đa dạng về tính chất. Việc an ủi những người đang đau khổ hoặc buồn phiền ngay lập tức được gợi ý, cũng như nỗ lực hướng dẫn về phía chân lý cho những người đang tha thiết tìm kiếm nó. Khi một người đang dành nhiều tư tưởng lo âu cho một vấn đề tinh thần hoặc siêu hình nào đó, thường có thể đưa giải pháp vào thể trí của y mà y không hề nhận ra rằng nó đến từ tác nhân bên ngoài.

A pupil too may often be employed as an agent in what can hardly be described otherwise than as the answering of prayer; for though it is true that any earnest

Một đệ tử cũng thường có thể được sử dụng như một tác nhân trong điều khó có thể mô tả khác hơn là sự đáp lời cầu nguyện; vì mặc dù đúng là bất kỳ khát vọng tinh thần tha

spiritual desire, such as might be supposed to find its expression in prayer, is itself a force which automatically brings about certain results, it is also a fact that such a spiritual effort offers an opportunity of influence to the Powers of Good, of which they are not slow to take advantage; and it is sometimes the privilege of a willing helper to be made the channel through which their energy is poured forth. What is said of prayers is true to an even greater extent of meditation, for those to whom this higher exercise is a possibility.

thiết nào, như khát vọng được giả định là tìm thấy sự biểu đạt trong lời cầu nguyện, bản thân nó là một mãnh lực tự động mang lại những kết quả nhất định, nhưng cũng có một thực tế là nỗ lực tinh thần như vậy mang lại một cơ hội gây ảnh hưởng cho các Quyền Năng Thiện, mà Các Ngài không chậm trễ tận dụng; và đôi khi một nhà giúp đỡ sẵn lòng có đặc ân được trở thành kênh dẫn mà qua đó năng lượng của Các Ngài được tuôn đổ. Những gì được nói về lời cầu nguyện thậm chí còn đúng hơn đối với sự tham thiền, dành cho những người mà việc thực hành cao siêu này là một khả năng.

Besides these more general methods of help there are also special lines open only to the few. Again and again such pupils as are fitted for the work have been employed to suggest true and beautiful thoughts to authors, poets, artists and musicians; but obviously it is not every helper who is capable of being used in this way.

Bên cạnh những phương pháp giúp đỡ tổng quát này, còn có những đường lối đặc biệt chỉ dành cho một số ít người. Hết lần này đến lần khác, những đệ tử phù hợp với công việc đã được sử dụng để gợi ý những tư tưởng chân thực và đẹp đẽ cho các tác giả, nhà thơ, nghệ sĩ và nhạc sĩ; nhưng rõ ràng không phải nhà giúp đỡ nào cũng có khả năng được sử dụng theo cách này.

Sometimes, though more rarely, it is possible to warn persons of the danger to their moral development of some course which they are pursuing, to clear away evil influences from about some person or place, or to counteract the machinations of black magicians. It is not often that direct instruction in the great truths of nature can be given to people outside the circle of occult students, but occasionally it is possible to do something in that way by putting before the minds of preachers and teachers a wider range of thought or a more liberal view of some question than they would otherwise have taken.

Đôi khi, dù hiếm hơn, có thể cảnh báo mọi người về mối nguy hiểm đối với sự phát triển đạo đức của họ từ một con đường nào đó mà họ đang theo đuổi, để xóa sạch những ảnh hưởng xấu xung quanh một người hoặc một nơi nào đó, hoặc để hóa giải những âm mưu của các nhà hắc thuật. Không thường xuyên có việc chỉ dẫn trực tiếp về các chân lý vĩ đại của thiên nhiên cho những người bên ngoài vòng tròn của các đạo sinh huyền môn, nhưng thỉnh thoảng có thể làm điều gì đó theo cách đó bằng cách đặt trước thể trí của các giáo sĩ và huấn sư một phạm vi tư tưởng rộng lớn hơn hoặc một cái nhìn phóng khoáng hơn về một vấn đề nào đó so với những gì họ có thể có được.

Naturally as an occult student progresses on the Path he attains a wider sphere of usefulness. Instead of assisting individuals only, he learns how classes, nations and races are dealt with, and he is entrusted with a gradually increasing share of the higher

Lẽ tự nhiên, khi một đạo sinh huyền môn tiến bộ trên Đường Đạo, y đạt được một phạm vi hữu dụng rộng lớn hơn. Thay vì chỉ hỗ trợ các cá nhân, y học cách xử lý các tầng lớp, quốc gia và giống dân, và y được giao phó một phần ngày càng tăng trong công việc cao

and more important work done by the adepts themselves. As he acquires the requisite power and knowledge he begins to wield the greater forces of the mental and the astral planes and is shown how to make the utmost possible use of each favourable cyclic influence. He is brought into relation with those great Nirmânakâyas who are sometimes symbolized as the Stones of the Guardian Wall, and he becomes—at first of course in the very humblest capacity—one of the and of their almoners, and learns how those forces are dispersed which are the fruit of their sublime self-sacrifice. Thus he rises gradually higher and higher until, blossoming at length into adeptship, he is able to take his full share of the responsibility which lies upon the Masters of Wisdom, and to help others along the road which he has trodden.

hơn và quan trọng hơn do chính các chân sư thực hiện. Khi đạt được quyền năng và tri thức cần thiết, y bắt đầu sử dụng các mãnh lực lớn hơn của cõi trí và cõi cảm dục, và được chỉ cho cách tận dụng tối đa từng ảnh hưởng chu kỳ thuận lợi. Y được đưa vào mối liên hệ với những vị Nirmanakaya vĩ đại, những Đấng đôi khi được biểu tượng hóa là những Viên Đá của Bức Tường Bảo Vệ, và y trở thành —tất nhiên ban đầu ở cương vị khiêm tốn nhất—một trong những người phân phát của Các Ngài, và học cách giải tán những mãnh lực vốn là thành quả của sự hy sinh cao cả của Các Ngài. Do đó, y dần dần vươn lên cao hơn cho đến khi cuối cùng nở rộ thành địa vị chân sư, y có thể gánh vác trọn vẹn phần trách nhiệm nằm trên vai các Chân sư Minh Triết, và giúp đỡ những người khác trên con đường mà y đã đi qua.

On the mental plane the work differs somewhat, since teaching can be both given and received in a much more direct, rapid and perfect manner, while the influences set in motion are infinitely more powerful, because acting on so much higher a level. But (though it is useless to speak of it in detail at present, since so few of us are yet able to function consciously upon this plane during life) here also—and even higher still—there is always plenty of work to be done, as soon as ever we can make ourselves capable of doing it; and there is certainly no fear that for countless æons we shall ever find ourselves without a career of unselfish usefulness open before us.

Trên cõi trí, công việc có phần khác biệt, vì việc giảng dạy có thể được cả trao đi và tiếp nhận theo cách trực tiếp, nhanh chóng và hoàn hảo hơn nhiều, trong khi các ảnh hưởng được vận hành mạnh mẽ hơn vô tận, vì hoạt động ở một cấp độ cao hơn nhiều. Nhưng (mặc dù hiện tại nói chi tiết về điều đó là vô ích, vì rất ít người trong chúng ta có thể hoạt động một cách có tâm thức trên cõi này trong khi đang sống) ở đây cũng vậy—và thậm chí còn cao hơn nữa—luôn có rất nhiều công việc cần làm, ngay khi chúng ta có thể làm cho mình có khả năng thực hiện nó; và chắc chắn không sợ rằng trong vô số đại kiếp chúng ta sẽ thấy mình không có một sự nghiệp hữu dụng vị tha nào mở ra trước mắt.

CHAPTER XIV

The Qualifications Required—Các Phẩm Tính Cần Thiết

HOW, it may be asked, are we to make ourselves capable of sharing in this great work? Well, there is no mystery as to the qualifications which are needed by one who

Có thể đặt câu hỏi rằng, làm thế nào để chúng ta có khả năng chia sẻ công việc vĩ đại này? Không có gì bí ẩn về các phẩm tính cần thiết đối với một người khao khát trở thành một

aspires to be a helper; the difficulty is not in learning what they are, but in developing them in oneself. To some extent they have been already incidentally described, but it is nevertheless as well that they should be set out fully and categorically.

Single-mindedness. The first requisite is that we shall have recognized the great work which the Masters would have us do, and that it shall be for us the one great interest in our lives. We must learn to distinguish not only between useful and useless work, but between the different kinds of useful work, so that we may each devote ourselves to the very highest of which we are capable, and not fritter away our time in labouring at something which, however good it may be for the man who cannot yet do anything better, is unworthy of the knowledge and capacity which should be ours as Theosophists. A man who wishes to be considered eligible for employment on higher planes must begin by doing the utmost that lies in his power in the way of definite work for Theosophy down here.

Of course I do not for a moment mean that we are to neglect the ordinary duties of life. We should certainly do well to undertake no new worldly duties of any sort, but those which we have already bound upon our shoulders have become a kârmic obligation which we have no right to neglect. Unless we have done to the full the duties which karma has laid upon us we are not free for the higher work. But this higher work must nevertheless be to us the one thing really worth living for—the constant background of a life which is consecrated to the service of the Masters of Compassion.

Perfect self-control. Before we can be safely trusted with the wider powers of the astral life, we must have ourselves perfectly in hand. Our temper, for example, must be

nhà giúp đỡ; khó khăn không nằm ở việc học biết chúng là gì, mà ở việc phát triển chúng trong chính mình. Ở một mức độ nào đó, chúng đã được mô tả ngẫu nhiên, nhưng dù sao cũng nên trình bày chúng một cách đầy đủ và có hệ thống.

Tính nhất tâm. Yêu cầu đầu tiên là chúng ta phải nhận ra công việc vĩ đại mà các Chân sư muốn chúng ta làm, và đó phải là mối quan tâm lớn nhất trong đời sống của chúng ta. Chúng ta phải học cách phân biệt không chỉ giữa công việc hữu ích và vô ích, mà còn giữa các loại công việc hữu ích khác nhau, để mỗi người có thể tận hiến cho điều cao cả nhất mà mình có khả năng, và không lãng phí thời gian lao nhọc vào điều gì đó mà, dù nó có tốt đến đâu đối với người chưa thể làm gì tốt hơn, thì cũng không xứng đáng với tri thức và năng lực mà chúng ta nên có với tư cách là những nhà Thông Thiên Học. Một người mong muốn được xem là đủ điều kiện để làm việc trên các cõi cao hơn phải bắt đầu bằng việc nỗ lực hết sức trong khả năng của mình vào công việc cụ thể cho Thông Thiên Học ở cõi hồng trần này.

Tất nhiên tôi không có ý nói rằng chúng ta phải bỏ bê các bổn phận thông thường của đời sống. Chúng ta chắc chắn nên làm tốt việc không đảm nhận thêm bất kỳ bổn phận thế gian mới nào thuộc bất kỳ loại nào, nhưng những bổn phận mà chúng ta đã gánh vác trên vai đã trở thành một nghĩa vụ nghiệp quả mà chúng ta không có quyền bỏ bê. Trừ khi chúng ta đã thực hiện trọn vẹn các bổn phận mà nghiệp quả đã đặt ra, chúng ta mới không được tự do cho công việc cao hơn. Nhưng công việc cao hơn này dù sao cũng phải là điều duy nhất thực sự đáng sống đối với chúng ta—là bối cảnh thường trực của một đời sống được thánh hiến cho sự phụng sự các Chân sư của Lòng Từ Bi.

Sự tự kiểm soát hoàn hảo. Trước khi có thể được tin tưởng giao phó các quyền năng rộng lớn hơn của đời sống cảm dục, chúng ta phải hoàn toàn làm chủ được chính mình. Ví dụ,

thoroughly under control, so that nothing that we may see or hear can cause real irritation in us, for the consequences of such irritation would be far more serious on that plane than on this. The force of thought is always an enormous power, but down here it is reduced and deadened by the heavy physical brain-particles which it has to set in motion. In the astral world it is far freer and more potent, and for a man with fully awakened faculty to feel anger against a person there would be to do him serious and perhaps even fatal injury.

tính khí của chúng ta phải được kiểm soát triệt để, sao cho không có gì chúng ta thấy hoặc nghe có thể gây ra sự kích động thực sự trong chúng ta, vì hậu quả của sự kích động đó trên cõi đó sẽ nghiêm trọng hơn nhiều so với cõi này. Lực của tư tưởng luôn là một quyền năng to lớn, nhưng ở cõi hồng trần này, nó bị giảm bớt và làm yếu đi bởi các hạt não bộ hồng trần nặng nề mà nó phải vận hành. Trong thế giới cảm dục, nó tự do và mạnh mẽ hơn nhiều, và đối với một người có năng lực đã thức tỉnh hoàn toàn mà cảm thấy tức giận với một người ở đó thì sẽ gây ra tổn thương nghiêm trọng và thậm chí có thể gây tử vong cho y.

Not only do we need control of temper, but control of nerve, so that none of the fantastic or terrible sights that we may encounter may be able to shake our dauntless courage. It must be remembered that the pupil who awakens a man upon the astral plane incurs thereby a certain amount of responsibility for his actions and for his safety, so that unless his neophyte had courage to stand alone the whole of the older worker's time would be wasted in hovering round to protect him, which it would be manifestly unreasonable to expect.

Chúng ta không chỉ cần kiểm soát tính khí, mà còn cần kiểm soát thần kinh, để không có cảnh tượng kỳ quái hay khủng khiếp nào mà chúng ta gặp phải có thể làm lung lay lòng dũng cảm kiên cường của chúng ta. Cần nhớ rằng đệ tử thức tỉnh một người trên cõi cảm dục sẽ phải chịu một phần trách nhiệm về các hành động và sự an toàn của người đó, vì vậy trừ khi người sơ cơ của y có đủ can đảm để đứng một mình, toàn bộ thời gian của người giúp đỡ kỳ cựu sẽ bị lãng phí vào việc lẳng vảng xung quanh để bảo vệ y, điều mà rõ ràng là không hợp lý để mong đợi.

It is to make sure of this control of nerve, and to fit them for the work that has to be done, that candidates are always made, now as in days of old, to pass what are called the tests of earth, water, air and fire.

Chính để đảm bảo sự kiểm soát thần kinh này, và để giúp họ phù hợp với công việc phải làm, mà các ứng viên luôn được yêu cầu, bây giờ cũng như ngày xưa, phải vượt qua những gì được gọi là các bài kiểm tra về đất, nước, khí và lửa.

In other words, they have to learn with that absolute certainty that comes not by theory, but by practical experience, that in their astral bodies none of these elements can by any possibility be hurtful to them—that none can oppose any obstacle in the way the work which they have to do.

Nói cách khác, họ phải học với sự chắc chắn tuyệt đối không phải bằng lý thuyết mà bằng kinh nghiệm thực tế, rằng trong thể cảm dục của họ, không có nguyên tố nào trong số này có khả năng gây hại cho họ—rằng không nguyên tố nào có thể cản trở công việc mà họ phải làm.

In this physical body we are fully convinced that fire will burn us, that water will drown us, that the solid rock forms an impassable

Trong thể xác này, chúng ta hoàn toàn tin rằng lửa sẽ đốt cháy chúng ta, nước sẽ làm chúng ta chết đuối, đá rắn tạo thành một rào

barrier to our progress, that we cannot with safety launch ourselves unsupported into the ambient air. So deeply is this conviction ingrained in us that it costs most men a good deal of effort to overcome the instinctive action which follows from it, and to realize that in the astral body the densest rock offers no impediment to their freedom of motion, that they may leap with impunity from the highest cliff, and plunge with the most absolute confidence into the heart of the raging volcano or the deepest abysses of the fathomless ocean.

cản không thể vượt qua đối với sự tiến bộ của chúng ta, rằng chúng ta không thể phóng mình vào không trung bao quanh mà không có sự hỗ trợ một cách an toàn. Niềm tin này ăn sâu vào chúng ta đến mức hầu hết mọi người phải nỗ lực rất nhiều để vượt qua hành động bản năng nảy sinh từ đó, và để nhận ra rằng trong thể cảm dục, tảng đá đặc nhất cũng không gây trở ngại cho sự tự do di chuyển của họ, rằng họ có thể nhảy xuống từ vách đá cao nhất mà không hề hấn gì, và lao mình với sự tự tin tuyệt đối vào tâm của ngọn núi lửa đang cuồng nộ hay những vực thẳm sâu nhất của đại dương không đáy.

Yet until a man *knows* this—knows it sufficiently to act upon his knowledge instinctively and confidently—he is comparatively useless for astral work, since in emergencies that are constantly arising he would be perpetually paralyzed by imaginary disabilities. So he has to go through his tests, and through many another strange experience—to meet face to face with calm courage the most terrifying apparitions amid the most loathsome surroundings—to show in fact that his nerve may be thoroughly trusted under any and all of the varied groups of circumstances in which he may at any moment find himself.

Tuy nhiên, cho đến khi một người *biết* điều này—biết đủ để hành động theo tri thức của mình một cách bản năng và tự tin—y tương đối vô dụng đối với công việc cảm dục, vì trong những tình huống khẩn cấp thường xuyên nảy sinh, y sẽ vĩnh viễn bị tê liệt bởi những khiếm khuyết tưởng tượng. Vì vậy, y phải trải qua các bài kiểm tra của mình, và qua nhiều trải nghiệm kỳ lạ khác—để đối mặt với lòng dũng cảm điềm tĩnh trước những bóng ma đáng sợ nhất giữa những môi trường ghê tởm nhất—để chứng tỏ trên thực tế rằng thần kinh của y có thể được tin cậy hoàn toàn trong bất kỳ và tất cả các nhóm hoàn cảnh đa dạng mà y có thể thấy mình rơi vào bất cứ lúc nào.

Further, we need control of mind and of desire; of mind, because without the power of concentration it would be impossible to do good work amid all the distracting currents of the astral plane; of desire, because in that strange world to desire is very often to have, and unless this part of our nature were well controlled we might perchance find ourselves face to face with creations of our own of which we should be heartily ashamed.

Hơn nữa, chúng ta cần kiểm soát trí tuệ và dục vọng; về trí tuệ, vì nếu không có quyền năng tập trung thì không thể làm tốt công việc giữa tất cả các luồng tư tưởng gây xao nhãng của cõi cảm dục; về dục vọng, vì trong thế giới kỳ lạ đó, mong muốn thường có nghĩa là có được, và trừ khi phần bản chất này của chúng ta được kiểm soát tốt, chúng ta có thể tình cờ thấy mình đối mặt với những tạo vật của chính mình mà chúng ta sẽ cảm thấy vô cùng xấu hổ.

Calmness. This is another most important point—the absence of all worry and depression. Much of the work consists in soothing those who are disturbed, and

Sự tĩnh lặng. Đây là một điểm cực kỳ quan trọng khác—sự vắng bóng của mọi lo lắng và trầm uất. Phần lớn công việc bao gồm việc xoa dịu những người đang bối rối, và cổ vũ

cheering those who are in sorrow; and how can a helper do that work if his own aura is vibrating with constant fuss and worry, or grey with the deadly gloom that comes from perpetual depression? Nothing is more hopelessly fatal to occult progress or usefulness than our nineteenth century habit of ceaselessly worrying over trifles—of eternally making mountains out of molehills. Many of us simply spend our lives in magnifying the most absurd trivialities—in solemnly and elaborately going to work to make ourselves miserable about nothing.

những người đang buồn phiền; và làm sao một nhà giúp đỡ có thể làm công việc đó nếu hào quang của chính y đang rung động với sự xôn xao và lo lắng không ngừng, hoặc xám xịt với vẻ u ám chết chóc đến từ sự trầm uất vĩnh viễn? Không có gì gây tử vong một cách vô vọng cho sự tiến bộ huyền môn hoặc sự hữu dụng hơn thói quen của thế kỷ mười chín là lo lắng không ngừng về những điều vụn vặt—vĩnh viễn chuyện bé xé ra to. Nhiều người trong chúng ta chỉ đơn giản dành cả cuộc đời để phóng đại những điều tầm thường ngớ ngẩn nhất—để làm việc một cách trịnh trọng và tỉ mỉ nhằm khiến mình đau khổ vì không có gì cả.

Surely we who are Theosophists ought, at any rate, to have got beyond this stage of irrational worry and causeless depression; surely we, who are trying to acquire some definite knowledge of the cosmic order, ought by this time to have realized that the optimistic view of everything is always nearest to the divine view, and therefore to the truth, because only that in any person which is good and beautiful can by any possibility be permanent, while the evil must by its very nature be temporary. In fact, as Browning said, “the evil is null, is naught, is silence implying sound,” while above and beyond it all “the soul of things is sweet, the Heart of Being is celestial rest.” So They who know maintain unruffled calm, and with Their perfect sympathy combine the joyous serenity which comes from the certainty that all will at last be well; and those who wish to help must learn to follow Their example.

Chắc chắn chúng ta, những nhà Thông Thiên Học, ít nhất cũng phải vượt qua giai đoạn lo lắng vô lý và trầm uất không căn cứ này; chắc chắn chúng ta, những người đang cố gắng đạt được một số tri thức xác định về trật tự vũ trụ, giờ đây hẳn đã nhận ra rằng cái nhìn lạc quan về mọi thứ luôn gần gũi nhất với cái nhìn thiêng liêng, và do đó gần với chân lý nhất, bởi vì chỉ có những gì tốt đẹp và đẹp đẽ trong bất kỳ người nào mới có khả năng tồn tại vĩnh cửu, trong khi cái xấu theo bản chất của nó phải là tạm thời. Trên thực tế, như Browning đã nói, "cái ác là hư không, là con số không, là sự im lặng ngụ ý âm thanh," trong khi ở trên và vượt ra ngoài tất cả "linh hồn của vạn vật là ngọt ngào, Tâm của Bản Thể là sự nghỉ ngơi thiên thượng." Vì vậy, Các Ngài, những Đấng thấu thị, luôn giữ sự điềm tĩnh không lay chuyển, và kết hợp sự đồng cảm hoàn hảo của Các Ngài với sự thanh thản vui tươi đến từ sự chắc chắn rằng cuối cùng tất cả sẽ tốt đẹp; và những ai mong muốn giúp đỡ phải học cách noi theo gương của Các Ngài.

Knowledge. To be of use the man must at least have some knowledge of the nature of the plane on which he has to work, and the more knowledge he has in any and every direction the more useful he will be. He must fit himself for this task by carefully studying Theosophical literature; for he cannot

Tri thức. Để có ích, con người ít nhất phải có một số tri thức về bản chất của cõi mà y phải làm việc, và y càng có nhiều tri thức theo bất kỳ và mọi hướng thì y sẽ càng hữu ích. Y phải chuẩn bị cho mình nhiệm vụ này bằng cách nghiên cứu kỹ lưỡng các tài liệu Thông Thiên Học; vì y không thể mong đợi những người

expect those whose time is already so fully occupied to waste some of it in explaining to him what he might have learnt down here by taking the trouble to read the books. No one who is not already as earnest a student as his capacities and opportunities permit, need begin to think of himself as a candidate for astral work.

mà thời gian đã quá bận rộn phải lãng phí một phần thời gian đó để giải thích cho y những gì y có thể đã học được ở cõi hồng trần này bằng cách chịu khó đọc sách. Không ai chưa phải là một đạo sinh tha thiết trong chừng mực năng lực và cơ hội cho phép, mà lại bắt đầu nghĩ mình là một ứng viên cho công việc cảm dục.

Unselfishness. It would seem scarcely needful to assist upon this as a qualification, for surely everyone who has made the least study of Theosophy must know that while the slightest taint of selfishness remains in a man, he is not yet fit to be entrusted with higher powers, not yet fit to enter upon a work of whose very essence it is that the worker should forget himself but to remember the good of others. He who is still capable of selfish thought, whose personality is still so strong in him that he can allow himself to be turned aside from his work by feelings of petty pride or suggestions of wounded dignity—that man is not yet ready to show the selfless devotion of the helper.

Tính vị tha. Dường như hầu như không cần thiết phải nhấn mạnh đây là một phẩm tính, vì chắc chắn mọi người đã có chút nghiên cứu về Thông Thiên Học đều phải biết rằng khi một vết nhơ nhỏ nhất của sự ích kỷ còn sót lại trong một người, y vẫn chưa phù hợp để được tin tưởng giao phó các quyền năng cao hơn, chưa phù hợp để bước vào một công việc mà bản chất cốt lõi của nó là người hoạt động phải quên mình để chỉ nhớ đến lợi ích của người khác. Người vẫn còn khả năng có tư tưởng ích kỷ, người mà phàm ngã vẫn còn quá mạnh mẽ trong y đến mức y có thể cho phép mình bị lệch khỏi công việc bởi những cảm giác kiêu hãnh tầm thường hoặc những gợi ý về lòng tự trọng bị tổn thương—người đó vẫn chưa sẵn sàng để thể hiện sự tận hiến không vị kỷ của một nhà giúp đỡ.

Love. This, the last and greatest of the qualifications, is also the most misunderstood. Most emphatically it is *not* the cheap, namby-pamby backboneless sentimentalism which is always overflowing into vague platitudes and gushing generalities, yet fears to stand firm for the right lest it should be branded by the ignorant as “unbrotherly.” What is wanted is the love which is strong enough *not* to boast itself, but to act without talking about it—the intense desire for service which is ever on the watch for an opportunity to render it, even though it prefers to do so anonymously—the feeling which springs up in the heart of him who has realized the great work of the Logos, and having once seen it, knows that for him there can be in the three worlds no other course but to identify himself with it to the utmost limit of his power—to become,

Tình thương. Đây là phẩm tính cuối cùng và vĩ đại nhất, cũng là phẩm tính bị hiểu lầm nhiều nhất. Một cách nhấn mạnh nhất, nó *không phải* là thứ tình cảm ủy mị, yếu đuối, rẻ tiền luôn tràn ngập những lời sáo rỗng mơ hồ và những điều khái quát tuôn trào, nhưng lại sợ đứng vững vì lẽ phải e rằng bị những kẻ thiếu hiểu biết gán cho là "không có tình huynh đệ." Những gì cần thiết là tình thương đủ mạnh để *không* tự khoe khoang, mà hành động mà không cần nói về nó—khát vọng phụng sự mãnh liệt luôn canh chừng một cơ hội để thực hiện nó, ngay cả khi nó thích làm như vậy một cách ẩn danh—cảm xúc nảy sinh trong trái tim của người đã nhận ra công việc vĩ đại của Logos, và một khi đã thấy nó, biết rằng đối với y không thể có con đường nào khác trong ba cõi ngoài việc đồng hóa mình với nó đến giới hạn tối đa của quyền năng mình—để trở thành, dù theo

in however humble a way, and at however great a distance, a tiny channel of that wondrous love of God which, like the peace of God, passeth man's understanding.

cách khiêm tốn đến đâu, và ở khoảng cách xa đến đâu, một kênh dẫn nhỏ bé của tình thương kỳ diệu đó của Thượng đế, thứ tình thương giống như sự bình an của Thượng đế, vượt quá sự hiểu biết của con người.

These are the qualities toward the possession of which the helper must ceaselessly strive, and of which some considerable measure at least must be his before he can hope that the Great Ones who stand behind will deem him fit for full awakening. The ideal is in truth a high one, yet none need therefore turn away disheartened, nor think that while he is still but struggling toward it he must necessarily remain entirely useless on the astral plane, for short of the responsibilities and dangers of that full awakening there is much that may safely and usefully be done.

Đây là những phẩm tính mà nhà giúp đỡ phải không ngừng nỗ lực để sở hữu, và ít nhất một mức độ đáng kể trong số đó phải thuộc về y trước khi y có thể hy vọng rằng Các Đấng Cao Cả đứng phía sau sẽ coi y là phù hợp để thức tỉnh hoàn toàn. Lý tưởng thực sự là một lý tưởng cao cả, nhưng do đó không ai cần phải quay đi nản lòng, cũng không nên nghĩ rằng trong khi y vẫn còn đang đấu tranh hướng tới nó thì y nhất thiết phải hoàn toàn vô dụng trên cõi cảm dục, vì ngoài những trách nhiệm và nguy hiểm của sự thức tỉnh hoàn toàn đó, có nhiều điều có thể được thực hiện một cách an toàn và hữu ích.

There is hardly one among us who would not be capable of performing at least one definite act of mercy and good will each night while we are away from our bodies. Our condition when asleep is usually one of absorption in thought, be it remembered—a carrying on of the thoughts that have principally occupied us during the day, and especially of the last thought in the mind when sinking into sleep. Now if we make that last thought a strong intention to go and give help to some one whom we know to be in need of it, the soul when freed from the body will undoubtedly carry out that intention, and the help will be given. There are several cases on record in which, when this attempt has been made, the person thought of has been fully conscious of the effort of the would-be helper, and has even seen his astral body in the act of carrying out the instructions impressed upon it.

Hầu như không có ai trong chúng ta lại không có khả năng thực hiện ít nhất một hành động nhân từ và thiện chí cụ thể mỗi đêm trong khi chúng ta rời xa thể xác của mình. Hãy nhớ rằng tình trạng của chúng ta khi ngủ thường là sự thu mình vào tư tưởng —sự tiếp nối của những tư tưởng chủ yếu chiếm giữ chúng ta trong ngày, và đặc biệt là tư tưởng cuối cùng trong trí khi chìm vào giấc ngủ. Bây giờ nếu chúng ta biến tư tưởng cuối cùng đó thành một ý định mạnh mẽ là đi và giúp đỡ một người nào đó mà chúng ta biết là đang cần, linh hồn khi được giải thoát khỏi thể xác chắc chắn sẽ thực hiện ý định đó, và sự giúp đỡ sẽ được trao đi. Có một vài trường hợp được ghi nhận trong đó, khi nỗ lực này được thực hiện, người được nghĩ đến đã hoàn toàn có tâm thức về nỗ lực của người muốn giúp đỡ, và thậm chí đã nhìn thấy thể cảm dục của y trong hành động thực hiện các chỉ dẫn được in dấu lên đó.

Indeed, no one need sadden himself with the thought that he can have no part nor lot in this glorious work. Such a feeling would be entirely untrue, for every one who can think can help. Nor need such useful action be

Thật vậy, không ai cần phải làm mình buồn phiền với ý nghĩ rằng mình không thể có phần hay vai trò nào trong công việc vinh quang này. Một cảm giác như vậy sẽ hoàn toàn sai lầm, vì mỗi người có thể suy nghĩ

confined to our hours of sleep. If you know (and who does not?) of some one who is in sorrow or suffering, though you may not be able consciously to stand in astral form by their bedside, you can nevertheless send them loving thoughts and earnest good wishes; and be well assured that such thoughts and wishes are real and living and strong—that when you so send them they do actually go and work your will in proportion to the strength which you have put into them. Thoughts are things, intensely real things, visible enough to those whose eyes have been opened to see, and by their means the poorest man may bear his part in the good work of the world as fully as the richest. In this way at least, whether we can yet function consciously upon the astral plane or not, we all can join, and we all ought to join, the army of invisible helpers.

đều có thể giúp đỡ. Hành động hữu ích như vậy cũng không cần giới hạn trong những giờ ngủ của chúng ta. Nếu bạn biết (và ai mà không biết?) về một người nào đó đang buồn phiền hoặc đau khổ, mặc dù bạn có thể không có khả năng đứng một cách có tâm thức trong hình hài cảm dục bên giường bệnh của họ, bạn vẫn có thể gửi cho họ những tư tưởng yêu thương và những lời chúc tốt đẹp tha thiết; và hãy yên tâm rằng những tư tưởng và lời chúc như vậy là có thật, sống động và mạnh mẽ—rằng khi bạn gửi chúng đi như vậy, chúng thực sự đi và thực hiện ý chí của bạn tương ứng với sức mạnh mà bạn đã đặt vào chúng. Tư tưởng là vật chất, những thứ có thật một cách mãnh liệt, đủ hữu hình đối với những người mà đôi mắt đã được mở ra để nhìn thấy, và bằng phương tiện của chúng, người nghèo nhất cũng có thể đóng góp phần mình vào công việc tốt đẹp của thế giới trọn vẹn như người giàu nhất. Theo cách này ít nhất, dù chúng ta có thể hoạt động một cách có tâm thức trên cõi cảm dục hay chưa, tất cả chúng ta đều có thể tham gia, và tất cả chúng ta đều nên tham gia vào đội quân của những nhà giúp đỡ vô hình.

But the aspirant, who definitely desires to become one of the band of astral helpers who are working under the direction of the great Masters of Wisdom, will make his preparation part of a far wider scheme of development. Instead of merely endeavouring to fit himself for this particular branch of their service, he will undertake with high resolution the far greater task of training himself to follow in their footsteps, of bending all the energies of his soul to attain even as they have attained, so that his power of helping the world may not be confined to the astral plane, but may extend to those higher levels which are the true home of the divine self of man.

Nhưng người chí nguyện, người tha thiết mong muốn trở thành một trong những thành viên của đoàn người giúp đỡ cảm dục đang làm việc dưới sự chỉ đạo của các Chân sư Minh Triết vĩ đại, sẽ biến sự chuẩn bị của mình thành một phần của một kế hoạch phát triển rộng lớn hơn nhiều. Thay vì chỉ nỗ lực làm cho mình phù hợp với nhánh phụng sự cụ thể này của Các Ngài, y sẽ đảm nhận với quyết tâm cao cả nhiệm vụ lớn lao hơn nhiều là rèn luyện bản thân để tiếp bước Các Ngài, uốn nắn tất cả năng lượng của linh hồn mình để đạt được ngay cả khi Các Ngài đã đạt được, sao cho quyền năng giúp đỡ thế giới của y không bị giới hạn ở cõi cảm dục, mà có thể mở rộng đến những cấp độ cao hơn vốn là ngôi nhà thực sự của thiên tính tự thân của con người.

For him the path has been marked out long

Đối với y, con đường đã được đánh dấu từ lâu

ago by the wisdom of those who have trodden it in days of old—a path of self-development which sooner or later all must follow, whether they choose to adopt it of their own free will, or to wait until, after many lives and an infinity of suffering, the slow, resistless force of evolution drives them along it among the laggards of the human family. But the wise man is he who eagerly enters upon it immediately, setting his face resolutely toward the goal of adeptship, in order that, being safe for ever from all doubt and fear and sorrow himself, he may help others into safety and happiness also. What are the steps of this Path of Holiness, as the Buddhists call it, and in what order they are arranged, let us see in our next chapter.

bởi sự minh triết của những người đã bước đi trên đó trong những ngày xưa cũ—một con đường tự phát triển mà sớm muộn gì tất cả cũng phải đi theo, cho dù họ chọn chấp nhận nó bằng ý chí tự do của mình, hay chờ đợi cho đến khi, sau nhiều kiếp sống và vô vàn đau khổ, mãnh lực chậm chạp, không thể cưỡng lại của sự tiến hóa thúc đẩy họ đi dọc theo đó giữa những người chậm chạp của gia đình nhân loại. Nhưng người khôn ngoan là người hăng hái bước vào đó ngay lập tức, kiên quyết hướng mặt về mục tiêu của địa vị chân sư, để khi bản thân đã an toàn vĩnh viễn khỏi mọi nghi ngờ, sợ hãi và buồn phiền, y cũng có thể giúp đỡ những người khác vào sự an toàn và hạnh phúc. Những bước của Con Đường Thánh Thiện này là gì, như các Phật tử gọi nó, và chúng được sắp xếp theo thứ tự nào, chúng ta hãy xem trong chương tiếp theo.

CHAPTER XV

The Probationary Path—Con Đường Dự Bị

EASTERN books tell us that there are four means by which a man may be brought to the beginning of the path of spiritual advancement: 1. By the companionship of those who have already entered upon it. 2. By the hearing or reading of definite teaching on occult philosophy. 3. By enlightened reflection; that is to say, that by sheer force of hard thinking and close reasoning he may arrive at the truth, or some portion of it, for himself. 4. By the practice of virtue, which means that a long series of virtuous lives, though it does not necessarily involve any increase of intellectuality, does eventually develop in man sufficient intuition to enable him to grasp the necessity of entering upon the path, and show him in what direction it lies.

Các cuốn sách phương Đông cho chúng ta biết rằng có bốn phương tiện mà một người có thể được đưa đến điểm bắt đầu của con đường thăng tiến tinh thần: 1. Bằng sự đồng hành của những người đã bước vào đó. 2. Bằng việc nghe hoặc đọc những lời dạy xác định về triết học huyền môn. 3. Bằng sự phản tỉnh được soi sáng; nghĩa là bằng sức mạnh thuần túy của tư duy nỗ lực và lý luận chặt chẽ, y có thể tự mình đạt tới chân lý, hoặc một phần của nó. 4. Bằng việc thực hành đức hạnh, điều đó có nghĩa là một chuỗi dài các kiếp sống đức hạnh, mặc dù không nhất thiết liên quan đến bất kỳ sự gia tăng trí tuệ nào, cuối cùng cũng phát triển trong con người đủ trực giác để cho phép y nắm bắt được sự cần thiết của việc bước vào con đường, và chỉ cho y thấy nó nằm ở hướng nào.

When, by one or another of these means, he has arrived at this point, the way to the

Khi, bằng phương tiện này hay phương tiện khác, y đã đến điểm này, con đường dẫn đến

highest adeptship lies straight before him, if he chooses to take it. In writing for students of occultism it is hardly necessary to say that at our present stage of development we cannot expect to learn all, or nearly all, about any but the lowest steps of this path; whilst of the highest we know little but the names, though we may get occasional glimpses of the indescribable glory which surrounds them.

địa vị chân sư cao nhất nằm thẳng ngay trước mặt y, nếu y chọn đi theo nó. Khi viết cho các đạo sinh huyền môn, hầu như không cần phải nói rằng ở giai đoạn tiến hóa hiện tại, chúng ta không thể mong đợi học được tất cả, hoặc gần như tất cả, về bất kỳ bước nào ngoại trừ những bước thấp nhất của con đường này; trong khi về những bước cao nhất, chúng ta biết rất ít ngoài những cái tên, mặc dù chúng ta có thể thỉnh thoảng thoáng thấy vinh quang không thể tả xiết bao quanh Các Ngài.

According to the esoteric teachings these steps are grouped in three great divisions:

Theo các giáo lý bí truyền, các bước này được nhóm thành ba phân đoạn lớn:

The probationary period, before any definite pledges are taken, or initiations (in the full sense of the word) are given. This carries a man to the level necessary to pass successfully through what in Theosophical books is usually called the critical period of the fifth round.

Giai đoạn dự bị, trước khi bất kỳ lời cam kết xác định nào được thực hiện, hoặc các cuộc điểm đạo (theo nghĩa đầy đủ của từ này) được trao. Điều này đưa một người đến cấp độ cần thiết để vượt qua thành công những gì trong các sách Thông Thiên Học thường được gọi là giai đoạn quan trọng của cuộc tuần hoàn thứ năm.

The period of pledged discipleship, or the path proper, whose four stages are often spoken of in Oriental books as the four paths of holiness. At the end of this the pupil obtains adeptship—the level which humanity should reach at the close of the seventh round.

Giai đoạn của địa vị đệ tử có cam kết, hay chính là con đường, mà bốn giai đoạn của nó thường được nói đến trong các sách phương Đông là bốn con đường thánh thiện. Vào cuối giai đoạn này, đệ tử đạt được địa vị chân sư—cấp độ mà nhân loại nên đạt được vào cuối cuộc tuần hoàn thứ bảy.

What we may venture to call the official period, in which the adept takes a definite part (under the great Cosmic Law) in the government of the world, and holds a special office connected therewith, Of course every adept—every pupil even, when once definitely accepted, as we have seen in the earlier chapters—takes a part in the great work of helping forward the evolution of man; but those standing on the higher levels take charge of special departments, and correspond in the cosmic scheme to the ministers of the crown in a well-ordered earthly state. It is not proposed to make any attempt in this book to treat of this official

Điều mà chúng ta có thể mạo muội gọi là giai đoạn chính thức, trong đó chân sư đảm nhận một vai trò xác định (theo Định Luật Vũ Trụ vĩ đại) trong việc quản trị thế giới, và giữ một chức vụ đặc biệt liên quan đến đó. Tất nhiên mỗi chân sư—thậm chí mỗi đệ tử, một khi đã được chấp nhận xác định, như chúng ta đã thấy trong các chương trước—đều tham gia vào công việc vĩ đại là giúp thúc đẩy sự tiến hóa của con người; nhưng những vị đứng ở cấp độ cao hơn sẽ phụ trách các bộ phận đặc biệt, và tương ứng trong sơ đồ vũ trụ với các bộ trưởng của vương miện trong một quốc gia hồng trần có trật tự tốt. Cuốn sách này không có ý định thực hiện bất kỳ nỗ lực nào

period; no information about it has ever been made public, and the whole subject is too far above our comprehension to be profitably dealt with in print. We will confine ourselves therefore to the two earlier divisions.

để đề cập đến giai đoạn chính thức này; không có thông tin nào về nó từng được công bố công khai, và toàn bộ chủ đề này quá xa vời so với sự thấu hiểu của chúng ta để có thể xử lý một cách hữu ích trên mặt chữ. Do đó, chúng ta sẽ giới hạn mình trong hai phân đoạn sớm hơn.

Before going into details of the probationary period it is well to mention that in most of the Eastern sacred books this stage is regarded as merely preliminary, and scarcely as part of the path at all, for they consider that the latter is really entered upon only when definite pledges have been given. Considerable confusion has been created by the fact that the numbering of the stages occasionally commences at this point, though more often at the beginning of the second great division; sometimes the stages themselves are counted, and sometimes the initiations leading into or out of them, so that in studying the books one has to be perpetually on one's guard to avoid misunderstanding.

Trước khi đi vào chi tiết của giai đoạn dự bị, cũng nên đề cập rằng trong hầu hết các sách thánh phương Đông, giai đoạn này được coi là chỉ mang tính sơ bộ, và hầu như không phải là một phần của con đường, vì họ cho rằng con đường thực sự chỉ được bước vào khi các lời cam kết xác định đã được đưa ra. Sự nhầm lẫn đáng kể đã được tạo ra bởi thực tế là việc đánh số các giai đoạn đôi khi bắt đầu tại điểm này, mặc dù thường xuyên hơn là ở đầu phân đoạn lớn thứ hai; đôi khi chính các giai đoạn được đếm, và đôi khi các cuộc điểm đạo dẫn vào hoặc ra khỏi chúng được đếm, vì vậy khi nghiên cứu các cuốn sách, người ta phải vĩnh viễn cảnh giác để tránh hiểu lầm.

This probationary period, however, differs considerably in character from the others; the divisions between its stages are less decidedly marked than are those of the higher groups, and the requirements are not so definite or so exacting. But it will be easier to explain this last point after giving a list of the five stages of this period, with their respective qualifications. The first four were very ably described by Mr Mohini Mohun Chatterji in the first Transaction of the London Lodge, to which readers may be referred for fuller definitions of them than can be given here. Much exceedingly valuable information about them is also given by Mrs. Besant in her books *The Path of Discipleship* and *In the Outer Court.*

Tuy nhiên, giai đoạn dự bị này khác biệt đáng kể về tính chất so với các giai đoạn khác; sự phân chia giữa các giai đoạn của nó ít được đánh dấu rõ ràng hơn so với các nhóm cao hơn, và các yêu cầu không quá xác định hay khắt khe. Nhưng sẽ dễ dàng hơn để giải thích điểm cuối cùng này sau khi đưa ra danh sách năm giai đoạn của thời kỳ này, với các phẩm tính tương ứng của chúng. Bốn giai đoạn đầu tiên đã được Ông Mohini Mohun Chatterji mô tả rất khéo léo trong Giao dịch đầu tiên của Phân hội London, mà độc giả có thể tham khảo để biết các định nghĩa đầy đủ hơn về chúng so với những gì có thể được đưa ra ở đây. Nhiều thông tin vô cùng giá trị về chúng cũng được Bà Besant đưa ra trong các cuốn sách của bà là *Con Đường Đệ Tử* và *Trong Sân Ngoài.*

The names given to the stages will differ somewhat, for in those books the Hindu Sanskrit terminology was employed,

Các tên gọi được đặt cho các giai đoạn sẽ có phần khác nhau, vì trong những cuốn sách đó thuật ngữ tiếng Phạn của Ấn Độ giáo đã

whereas the Pâli nomenclature used here is that of the Buddhist system; but although the subject is thus approached from a different side as it were, the qualifications exacted will be found to be precisely the same in effect even when the outward form varies. In the case of each word the mere dictionary meaning will first be given in parentheses, and the explanation of it which is usually given by the teacher will follow. The first stage, then is called among Buddhists.

được sử dụng, trong khi thuật ngữ Pali được sử dụng ở đây là của hệ thống Phật giáo; nhưng mặc dù chủ đề được tiếp cận từ một khía cạnh khác, các phẩm tính được yêu cầu sẽ được thấy là hoàn toàn giống nhau về hiệu quả ngay cả khi hình thức bên ngoài thay đổi. Trong trường hợp của mỗi từ, ý nghĩa từ điển đơn thuần sẽ được đưa ra trước trong ngoặc đơn, và lời giải thích về nó thường được huấn sư đưa ra sẽ theo sau. Giai đoạn đầu tiên, được gọi giữa các Phật tử là.

Manodvâravajjana (the opening of the doors of the mind, or perhaps escaping by the door of the mind)—and in it the candidate acquires a firm intellectual conviction of the impermanence and worthlessness of mere earthly aims. This is often described as learning the difference between the real and the unreal; and to learn it often takes a long time and many hard lessons. Yet it is obvious that it must be the first step toward anything like real progress, for no man can enter whole-heartedly upon the path until he has definitely decided to "set his affection upon things above, not on things on the earth," and that decision comes from the certainty that nothing on earth has any value as compared with the higher life. This step is called by the Hindus the acquirement of Viveka or discrimination, and Mr. Sinnett speaks of it as the giving allegiance to the higher self.

Manodvâravajjana (mở cánh cửa thể trí, hoặc có lẽ là thoát ra bằng cánh cửa thể trí)—và trong giai đoạn này, ứng giả đạt được một niềm tin trí tuệ vững chắc về tính vô thường và vô giá trị của những mục tiêu trần tục thuần túy. Điều này thường được mô tả là học cách phân biệt giữa cái thực và cái hư; và để học được điều đó thường mất một thời gian dài với nhiều bài học khắc nghiệt. Tuy nhiên, rõ ràng đó phải là bước đầu tiên hướng tới bất kỳ sự tiến bộ thực sự nào, vì không ai có thể toàn tâm toàn ý bước vào con đường cho đến khi y quyết định dứt khoát sẽ "đặt tình cảm của mình vào những điều trên cao, chứ không phải những điều dưới thế gian," và quyết định đó đến từ sự chắc chắn rằng không có gì trên thế gian có bất kỳ giá trị nào so với đời sống cao siêu hơn. Bước này được người Ấn Độ gọi là đạt được Viveka hay sự phân biện, và Ông Sinnett nói về nó như là việc trao lòng trung thành cho chân ngã.

Parikamma (preparation for action)—the stage in which the candidate learns to do the right merely because it is right, without considering his own gain or loss either in this world or the future, and acquires, as the Eastern books put it, perfect indifference to the enjoyment of the fruit of his own actions. This indifference is the natural result of the previous step; for when the neophyte has once grasped the unreal and impermanent character of all earthly rewards, he ceases to crave for them; when

Parikamma (chuẩn bị cho hành động)—giai đoạn mà ứng giả học cách làm điều đúng chỉ vì nó đúng, mà không xem xét đến sự được mất của chính mình dù ở thế gian này hay trong tương lai, và đạt được, như các sách phương Đông diễn đạt, sự điềm nhiên hoàn hảo đối với việc hưởng thụ thành quả từ các hành động của chính mình. Sự điềm nhiên này là kết quả tự nhiên của bước trước đó; vì khi người sơ cơ đã nắm bắt được bản chất hư ảo và vô thường của tất cả các phần thưởng thế gian, y sẽ ngừng khao khát chúng; một

once the radiance of the real has shone upon the soul, nothing below that can any longer be an object of desire. This higher indifference is called by the Hindus Vairâgya.

khi ánh rạng ngời của cái thực đã soi sáng lên linh hồn, thì không có gì bên dưới điều đó còn có thể là đối tượng của ham muốn nữa. Sự điềm nhiên cao siêu này được người Ấn Độ gọi là Vairâgya.

Upachâro (attention or conduct)—the stage in which what are called "the six qualifications" (the Shatsampatti of the Hindus) must be acquired. These are called in Pâli:

Upachâro (sự chú tâm hoặc hạnh kiểm)—giai đoạn mà những gì được gọi là "sáu phẩm hạnh" (Shatsampatti của người Ấn Độ) phải được đạt được. Những phẩm hạnh này trong tiếng Pâli được gọi là:

a. Samo (quietude)—that purity and calmness of thought which comes from perfect control of the mind—a qualification exceedingly difficult of attainment, and yet most necessary, for unless the mind moves only in obedience to the guidance of the will it cannot be a perfect instrument for the Master's work in the future. This qualification is a very comprehensive one, and includes within itself both the self-control and the calmness which were described in chapter xiv. as necessary for astral work.

a. Samo (sự tĩnh lặng)—sự tinh khiết và điềm tĩnh của tư tưởng đến từ việc kiểm soát hoàn hảo thể trí—một phẩm hạnh cực kỳ khó đạt được, nhưng lại hết sức cần thiết, vì trừ khi thể trí chỉ chuyển động theo sự hướng dẫn của ý chí, nó không thể là một công cụ hoàn hảo cho công việc của Chân sư trong tương lai. Phẩm hạnh này rất toàn diện, bao gồm cả sự tự kiểm soát và sự điềm tĩnh đã được mô tả trong chương XIV là cần thiết cho công việc ở cõi cảm dục.

b. Damo (subjugation)—a similar mastery over, and therefore purity in, one's actions and words—a quality which again follows necessarily from its predecessor.

b. Damo (sự chế ngự)—một sự làm chủ tương tự, và do đó là sự tinh khiết trong hành động và lời nói của chính mình—một phẩm tính tất yếu theo sau phẩm tính trước đó.

c. Uparti (cessation)—explained as cessation from bigotry or from belief in the necessity of any act or ceremony prescribed by a particular religion—so leading the aspirant to independence of thought and to a wide and generous tolerance.

c. Uparti (sự đình chỉ)—được giải thích là sự chấm dứt cố chấp hoặc chấm dứt niềm tin vào sự cần thiết của bất kỳ nghi lễ hay nghi thức nào được quy định bởi một tôn giáo cụ thể—từ đó dẫn dắt người chí nguyện đến sự độc lập trong tư tưởng và đến một sự khoan dung rộng rãi và hào hiệp.

d. Titikkhâ (endurance or forbearance)—by which is meant the readiness to bear with cheerfulness whatever one's karma may bring upon one, and to part with anything and everything worldly whenever it may be necessary. It also includes the idea of complete absence of resentment for wrong, the man knowing that those who do him wrong are but the instruments of his own

d. Titikkhâ (sự chịu đựng hoặc nhẫn nhịn)—nghĩa là sự sẵn lòng chịu đựng với niềm vui vẻ bất cứ điều gì mà nghiệp quả có thể mang đến cho mình, và từ bỏ bất cứ điều gì và mọi thứ thuộc về thế gian bất cứ khi nào cần thiết. Nó cũng bao gồm ý tưởng về sự hoàn toàn không oán hận đối với những sai trái, khi con người biết rằng những kẻ làm hại mình chỉ là công cụ của chính nghiệp quả

karma.

e. Samâdhâna (intentness)—one-pointedness involving the incapability of being turned aside from one's path by temptation. This corresponds very closely with the single-mindness spoken of in the previous chapter.

f. Saddhâ (faith)—confidence in one's Master and oneself: confidence, that is, that the Master is a competent teacher, and that, however diffident the pupil may feel as to his own powers, he has yet within him that divine spark which when fanned into a flame will one day enable him to achieve even as his Master has done.

Anuloma (direct order or succession, signifying that its attainment follows as a natural consequence from the other three)—the stage in which is acquired that intense desire for liberation from earthly life, and for union with the highest, which is called by the Hindus Mumukshatva.

Gotrabhû (the condition of fitness for initiation); in this stage the candidate gathers up, as it were, his previous acquisitions, and strengthens them to the degree necessary for the next great step, which will set his feet upon the path proper as an accepted pupil. The attainment of this level is followed very rapidly by initiation into the next grade. In answer to the question, "Who is the Gotrabhû?" Buddha says, "The man who is in possession of those conditions upon which the commencement of sanctification immediately ensues—he is the Gotrabhû

The wisdom necessary for the reception of the path of holiness is called Gotrabhû-gñâna.

Now that we have hastily glanced at the steps of the probationary period, we must

của mình.

e. Samâdhâna (sự chuyên tâm)—sự nhất tâm bao gồm khả năng không bị xao nhãng khỏi con đường của mình bởi sự cám dỗ. Điều này tương ứng rất chặt chẽ với sự nhất trí đã được nói đến trong chương trước.

f. Saddhâ (niềm tin)—sự tin tưởng vào Chân sư của mình và vào chính mình: nghĩa là tin tưởng rằng Chân sư là một huấn sư có năng lực, và rằng, dù người môn sinh có cảm thấy thiếu tự tin về năng lực của chính mình đến đâu, y vẫn có trong mình tia sáng thiêng liêng đó, mà khi được quạt thành ngọn lửa, một ngày nào đó sẽ giúp y đạt được kết quả như Chân sư của mình đã làm.

Anuloma (trật tự trực tiếp hoặc sự kế tiếp, biểu thị rằng việc đạt được nó là hệ quả tự nhiên từ ba giai đoạn kia)—giai đoạn đạt được khát vọng mãnh liệt về sự giải thoát khỏi đời sống trần gian và về sự hợp nhất với đấng cao cả nhất, điều mà người Ấn Độ gọi là Mumukshatva.

Gotrabhû (điều kiện phù hợp để điểm đạo); trong giai đoạn này, ứng giả thu thập lại những gì đã đạt được trước đó và củng cố chúng đến mức độ cần thiết cho bước tiến lớn tiếp theo, bước sẽ đặt chân y lên con đường chính thức như một môn sinh được chấp nhận. Việc đạt được cấp độ này được theo sau rất nhanh chóng bởi cuộc điểm đạo vào cấp bậc tiếp theo. Trả lời cho câu hỏi, "Ai là Gotrabhû?" Đức Phật nói, "Người sở hữu những điều kiện mà ngay sau đó sự thánh hóa bắt đầu—người đó là Gotrabhû."

Sự minh triết cần thiết để tiếp nhận con đường thánh thiện được gọi là Gotrabhû-gñâna.

Sau khi chúng ta đã lướt qua các bước của giai đoạn dự bị, chúng ta phải nhấn mạnh

emphasize the point to which reference was made at the commencement—that the *perfect* attainment of these accomplishments and qualifications is not expected at this early stage. As Mr. Mohini says, "If all these are equally strong, adeptship is attained in the same incarnation." But such a result is of course extremely rare. It is in the direction of these acquirements that the candidate must ceaselessly strive, but it would be an error to suppose that no one has been admitted to the next step without possessing all of them in the fullest possible degree. Nor do they necessarily follow one another in the same definite order as the later steps; in fact, in many cases a man would be developing the various qualifications all at the same time—rather side by side than in regular succession.

điểm đã được đề cập ở phần đầu—rằng việc đạt được *hoàn hảo* những thành tựu và phẩm hạnh này không được mong đợi ở giai đoạn sớm này. Như Ông Mohini nói, "Nếu tất cả những điều này đều mạnh mẽ như nhau, thì địa vị chân sư sẽ đạt được ngay trong chính lần lâm phàm đó." Nhưng một kết quả như vậy tất nhiên là cực kỳ hiếm. Chính theo hướng của những thành tựu này mà ứng giả phải không ngừng nỗ lực, nhưng sẽ là một sai lầm nếu cho rằng không ai được chấp nhận vào bước tiếp theo mà không sở hữu tất cả chúng ở mức độ đầy đủ nhất có thể. Chúng cũng không nhất thiết phải theo sau nhau theo cùng một trật tự xác định như các bước sau này; trên thực tế, trong nhiều trường hợp, một người sẽ phát triển các phẩm hạnh khác nhau cùng một lúc—song hành với nhau hơn là theo một trình tự đều đặn.

It is obvious that a man might easily be working along a great part of this path even though he was quite unaware of its very existence, and no doubt many a good Christian, many an earnest freethinker is already far on the road that will eventually lead him to initiation, though he may never have heard the word occultism in his life. I mention these two classes especially, because in every other religion occult development is recognized as a possibility, and would certainly therefore be intentionally sought by those who felt yearnings for something more satisfactory than the exoteric faiths.

Rõ ràng là một người có thể dễ dàng đang tiến bước trên một phần lớn của con đường này ngay cả khi y hoàn toàn không biết về sự tồn tại của nó, và chắc chắn nhiều người Kitô hữu tốt lành, nhiều người tự do tư tưởng nhiệt thành đã đi xa trên con đường cuối cùng sẽ dẫn họ đến điểm đạo, mặc dù họ có thể chưa bao giờ nghe thấy từ huyền bí học trong đời. Tôi đặc biệt đề cập đến hai nhóm này, bởi vì trong mọi tôn giáo khác, sự phát triển huyền bí đều được công nhận là một khả năng, và do đó chắc chắn sẽ được tìm kiếm một cách có chủ đích bởi những người cảm thấy khao khát điều gì đó thỏa đáng hơn các đức tin ngoại giáo.

We must also note that the steps of this probationary period are not separated by initiations in the full sense of the word, though they will certainly be studded with tests and trials of all sorts and on all planes, and may be relieved by encouraging experiences, and by hints and help whenever these may safely be given. We are apt sometimes to use the word initiation somewhat loosely, as for example when it is applied to such tests as have just been

Chúng ta cũng cần lưu ý rằng các bước của giai đoạn dự bị này không được ngăn cách bởi các cuộc điểm đạo theo đúng nghĩa của từ này, mặc dù chúng chắc chắn sẽ đầy rẫy những bài kiểm tra và thử thách đủ loại và trên mọi cõi giới, và có thể được xoa dịu bởi những trải nghiệm khích lệ, cùng những gợi ý và sự giúp đỡ bất cứ khi nào chúng có thể được trao đi một cách an toàn. Đôi khi chúng ta có xu hướng sử dụng từ điểm đạo một cách hơi lỏng lẻo, chẳng hạn như khi áp dụng cho

mentioned; properly speaking it refers only to the solemn ceremony at which a pupil is formally admitted to a higher grade by an appointed official, who in the name of the One Initiator receives his plighted vow, and puts into his hands the new key of knowledge which he is to use on the level to which he has now attained. Such an initiation is taken at the entrance to the division which we shall next consider, and also at each passage from any one of its steps to the next.

những bài kiểm tra vừa được đề cập; nói một cách chính xác, nó chỉ đề cập đến nghi lễ trang trọng mà tại đó một môn sinh được chính thức chấp nhận vào một cấp bậc cao hơn bởi một viên chức được chỉ định, người nhân danh Đấng Điểm Đạo duy nhất tiếp nhận lời thề nguyện của y, và trao vào tay y chiếc chìa khóa tri thức mới mà y sẽ sử dụng ở cấp độ mà y vừa đạt tới. Một cuộc điểm đạo như vậy được thực hiện tại lối vào của phân đoạn mà chúng ta sẽ xem xét tiếp theo, và cũng tại mỗi bước chuyển tiếp từ bất kỳ giai đoạn nào sang giai đoạn kế tiếp.

CHAPTER XVI

The Path Proper—Con Đường Chính Thức

IT is in the four stages of this division of the path that the ten Samyojana, or fetters which bind man to the circle of rebirth and hold him back from Nirvâna, must be cast off. And here comes the difference between this period of pledged discipleship and the previous probation. No partial success in getting rid of these fetters is sufficient now; before a candidate can pass on from one of the steps to the next he must be *entirely* free from certain of these clogs; and when they are enumerated it will be seen how far-reaching this requirement is, and there will be little cause to wonder at the statement made in the sacred books that seven incarnations are sometimes required to pass through this division of the path.

Chính trong bốn giai đoạn của phân đoạn này trên con đường mà mười Samyojana, hay những xiềng xích trói buộc con người vào vòng tái sinh và ngăn cản y khỏi Niết Bàn, phải được rũ bỏ. Và ở đây có sự khác biệt giữa giai đoạn địa vị đệ tử có lời thề này và giai đoạn dự bị trước đó. Giờ đây, không một thành công phiến diện nào trong việc loại bỏ những xiềng xích này là đủ; trước khi một ứng giả có thể chuyển từ bước này sang bước tiếp theo, y phải *hoàn toàn* thoát khỏi một số trở ngại nhất định; và khi chúng được liệt kê, người ta sẽ thấy yêu cầu này sâu rộng đến mức nào, và sẽ có rất ít lý do để ngạc nhiên trước tuyên bố trong các sách thiêng liêng rằng đôi khi cần đến bảy lần lâm phàm để đi qua phân đoạn này của con đường.

Each of these four steps or stages is again divided into four: for each has (1) its Maggo, or way, during which the student is striving to cast off the fetters; (2) its Phala (result or fruit) when he finds the results of his action in so doing showing themselves more and more; (3) its Bhavagga or consummation, the period when, the result having culminated, he is able to fulfil satisfactorily the work belonging to the step on which he

Mỗi bước trong bốn bước hoặc giai đoạn này lại được chia thành bốn: vì mỗi bước đều có (1) Maggo, hay con đường, trong đó đạo sinh nỗ lực rũ bỏ các xiềng xích; (2) Phala (kết quả hoặc thành quả) khi y thấy kết quả hành động của mình trong việc đó hiển lộ ngày càng nhiều; (3) Bhavagga hay sự hoàn tất, giai đoạn mà khi kết quả đã đạt đến đỉnh điểm, y có thể hoàn thành thỏa đáng công việc thuộc về bước mà y hiện đang đứng

now firmly stands; and (4) its Gotrabhû, meaning, as before, the time when he arrives at a fit state to receive the next initiation. The first stage is:

vững; và (4) Gotrabhû, nghĩa là, như trước đây, thời điểm y đạt đến trạng thái phù hợp để nhận cuộc điểm đạo tiếp theo. Giai đoạn đầu tiên là:

Sotâpatti or Sohan. The pupil who has attained this level is spoken of as the Sowani or Sotâpanna—"he who has entered the stream,—"because from this period, though he may linger, though he may succumb to more refined temptations and turn aside from his course for a time, he can no longer fall back altogether from spirituality and become a mere worldling. He has entered upon the stream of definite higher human evolution, upon which all humanity must enter by the middle of the next round, unless they are to be left behind as temporary failures by the great life-wave, to wait for further progress until the next chain of worlds.

Sotâpatti hay Sohan. Môn sinh đạt được cấp độ này được gọi là Sowani hay Sotâpanna —"người đã nhập dòng,"—bởi vì từ giai đoạn này, mặc dù y có thể nán lại, mặc dù y có thể gục ngã trước những cám dỗ tinh vi hơn và đi chệch khỏi lộ trình của mình trong một thời gian, y không còn có thể rơi hoàn toàn khỏi tinh thần và trở thành một kẻ phàm tục thuần túy. Y đã bước vào dòng thăng thượng tiến hóa nhân loại xác định, mà toàn thể nhân loại phải bước vào vào giữa cuộc tuần hoàn tiếp theo, trừ khi họ bị bỏ lại phía sau như những thất bại tạm thời của làn sóng sự sống vĩ đại, để chờ đợi sự tiến bộ tiếp theo cho đến dãy các thế giới kế tiếp.

The pupil who is able to take this initiation has therefore already outstripped the majority of humanity to the extent of an entire round of all our seven planets, and in doing so has definitely secured himself against the possibility of falling out of the stream in the fifth round. He is consequently sometimes spoken of as "the saved" or "the safe one." It is from a misunderstanding of this idea that there arises the curious theory of salvation promulgated by a certain section of the Christian community. The "æonian salvation" of which some of its documents speak is not, as has been blasphemously supposed by the ignorant, from eternal torture, but simply from wasting the rest of this æon or dispensation by falling out of its line of progress. This also is the meaning, naturally, of the celebrated clause in the Athanasian Creed, "Whosoever will be saved, before all things it is necessary that he hold the catholic faith" (See *The Christian Creed,* p.91). The fetters which he must cast off before he can pass into the next stage are:

Môn sinh có thể nhận cuộc điểm đạo này do đó đã vượt qua đa số nhân loại ở mức độ tương đương một cuộc tuần hoàn trọn vẹn qua tất cả bảy hành tinh của chúng ta, và khi làm như vậy, y đã chắc chắn bảo vệ mình khỏi khả năng rơi ra khỏi dòng chảy trong cuộc tuần hoàn thứ năm. Do đó, đôi khi y được gọi là "người được cứu rỗi" hoặc "người an toàn." Chính từ sự hiểu lầm về ý tưởng này mà nảy sinh lý thuyết kỳ lạ về sự cứu rỗi được truyền bá bởi một bộ phận nhất định trong cộng đồng Kitô giáo. "Sự cứu rỗi vĩnh hằng" mà một số tài liệu của họ nói đến không phải là thoát khỏi sự tra tấn vĩnh viễn như những kẻ thiếu hiểu biết đã giả định một cách báng bổ, mà đơn giản là thoát khỏi việc lãng phí phần còn lại của đại kỷ nguyên hoặc thời kỳ này do rơi ra khỏi lộ trình tiến bộ của nó. Đây cũng là ý nghĩa, một cách tự nhiên, của điều khoản nổi tiếng trong Kinh Tin Kính Athanasius: "Bất cứ ai muốn được cứu rỗi, trước hết mọi sự, cần phải giữ đức tin phổ quát" (Xem *The Christian Creed,* tr.91). Những xiềng xích mà y phải rũ bỏ trước khi có thể bước sang giai đoạn tiếp theo là:

Sakkâyaditthi—the delusion of self.

Vichikichchhâ—doubt or uncertainty.

Sîlabbataparâmâsa—superstition.

The first of these is the "I am I" consciousness, which as connected with the *personality* is nothing but an illusion, and must be got rid of at the very first step of the real upward path. But to cast off this fetter completely means even more than this, for it involves the realization of the fact that the individuality also is in very truth one with the All, that it can therefore never have any interests opposed to those of its brethren, and that it is most truly progressing when it most assists the progress of others.

For the very sign and seal of the attainment of the Sotâpatti level is the first entrance of the pupil into the plane next above the mental—that which we usually call the buddhic. It may be—nay, it will be—the merest touch of the lowest sub-plane of that stupendously exalted condition that the pupil can as yet experience, even with his Master's help; but even that touch is something that can never be forgotten—something that opens a new world before him, and entirely revolutionizes his feelings and conceptions. Then for the first time, by means of the extended consciousness of that plane, he truly realizes the underlying unity of all, not as an intellectual conception merely, but as a definite fact that is patent to his opened eyes; then first he really knows something of the world in which he lives—then first he gets some slight glimpse of what the love and compassion of the great Masters must be.

As to the second fetter, a word of caution is necessary. We who have been trained in European habits of thought are unhappily so familiar with the idea that a blind

Sakkâyaditthi—ảo tưởng về cái tôi.

Vichikichchhâ—sự nghi ngờ hoặc không chắc chắn.

Sîlabbataparâmâsa—sự mê tín.

Xiềng xích đầu tiên trong số này là tâm thức "Tôi là tôi", mà khi kết nối với *phàm ngã* thì không gì khác ngoài một ảo tưởng, và phải được loại bỏ ngay tại bước đầu tiên của con đường đi lên thực sự. Nhưng rũ bỏ hoàn toàn xiềng xích này còn hàm ý nhiều hơn thế, vì nó liên quan đến việc chứng nghiệm sự thật rằng cá tính cũng thực sự là một với cái Toàn Thể, rằng do đó nó không bao giờ có thể có bất kỳ lợi ích nào đối với các huynh đệ của mình, và rằng nó đang tiến bộ thực sự nhất khi nó hỗ trợ nhiều nhất cho sự tiến bộ của những người khác.

Vì chính dấu hiệu và ấn chứng của việc đạt được cấp độ Sotâpatti là lần đầu tiên môn sinh bước vào cõi ngay trên cõi trí—cõi mà chúng ta thường gọi là cõi Bồ đề. Đó có thể là—thậm chí chắc chắn là—chỉ một sự chạm nhẹ vào cõi phụ thấp nhất của trạng thái cao siêu tột bậc đó mà môn sinh có thể trải nghiệm được, ngay cả với sự giúp đỡ của Chân sư; nhưng ngay cả sự chạm nhẹ đó cũng là điều không bao giờ có thể quên được—điều gì đó mở ra một thế giới mới trước mắt y, và hoàn toàn cách mạng hóa cảm xúc và quan niệm của y. Khi đó, lần đầu tiên, bằng phương tiện tâm thức mở rộng của cõi giới đó, y thực sự chứng nghiệm sự hợp nhất căn bản của tất cả, không chỉ như một quan niệm trí tuệ, mà như một sự thật hiển nhiên trước đôi mắt đã mở của y; khi đó lần đầu tiên y thực sự biết điều gì đó về thế giới mà y đang sống—khi đó lần đầu tiên y có được cái nhìn thoáng qua về tình thương và lòng từ bi của các Chân sư vĩ đại phải như thế nào.

Đối với xiềng xích thứ hai, một lời cảnh báo là cần thiết. Chúng ta, những người đã được đào tạo theo thói quen tư duy châu Âu, thật không may đã quá quen thuộc với ý tưởng

unreasoning adhesion to certain dogmas may be claimed from a disciple, that or hearing that occultism considers *doubt* as an obstacle to progress, we are likely to suppose that it also requires the same unquestioning faith from its followers as modern superstitions do. No idea could be more certainly false.

rằng một sự bám víu mù quáng không lý trí vào một số giáo điều có thể được yêu cầu từ một đệ tử, đến mức khi nghe rằng huyền bí học coi *sự nghi ngờ* là một trở ngại cho sự tiến bộ, chúng ta có khả năng cho rằng nó cũng yêu cầu cùng một niềm tin không thắc mắc từ những người theo đuổi nó như những sự mê tín hiện đại. Không có ý tưởng nào có thể sai lầm hơn thế.

It is true that doubt (or rather uncertainty) on certain questions is a bar to spiritual progress, but the antidote to that doubt is not blind faith (which is itself considered as a fetter, as will presently be seen) but the certainty of conviction founded on individual experiment or mathematical reasoning. While a child doubted the accuracy of the multiplication table he would hardly acquire proficiency in the higher mathematics; but his doubts could be satisfactorily cleared up only by his attaining a comprehension, founded on reasoning or experiment, that the statements contained in the table are true. He believes that twice two are four, not merely because he has been told so, but because it has become to him a self-evident fact. And this is exactly the method, and the only method, of resolving doubt known to occultism.

Đúng là sự nghi ngờ (hay đúng hơn là sự không chắc chắn) về một số vấn đề là rào cản đối với sự tiến bộ tinh thần, nhưng liều thuốc giải cho sự nghi ngờ đó không phải là niềm tin mù quáng (thứ mà bản thân nó cũng được coi là một xiềng xích, như sẽ thấy sau đây) mà là sự chắc chắn của niềm tin dựa trên thực nghiệm cá nhân hoặc lý luận toán học. Chừng nào một đứa trẻ còn nghi ngờ độ chính xác của bảng cửu chương, nó khó có thể đạt được sự thành thạo trong toán học cao cấp; nhưng những nghi ngờ của nó chỉ có thể được giải tỏa thỏa đáng khi nó đạt được sự thấu hiểu, dựa trên lý luận hoặc thực nghiệm, rằng các tuyên bố trong bảng là đúng. Nó tin rằng hai lần hai là bốn, không chỉ vì nó được bảo như vậy, mà vì điều đó đã trở thành một sự thật hiển nhiên đối với nó. Và đây chính xác là phương pháp, và là phương pháp duy nhất, để giải quyết sự nghi ngờ được biết đến trong huyền bí học.

Vichikichchhâ has been defined as doubt of the doctrines of karma and reincarnation, and of the efficacy of the method of attaining the highest good by this path of holiness; and the casting off of this Samyojana is the arriving at absolute certainty, based either upon personal first-hand knowledge or upon reason, that the occult teaching upon these points is true.

Vichikichchhâ đã được định nghĩa là sự nghi ngờ về các giáo lý nghiệp quả và tái sinh, và về hiệu quả của phương pháp đạt được điều thiện cao nhất bằng con đường thánh thiện này; và việc rũ bỏ Samyojana này là đạt đến sự chắc chắn tuyệt đối, dựa trên kiến thức trực tiếp cá nhân hoặc dựa trên lý trí, rằng giáo huấn huyền môn về những điểm này là đúng.

The third fetter to be got rid of comprehends all kinds of unreasoning or mistaken belief, all dependence on the efficacy of outward rites and ceremonies to purify the heart. He who would cast it off must learn to depend upon himself alone, not upon others, nor

Xiềng xích thứ ba cần loại bỏ bao gồm tất cả các loại niềm tin không lý trí hoặc sai lầm, tất cả sự phụ thuộc vào hiệu quả của các nghi lễ và nghi thức bên ngoài để thanh lọc trái tim. Người muốn rũ bỏ nó phải học cách chỉ dựa vào chính mình, không dựa vào người khác,

upon the outer husk of any religion.

cũng không dựa vào lớp vỏ bên ngoài của bất kỳ tôn giáo nào.

The first three fetters are in a coherent series. The difference between individuality and personality being fully realized, it is then possible to some extent to appreciate the actual course of reincarnation, and so as to dispel all doubt on that head. This done, the knowledge of the spiritual permanence of the true ego gives rise to reliance on one's own spiritual strength, and so dispels superstition.

Ba xiềng xích đầu tiên nằm trong một chuỗi mạch lạc. Khi sự khác biệt giữa cá tính và phàm ngã được chứng nghiệm đầy đủ, thì ở một mức độ nào đó có thể đánh giá được tiến trình thực sự của sự tái sinh, và do đó xua tan mọi nghi ngờ về phương diện đó. Khi điều này được thực hiện, kiến thức về sự trường tồn tinh thần của chân ngã thực sự sẽ làm nảy sinh sự tin cậy vào sức mạnh tinh thần của chính mình, và do đó xua tan mê tín.

II. Sakadâgâmî. The pupil who has entered upon this second stage is spoken of as a Sakridâgâmin—"the man who returns but once"—signifying that a man who has reached this level should need but one more incarnation before attaining arahatship. At this step no additional fetters are cast off, but the pupil is occupied in reducing to a minimum those which still enchain him. It is, however, usually a period of considerable psychic and intellectual advancement.

II. Sakadâgâmî. Môn sinh đã bước vào giai đoạn thứ hai này được gọi là Sakridâgâmin —"người chỉ trở lại một lần"—biểu thị rằng một người đã đạt đến cấp độ này chỉ cần thêm một lần lâm phàm nữa trước khi đạt được địa vị arahat. Ở bước này, không có xiềng xích bổ sung nào được rũ bỏ, nhưng môn sinh bận rộn với việc giảm thiểu đến mức tối đa những xiềng xích vẫn còn trói buộc mình. Tuy nhiên, đây thường là một giai đoạn thăng tiến đáng kể về thông linh và trí tuệ.

If what are commonly called psychic faculties have not been previously acquired, they must be developed at this stage, as without them it would be impossible to assimilate the knowledge which must now be given, or to do the higher work for humanity in which the pupil is now privileged to assist. He must have the astral consciousness at his command during his physical waking life, and during sleep the heaven-world will be open before him—for the consciousness of a man when away from his physical body is always one stage higher than it is while he is still burdened with the house of flesh.

Nếu những gì thường được gọi là các năng lực thông linh chưa đạt được trước đó, chúng phải được phát triển ở giai đoạn này, vì nếu không có chúng thì không thể hấp thụ được kiến thức phải được trao lúc này, hoặc thực hiện công việc cao hơn cho nhân loại mà môn sinh hiện đang có đặc ân hỗ trợ. Y phải có tâm thức cảm dục theo ý muốn trong đời sống thức tỉnh hồng trần của mình, và trong khi ngủ, cõi thượng thiên sẽ mở ra trước mắt y—vì tâm thức của một người khi rời khỏi thể xác luôn cao hơn một cấp so với khi y còn bị gánh nặng bởi ngôi nhà bằng xương thịt.

III. Anâgâmi. The Anâgâmin (he who does not return) is so called because, having reached this stage, he ought to be able to attain the next one in the life he is then living. He enjoys, while moving through the

III. Anâgâmi. Anâgâmin (người không trở lại) được gọi như vậy bởi vì, khi đã đạt đến giai đoạn này, y có thể đạt được giai đoạn tiếp theo ngay trong cuộc đời y đang sống. Y tận hưởng, trong khi di chuyển qua các công việc

round of his daily work, all the splendid possibilities of progress given by the full possession of the priceless faculties of the heaven-world, and when he leaves his physical vehicle at night he enters once more into the wonderfully-widened consciousness that belongs to the buddhi. In this step he finally gets rid of any lingering remains of the two fetters of

hàng ngày của mình, tất cả những khả năng tiến bộ huy hoàng được trao bởi sự sở hữu đầy đủ các năng lực vô giá của cõi thượng thiên, và khi y rời khỏi vận cụ hồng trần vào ban đêm, y một lần nữa bước vào tâm thức được mở rộng tuyệt vời thuộc về bồ đề. Trong bước này, cuối cùng y rũ bỏ được bất kỳ tàn dư nào còn sót lại của hai xiềng xích là

Kâmarâga—attachment to the enjoyment of sensation, typified by earthly love, and

Kâmarâga—sự bám víu vào việc hưởng thụ cảm giác, điển hình là tình yêu trần thế, và

Patigha—all possibility of anger or hatred.

Patigha—mọi khả năng giận dữ hoặc thù hận.

The student who has cast off these fetters can no longer be swayed by the influence of his senses either in the direction of love or hatred, and is free from either attachment to or impatience of physical plane conditions.

Đạo sinh đã rũ bỏ những xiềng xích này không còn có thể bị lay chuyển bởi ảnh hưởng của các giác quan của mình dù theo hướng yêu hay ghét, và thoát khỏi sự bám víu hoặc sự thiếu kiên nhẫn đối với các điều kiện cõi hồng trần.

Here again we must guard against a possible misconception—one with which we frequently meet. The purest and noblest human love *never* dies away—is *never* in any way diminished by occult training; on the contrary, it is increased and widened until it embraces all with the same fervour which at first was lavished on one or two. But the student does in time rise above all considerations connected with the mere *personality* of those around him, and so is free from all the injustice and partiality which ordinary love so often brings in its train.

Ở đây một lần nữa chúng ta phải đề phòng một sự hiểu lầm có thể xảy ra—một điều mà chúng ta thường gặp. Tình yêu nhân loại thuần khiết và cao quý nhất *không bao giờ* mất đi—*không bao giờ* bị giảm bớt dưới bất kỳ hình thức nào bởi sự rèn luyện huyền môn; ngược lại, nó được tăng lên và mở rộng cho đến khi nó ôm trọn tất cả với cùng một sự nhiệt thành mà ban đầu chỉ dành cho một hoặc hai người. Nhưng đạo sinh theo thời gian sẽ vượt lên trên mọi sự xem xét liên quan đến *phàm ngã* thuần túy của những người xung quanh, và do đó thoát khỏi mọi sự bất công và thiên vị mà tình yêu thông thường thường mang lại theo sau nó.

Nor should it for a moment be supposed that in gaining this wide affection for all he loses the especial love for his closer friends. The unusually perfect link between Ânanda and the Buddha, as between S. John and Jesus, is on record to prove that on the contrary this is enormously intensified; and the tie between a Master and his pupils is stronger far than any earthly bond. For the affection

Cũng không nên cho rằng dù chỉ một khoảnh khắc rằng khi có được tình cảm rộng lớn này cho tất cả, y sẽ mất đi tình yêu đặc biệt dành cho những người bạn thân thiết của mình. Mối liên kết hoàn hảo bất thường giữa Ânanda và Đức Phật, cũng như giữa Thánh John và Đức Jesus, đã được ghi lại để chứng minh rằng ngược lại, điều này được tăng cường vô cùng; và mối dây liên kết giữa một

which flourishes upon the path of holiness is an affection between egos, and not merely between personalities; therefore it is strong and permanent, without fear of diminution or fluctuation, for it is that "perfect love which casteth out fear."

Chân sư và các đệ tử của Ngài còn mạnh mẽ hơn nhiều so với bất kỳ mối ràng buộc trần thế nào. Vì tình cảm nảy nở trên con đường thánh thiện là tình cảm giữa các chân ngã, chứ không chỉ giữa các phàm ngã; do đó nó mạnh mẽ và vĩnh cửu, không sợ bị giảm bớt hay dao động, vì đó là "tình yêu hoàn hảo xua tan nỗi sợ hãi."

IV. Arahat (the venerable, the perfect). On attaining this level the aspirant constantly enjoys the consciousness of the buddhic plane, and is able to use its powers and faculties while still in the physical body; and when he leaves that body in sleep or trance he passes at once into the unutterable glory of the nirvânic plane. In this stage the occultist must cast off the last remains of the five remaining fetters, which are:

IV. Arahat (bậc đáng kính, bậc hoàn hảo). Khi đạt đến cấp độ này, người chí nguyện liên tục tận hưởng tâm thức của cõi Bồ đề, và có thể sử dụng các quyền năng và năng lực của nó khi vẫn còn trong thể xác; và khi y rời bỏ thể xác đó trong khi ngủ hoặc xuất thần, y bước ngay vào vinh quang không thể diễn tả của cõi Niết Bàn. Trong giai đoạn này, nhà huyền bí học phải rũ bỏ những tàn dư cuối cùng của năm xiềng xích còn lại, đó là:

Rûparâga—desire for beauty of form or for physical existence in a form, even including that in the heaven-world.

Rûparâga—ham muốn vẻ đẹp của hình tướng hoặc ham muốn sự tồn tại hồng trần trong một hình tướng, thậm chí bao gồm cả hình tướng trong cõi thượng thiên.

Arûparâga—desire for formless life

Arûparâga—ham muốn đời sống vô hình tướng.

Mâno—pride.

Mâno—kiêu mạn.

Uddhachcha—agitation or irritability.

Uddhachcha—sự xao động hoặc cáu kỉnh.

10.Avijjâ—ignorance.

10.Avijjâ—vô minh.

On this we may remark that the casting off of Rûparâga involves not only getting rid of desire for earthly life, however grand or noble that life may be, and astral or devachanic life, however glorious, but also of all liability to be unduly influenced or repelled by the external beauty or ugliness of any person or thing.

Về điều này, chúng ta có thể nhận xét rằng việc rũ bỏ Rûparâga không chỉ liên quan đến việc loại bỏ ham muốn đời sống trần gian, dù đời sống đó có vĩ đại hay cao quý đến đâu, và đời sống cảm dục hay devachan, dù huy hoàng đến đâu, mà còn loại bỏ mọi khả năng bị ảnh hưởng quá mức hoặc bị xua đuổi bởi vẻ đẹp hay vẻ xấu xí bên ngoài của bất kỳ người hay vật nào.

Arûparâga—desire for life either in the highest and formless planes of the heaven-world or in the still more exalted buddhic plane -would be merely a higher and less sensual form of selfishness, and must be cast

Arûparâga—ham muốn đời sống ở các cõi vô hình tướng cao nhất của cõi thượng thiên hoặc ở cõi Bồ đề thậm chí còn cao siêu hơn - sẽ chỉ là một hình thức ích kỷ cao hơn và ít cảm tính hơn, và phải được rũ bỏ cũng nhiều

off just as much as the lower. Uddhachcha really means "liability to be disturbed in mind," and a man who had finally cast off this fetter would be absolutely unruffled by anything whatever that might happen to him—perfectly impervious to any kind of attack upon his dignified serenity.

như những gì thấp hơn. Uddhachcha thực sự có nghĩa là "khả năng bị xáo trộn trong tâm trí," và một người đã cuối cùng rũ bỏ được xiềng xích này sẽ hoàn toàn không nao núng trước bất cứ điều gì có thể xảy ra với mình—hoàn toàn không bị ảnh hưởng bởi bất kỳ loại tấn công nào vào sự tĩnh lặng trang nghiêm của mình.

The getting rid of ignorance of course implies the acquisition of perfect knowledge—practical omniscience as regards our planetary chain. When all the fetters are finally cast off the advancing ego reaches the fifth stage—the stage of full adeptship—and becomes.

Việc loại bỏ vô minh tất nhiên hàm ý việc đạt được kiến thức hoàn hảo—sự toàn tri thực tế liên quan đến dãy hành tinh của chúng ta. Khi tất cả các xiềng xích cuối cùng được rũ bỏ, chân ngã đang tiến bước sẽ đạt đến giai đoạn thứ năm—giai đoạn của địa vị chân sư đầy đủ—và trở thành.

V. Asekha, "the one who has no more to learn," again as regards our planetary chain. It is quite impossible for us to realize at our present level what this attainment means. All the splendor of the nirvânic plane lies open before the waking eyes of the adept, while when he chooses to leave his body he has the power to enter upon something higher still—a plane which to us is the merest name. As Professor Rhys Davids explains, "He is now free from all sin; he sees and values all things in this life and their true value; all evil being rooted from his mind he experiences only righteous desires for himself and tender pity and regard and exalted love for others."

V. Asekha, "người không còn gì để học nữa," một lần nữa liên quan đến dãy hành tinh của chúng ta. Hoàn toàn không thể để chúng ta nhận ra ở cấp độ hiện tại của mình ý nghĩa của thành tựu này. Tất cả sự huy hoàng của cõi Niết Bàn đều mở ra trước đôi mắt thức tỉnh của chân sư, trong khi khi Ngài chọn rời bỏ thể xác, Ngài có quyền năng bước vào một điều gì đó còn cao hơn nữa—một cõi giới mà đối với chúng ta chỉ là một cái tên thuần túy. Như Giáo sư Rhys Davids giải thích, "Ngài giờ đây thoát khỏi mọi tội lỗi; Ngài nhìn thấy và đánh giá mọi sự trong cuộc đời này và giá trị thực sự của chúng; mọi điều ác đã bị nhổ tận gốc khỏi tâm trí, Ngài chỉ trải nghiệm những ham muốn chính đáng cho chính mình và lòng trắc ẩn dịu dàng, sự quan tâm cùng tình yêu cao cả dành cho những người khác."

To show how little he has lost the sentiment of love, we read in the Metta Sutta of the state of mind of one who stands at this level: "As a mother loves, who even at the risk of her own life protects her only son, such love let there be toward all beings. Let goodwill without measure prevail in the whole world, above, below, around, unstinted, unmixed with any feeling of differing or opposing interests. When a man remains steadfastly in this state of mind all the while, whether he be standing or walking, sitting or lying

Để cho thấy Ngài ít đánh mất tình cảm yêu thương như thế nào, chúng ta đọc trong Kinh Metta Sutta về trạng thái tâm trí của một người đứng ở cấp độ này: "Như một người mẹ yêu thương, người thậm chí hy sinh cả mạng sống mình để bảo vệ đứa con trai duy nhất, hãy để tình yêu như vậy hướng về tất cả chúng sinh. Hãy để thiện chí không giới hạn lan tỏa khắp thế gian, trên, dưới, xung quanh, không hạn chế, không pha trộn với bất kỳ cảm giác khác biệt hay đối lập về lợi ích nào. Khi một người kiên định trong trạng

down, then is come to pass the saying which is written, 'Even in this life has holiness been found.' "

thái tâm trí này suốt thời gian, dù đang đứng hay đi, đang ngồi hay nằm, thì khi đó lời dạy đã được viết ra sẽ ứng nghiệm, 'Ngay trong cuộc đời này, sự thánh thiện đã được tìm thấy.' "

CHAPTER XVII

What Lies Beyond—Những Gì Nằm Phía Sau

BEYOND this period it is obvious that we can know nothing of the new qualifications required for the still higher levels which yet lie before the perfect man. It is abundantly clear, however, that when man has become Asekha he has exhausted all the possibilities of moral development, so that further advancement for him can only mean still wider knowledge and still more wonderful spiritual powers. We are told that when man has thus attained his spiritual majority, whether in the slow course of evolution or by the shorter path of self-development he assumes the fullest control of his own destinies and makes choice of his future line of evolution among seven possible paths which he sees opening before him.

Vượt ra ngoài giai đoạn này, rõ ràng là chúng ta không thể biết gì về những phẩm hạnh mới cần thiết cho các cấp độ thậm chí còn cao hơn nữa vẫn còn nằm phía trước con người hoàn hảo. Tuy nhiên, hoàn toàn rõ ràng rằng khi con người đã trở thành Asekha, y đã cạn kiệt tất cả các khả năng phát triển đạo đức, do đó sự thăng tiến xa hơn đối với Ngài chỉ có thể có nghĩa là kiến thức rộng lớn hơn và những quyền năng tinh thần tuyệt vời hơn nữa. Chúng ta được biết rằng khi con người đã đạt đến sự trưởng thành về tinh thần như vậy, dù trong tiến trình tiến hóa chậm chạp hay bằng con đường tự phát triển ngắn hơn, Ngài sẽ đảm nhận sự kiểm soát đầy đủ nhất đối với vận mệnh của chính mình và đưa ra lựa chọn cho dòng tiến hóa tương lai của mình trong số bảy con đường khả thi mà Ngài thấy đang mở ra trước mắt.

Naturally at our present level we cannot expect to understand much about these, and the faint outline of some of them which is all that can be sketched in for us conveys very little to the mind, except that most of them take the adept altogether away from our earth-chain, which no longer affords sufficient scope for his evolution.

Một cách tự nhiên, ở cấp độ hiện tại, chúng ta không thể mong đợi thấu hiểu nhiều về những điều này, và phác thảo mờ nhạt về một số con đường trong đó là tất cả những gì có thể được phác họa cho chúng ta, truyền tải rất ít đến tâm trí, ngoại trừ việc hầu hết chúng đưa chân sư rời xa hẳn dãy địa cầu của chúng ta, nơi không còn cung cấp đủ phạm vi cho sự tiến hóa của Ngài nữa.

One path is that of those who, as the technical phrase goes, "accept Nirvâna." Through what incalculable æons they remain in that sublime condition, for what work they are preparing themselves, what will be their future line of evolution, are

Một con đường là của những người, như cụm từ chuyên môn nói, "chấp nhận Niết Bàn." Qua những đại kỷ nguyên không thể tính thấu, họ ở lại trong trạng thái cao siêu đó, họ đang chuẩn bị cho công việc gì, dòng tiến hóa tương lai của họ sẽ ra sao, là những câu hỏi

questions upon which we know nothing; and indeed if information upon such points could be given it is more than likely that it would prove quite incomprehensible to us at our present stage.

mà chúng ta không biết gì cả; và thực sự nếu thông tin về những điểm như vậy có thể được trao đi, rất có thể nó sẽ chứng tỏ là hoàn toàn không thể hiểu nổi đối với chúng ta ở giai đoạn hiện tại.

But this much at least we may grasp—that the blessed state of Nirvâna is not, as some have ignorantly supposed, a condition of blank nothingness, but on the contrary of far more intense and beneficent activity; and that ever as man rises higher in the scale of nature his possibilities become greater, his work for others ever grander and more far-reaching, and that infinite wisdom and infinite power mean for him only infinite capacity for service, because they are directed by infinite love.

Nhưng ít nhất chúng ta có thể nắm bắt được điều này—rằng trạng thái chân phúc của Niết Bàn không phải, như một số người thiếu hiểu biết đã giả định, là một trạng thái hư vô trống rỗng, mà ngược lại là một hoạt động mãnh liệt và có lợi hơn nhiều; và rằng khi con người càng lên cao trong thang bậc của thiên nhiên, các khả năng của Ngài càng trở nên lớn hơn, công việc của Ngài cho những người khác càng vĩ đại và sâu rộng hơn, và minh triết vô hạn cùng quyền năng vô hạn đối với Ngài chỉ có nghĩa là khả năng phụng sự vô hạn, bởi vì chúng được dẫn dắt bởi tình thương vô hạn.

Another class chooses a spiritual evolution not quite so far removed from humanity, for though not directly connected with the next chain of our system it extends through two long periods corresponding to its first and second rounds, at the end of which time they also appear to "accept Nirvâna," but at a higher stage than those previously mentioned.

Một nhóm khác chọn một sự tiến hóa tinh thần không quá xa rời nhân loại, vì mặc dù không kết nối trực tiếp với dãy tiếp theo của hệ thống chúng ta, nó kéo dài qua hai giai đoạn dài tương ứng với các cuộc tuần hoàn thứ nhất và thứ hai của nó, mà vào cuối thời gian đó họ cũng dường như "chấp nhận Niết Bàn," nhưng ở một giai đoạn cao hơn những người đã đề cập trước đó.

Others join the deva evolution, whose progress lies along a grand chain consisting of seven chains like ours, each of which to them is as one world. This line of evolution is spoken of as the most gradual and therefore the least arduous of the seven courses; but though it is sometimes referred to in the books as "yielding to the temptation to become a god." it is only in comparison with the sublime height of renunciation of the Nirmânakâya that it can be spoken of in this half-disparaging manner, for the adept who chooses this course has indeed a glorious career before him, and though the path which he selects is not the shortest, it is nevertheless a very noble one.

Những người khác gia nhập vào sự tiến hóa thiên thần, mà sự tiến bộ của họ nằm dọc theo một dãy vĩ đại bao gồm bảy dãy như của chúng ta, mỗi dãy đối với họ như một thế giới. Dòng tiến hóa này được nói đến như là dòng tiến hóa dần dần nhất và do đó ít gian khổ nhất trong bảy lộ trình; nhưng mặc dù đôi khi nó được nhắc đến trong các sách như là "nhượng bộ trước sự cám dỗ để trở thành một vị thần," thì chỉ khi so sánh với đỉnh cao siêu việt của sự từ bỏ của các Nirmânakâya, nó mới có thể được nói đến theo cách hơi xem nhẹ này, vì chân sư chọn lộ trình này thực sự có một sự nghiệp huy hoàng phía trước, và mặc dù con đường Ngài chọn không phải là ngắn nhất, nhưng nó vẫn là một con đường

rất cao quý.

Yet another group are the Nirmânakâyas—those who, declining all these easier methods, choose the shortest but steepest path to the heights which still lie before them. They form what is poetically termed the "guardian wall," and, as *The Voice of the Silence* tells us, "protect the world from further and far greater misery and sorrow," not indeed by warding off from it external evil influences, but by devoting all their strength to the work of pouring down upon it a flood of spiritual force and assistance without which it would assuredly be in far more hopeless case than now.

Lại có một nhóm khác là các Nirmânakâya—những người từ chối tất cả các phương pháp dễ dàng này, chọn con đường ngắn nhất nhưng dốc nhất để đến những đỉnh cao vẫn còn nằm phía trước họ. Họ tạo thành cái được gọi một cách thi vị là "bức tường bảo vệ," và như *Tiếng Nói của Im Lặng* cho chúng ta biết, "bảo vệ thế giới khỏi sự khốn khổ và đau buồn xa hơn và lớn hơn nhiều," thực sự không phải bằng cách ngăn chặn các ảnh hưởng xấu bên ngoài tác động lên nó, mà bằng cách dành tất cả sức mạnh của mình cho công việc tuôn đổ xuống nó một dòng thác mãnh lực tinh thần và sự hỗ trợ mà nếu không có nó, thế giới chắc chắn sẽ rơi vào tình trạng vô vọng hơn nhiều so với hiện nay.

Yet again there are those who remain even more directly in association with humanity, and continue to incarnate among it, choosing the path which leads through the four stages of what we have called above the official period; and among these are the Masters of Wisdom—those from whom we who study Theosophy have learnt such fragments as we know of the mighty harmony of evolving Nature. But it would seem that only a certain comparatively small number adopt this course—probably only so many as are necessary for the carrying on of this physical side of the work.

Lại có những người ở lại liên kết trực tiếp hơn nữa với nhân loại, và tiếp tục lâm phàm giữa họ, chọn con đường dẫn qua bốn giai đoạn của cái mà chúng ta đã gọi ở trên là giai đoạn chính thức; và trong số này có các Chân sư Minh Triết—những Đấng mà từ đó chúng ta, những người nghiên cứu Thông Thiên Học, đã học được những mảnh vụn mà chúng ta biết về sự hài hòa hùng vĩ của Thiên Nhiên đang tiến hóa. Nhưng có vẻ như chỉ một số lượng tương đối nhỏ chọn lộ trình này—có lẽ chỉ đủ số lượng cần thiết cho việc thực hiện khía cạnh hồng trần này của công việc.

In hearing of these different possibilities, people sometimes exclaim rashly that there could of course be no thought in a Master's mind of choosing any but that course which most helps humanity—a remark which greater knowledge would have prevented them from making. We should never forget that there are other evolutions in the solar system besides our own, and no doubt it is necessary for the carrying out of the vast plan of the Logos that there should be adepts working on all the seven lines to which we have referred. Surely the choice of the

Khi nghe về những khả năng khác nhau này, mọi người đôi khi thốt lên một cách hấp tấp rằng tất nhiên không thể có ý nghĩ nào trong tâm trí một Chân sư về việc chọn bất kỳ lộ trình nào khác ngoài lộ trình giúp đỡ nhân loại nhiều nhất—một nhận xét mà kiến thức lớn hơn sẽ ngăn họ đưa ra. Chúng ta không bao giờ nên quên rằng có những sự tiến hóa khác trong hệ mặt trời ngoài sự tiến hóa của chính chúng ta, và chắc chắn là cần thiết cho việc thực hiện kế hoạch rộng lớn của Thượng đế rằng phải có các chân sư làm việc trên tất cả bảy dòng mà chúng ta đã đề cập. Chắc

Master would be to go wherever his work was most needed—to place his services with absolute selflessness at the disposal of the Powers in charge of this part of the great scheme of evolution.

chắn sự lựa chọn của Chân sư sẽ là đi đến bất cứ nơi nào công việc của Ngài cần thiết nhất —đặt các dịch vụ của mình với sự vị tha tuyệt đối dưới sự điều động của các Quyền năng phụ trách phần này của kế hoạch tiến hóa vĩ đại.

This then is the path which lies before us, the path which each one of us should be beginning to tread. Stupendous though its heights appear we should remember that they are attained but gradually and step by step, and that those who now stand near the summit once toiled in the mire of the valleys, even as we are doing. Although this path may at first seem hard and toilsome, yet ever as we rise our footing becomes firmer and our outlook wider, and thus we find ourselves better able to help those who are climbing beside us.

Đây chính là con đường nằm phía trước chúng ta, con đường mà mỗi người trong chúng ta nên bắt đầu bước đi. Mặc dù những đỉnh cao của nó có vẻ kinh ngạc, chúng ta nên nhớ rằng chúng chỉ đạt được một cách dần dần và từng bước một, và rằng những người hiện đang đứng gần đỉnh cao đã từng nhọc nhằn trong bùn lầy của các thung lũng, giống như chúng ta đang làm. Mặc dù con đường này ban đầu có vẻ khó khăn và nhọc nhằn, nhưng khi chúng ta càng lên cao, bước chân của chúng ta càng vững chắc hơn và tầm nhìn của chúng ta càng rộng mở hơn, và do đó chúng ta thấy mình có khả năng giúp đỡ tốt hơn cho những người đang leo cùng chúng ta.

Because it is at first thus hard and toilsome to the lower self, it has sometimes been called by the very misleading title of "the path of woe;" but, as Mrs. Besant has beautifully written, "through all such suffering there is a deep and abiding joy, for the suffering is of the lower nature, and the joy of the higher." When the last shred of the personality is gone all that can thus suffer has passed away, and in the perfected Adept there is unruffled peace and everlasting joy. He sees the end toward which all is working, and rejoices in that end, knowing that earth's sorrow is but a passing phase in human evolution.

Bởi vì ban đầu nó khó khăn và nhọc nhằn đối với phàm ngã như vậy, đôi khi nó được gọi bằng cái tên rất dễ gây hiểu lầm là "con đường của nỗi đau;" nhưng, như Bà Besant đã viết một cách tuyệt đẹp, "xuyên qua tất cả những đau khổ như vậy là một niềm vui sâu sắc và trường tồn, vì đau khổ là của bản chất thấp hơn, và niềm vui là của cái cao siêu hơn." Khi mảnh vụn cuối cùng của phàm ngã biến mất, tất cả những gì có thể đau khổ như vậy đã trôi qua, và trong vị Chân sư hoàn hảo là sự bình an không lay chuyển và niềm vui vĩnh cửu. Ngài nhìn thấy cái đích mà tất cả đang hướng tới, và vui mừng trong cái đích đó, biết rằng nỗi đau của trần gian chỉ là một giai đoạn thoáng qua trong sự tiến hóa của nhân loại.

"That of which little has been said is the profound content which comes from being on the path, from realizing the goal and the way to it, from knowing that the power to be useful is increasing, and that the lower nature is being gradually extirpated. And

"Điều mà ít được nói đến là sự mãn nguyện sâu sắc đến từ việc đang ở trên con đường, từ việc nhận ra mục tiêu và con đường dẫn đến đó, từ việc biết rằng quyền năng để trở nên hữu ích đang gia tăng, và rằng bản chất thấp hơn đang dần bị tiêu diệt. Và ít được nói đến

little has been said of the rays of joy which fall upon the path from loftier levels, the dazzling glimpses of the glory to be revealed, the serenity which the storms of earth cannot ruffle. To any one who has entered on the path all other ways have lost their charm, and its sorrows have a keeper bliss than the best joys of the lower world." (Vâhan, vol. v., No. 12.)

về những tia vui sướng rơi xuống con đường từ những cấp độ cao hơn, những cái nhìn thoáng qua rực rỡ về vinh quang sắp được mặc khải, sự thanh thản mà những cơn bão của trần gian không thể làm xao động. Đối với bất kỳ ai đã bước vào con đường, tất cả các lối đi khác đều mất đi sức hấp dẫn, và những nỗi đau của nó có một niềm hạnh phúc sâu sắc hơn những niềm vui tốt nhất của thế giới thấp hơn." (Vâhan, tập v., số 12.)

Let no man therefore despair because he thinks the task too great for him; what man has done man can do, and just in proportion as we extend our aid to those whom we can help, so will those who have already attained be able in their turn to help us. So from the lowest to the highest we who are treading the steps of the path are bound together by one long chain of mutual service, and none need feel neglected or alone, for though sometimes the lower flights of the great staircase may be wreathed in mist, we know that it leads up to happier regions and purer air, where the light is always shining.

Vì vậy, đừng để ai tuyệt vọng vì nghĩ rằng nhiệm vụ quá lớn đối với mình; những gì con người đã làm thì con người có thể làm, và chính theo tỷ lệ chúng ta mở rộng sự trợ giúp của mình cho những người mà chúng ta có thể giúp đỡ, thì những người đã đạt được sẽ có thể đến lượt họ giúp đỡ chúng ta. Vì vậy, từ thấp nhất đến cao nhất, chúng ta, những người đang bước đi trên các bậc thang của con đường, được liên kết với nhau bởi một chuỗi dài phụng sự lẫn nhau, và không ai cần cảm thấy bị bỏ rơi hay cô đơn, vì mặc dù đôi khi những bậc thấp của cầu thang vĩ đại có thể bị bao phủ trong sương mù, chúng ta biết rằng nó dẫn lên những vùng hạnh phúc hơn và không khí trong lành hơn, nơi ánh sáng luôn tỏa sáng.
